

ANTHONY GREY
& NGUYỄN ƯỚC

TRĂNG HUYẾT

trường thiên tiểu thuyết

TẬP III

XUẤT BẢN LẦN THỨ BA

có hiệu đính và bổ túc

NXB INTERNET

CANADA – HOA KỲ – 2007

Những gì quá khứ mới chỉ là khúc dạo đầu.

• I Shakespeare

Tôi cảm thấy rằng được sống sót là mắc nợ người đã chết điều gì đó. Đó là nỗi ám ảnh phải nhớ đến họ, và ai không nhớ đến người đã chết là thêm lần nữa phản bội họ.

• I Elie Wiesel, nhà văn

Giải Nobel Hòa bình 1986

Phần Thứ Năm

Điện Biên Phủ

1954

Tới lúc người Anh chuyển giao trách nhiệm tại mạn nam Việt Nam từ vĩ tuyến 16 trở xuống cho Pháp vào đầu năm 1946, đã có hơn hai ngàn người Việt bị giết bởi binh lính thuộc các lực lượng Anh, Nhật và Pháp. Tại mạn bắc vào tháng Ba, rốt cuộc lực lượng chiếm đóng của Trung Hoa cũng rút quân theo một hiệp ước với Pháp, trong đó qui định một số lượng giới hạn quân Pháp được để cho vào miền bắc, đổi lại Pháp từ bỏ các nhượng địa ở Trung Hoa (có Quảng Châu Loan) và bán lại cho họ tuyến đường sắt Vân Nam.

Trong khi đó tại Hà Nội, sau khi cướp được chính quyền, bước kế tiếp của Hồ Chí Minh là củng cố và độc chiếm quyền lực. Ông mua chuộc các tướng lĩnh Trung Hoa Quốc Dân Đảng ở Hà Nội để được họ để yên. Ngày 11.11.1945, nhằm đôi vó bọc để chiêu dụ quần chúng, đảng Cộng Sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán. Thực tế, họ chỉ tạm thời rút vào bí mật với danh nghĩa Hội Nghiên cứu Chủ nghĩa Các Mác do Trường Chinh làm chủ tịch và chuyển đảng viên sang sinh hoạt trong bộ khung của Đảng Dân Chủ. Hồ Chí Minh lập Mặt Trận Liên Việt để làm ngoại vi của Việt Minh, qui tụ và lung đoạn các tổ chức tôn giáo và quần chúng khác. Nó là tiền thân của Mặt Trận Tổ Quốc sau này. Sáu năm sau, ngày 19.2.1951, đảng CSĐD lại ra công khai với tên đảng Lao Động do Stalin đặt. Và sau khi hoàn tất cuộc xâm chiếm miền nam, tháng 12.1976, đảng hoàn nguyên hình với tên Đảng Cộng sản Việt Nam.

Tháng 1.1946 HCM cho tổ chức phổ thông bầu cử Quốc Hội của VN Dân Chủ Cộng Hoà để chính thức công nhận chính phủ của ông và thông qua Hiến Pháp. Ngày 6 tháng 3, ông tự động ký Hiệp ước Sơ bộ với Sainteny, đại diện của Pháp tại Hà Nội, trong đó ông nhường đón sự trở lại của Pháp, bù lại, Paris công nhận VNDCCH là một nước trong khối Liên Hiệp Pháp. Kết quả, mười hai ngày sau, 1000 quân Pháp cùng 200 xe vào Hà Nội, và tại Nam Việt, Pháp cho thành lập "Cộng Hòa Tự trị Nam kỳ".

Rảnh tay với Pháp, HCM quay qua đối phó với ""Việt Gian"", kẻ thù chính của ông. Các đảng viên cộng sản khổng chế chính phủ Việt Minh ra tay khủng bố và tiêu diệt kẻ nào không theo đường lối của cộng sản. Đối với các đảng phái vừa cùng Hoa quân nhập Việt, Võ Nguyên Giáp, chỉ huy trưởng công an và quân đội, theo nhịp quân Tàu rút lui, tung quân nổi gót chiếm lại tất cả các tỉnh lỵ và làng mạc nằm trong tay Việt Quốc (VNQĐĐ) và Việt Cách (VN Cách Mệnh Đồng Minh Hội), sau những trận đánh nhau ác liệt.

Tại Hà Nội, thực hiện lời tuyên bố của HCM lúc đó đang ở Paris: "Kẻ nào không đi theo đường lối tôi vạch ra, sẽ bị tiêu diệt", Việt Minh ngay tạo vụ Ôn Như Hầu để triệt tận gốc Việt Quốc và từ đó hạ sát địch thủ của mình càng nhiều càng tốt, đặc biệt các thành viên của Đại Việt QĐĐ, ĐV Duy Dân, ĐV Dân Chính, Tân Tả Phái, Cao Đài, Hòa Hảo, v.v. khắp bắc bộ, nam bộ và trung bộ, bằng lối quen thuộc của họ như bắn, chém, ám sát, thắt cổ, chôn sống, cho vào bao vào rọ thả xuống sông hồ, v.v. Khoảng 900 trong số 1000 người tốt nghiệp trường võ bị Hoàng Phố và Liễu Châu bị giết. Trại giam Trung ương Đền Đùn không đủ chỗ chứa. Những lãnh tụ quốc gia sống sót và một số đảng viên nòng cốt phải rút sang Trung Hoa. Trong hàng ngàn người bị thủ tiêu, có những lãnh tụ có uy tín, được quần chúng hậu thuẫn như nhóm Tân Tả Phái của Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch, các nhóm Lập Hiến của Phạm Quỳnh, Ngô Đình Khôi, Bùi Quang Chiêu, Dương Văn Giáo, lãnh đạo tôn giáo như Huỳnh Phú Sổ, lãnh tụ các đảng phái quốc gia như Trương Tử Anh, Lý Đông A, Nhượng Tống, Khái Hưng, Nguyễn Văn Sâm, Hồ Văn Ngà, v.v., và cả chục ngàn tín đồ Cao Đài.

Như thế, trong năm cầm quyền đầu tiên và bằng đủ mọi cách, HCM đã lập được nền tảng vững chắc cho chế độ độc đảng và khích động lòng yêu nước của thanh niên; lập những đoàn quân "nam tiến" tham gia cuộc kháng Pháp ở nam bộ. Nạn đói ở Bắc Việt và nạn bắc Trung Việt được khắc phục nhờ dân chúng tăng gia sản xuất và được mùa trong khung cảnh hòa bình sau Thế Chiến.

Kế đó, những cuộc điều đình kéo dài cho tới mùa thu giữa HCM với giới lãnh đạo Pháp tại Paris mà lập trường ngoan cố của Pháp là không chịu trao trả hoàn toàn độc lập cho Việt Nam. Và rõ ràng đôi bên đều đang chuẩn bị một cuộc xung đột công khai. Tuy vậy, trong tình

hình chính trị thế giới bấy giờ, Việt Nam vẫn là một vùng nước đọng không được để ý tới, và trong thời gian này, trước thế đứng dạng hai chân của Hồng Quân Sô Viết tại Trung Âu và Đông Âu, tổng thống Harry Truman lèo lái Hoa Kỳ kiên quyết hậu thuẫn Pháp vì tầm quan trọng của Pháp tại châu Âu, đầu trường chủ yếu trong cuộc Chiến Tranh Lạnh.

Hồ Chí Minh nhiều lần viết thư gửi Truman nhằm mưu tìm sự ủng hộ của Hoa Kỳ nhưng không thư nào được phúc đáp. Thực tế, Bộ Ngoại Giao Mỹ lúc nào cũng ủng hộ Pháp và không để mất tới quan hệ giữa OSS và Việt Minh. Cuối cùng, Washington chính thức tuyên bố Mỹ có ý định tôn trọng chủ quyền của Pháp tại Đông Dương và phân bộ OSS bị đột ngột rút khỏi Hà Nội vào tháng Mười năm 1945. Mãi về sau, các nhà lãnh đạo Mỹ mới tự hỏi phải chăng họ đã để vượt cơ hội bằng vàng biến HCM thành một Tito châu Á thân thiện với phương tây.

Ngày 19.12.1946, nổ ra chiến tranh Việt Pháp. Trong bầu không khí tung bừng đánh Pháp, "một mùa thu năm xưa cách mạng tiến ra sa trường", toàn dân tham gia kháng chiến. HCM rời Hà Nội quay về các hang động đá vôi cố cựu tại Bắc Việt, nơi 16 tháng trước, ông đã từ đó khai hoàn hạ sơn. Bên cạnh việc dùng các phần tử bất hảo để bắt giết, giam cầm những kẻ không theo mình, mà họ gọi là "Việt Gian", HCM và các đảng viên cộng sản trong MT Việt Minh khích động lòng yêu nước. Kết quả là tầng lớp tiểu tư sản trí thức và nông dân lũ lượt đi theo Việt Minh để đánh Pháp, giành độc lập cho tổ quốc và tự do cho dân tộc. Do đó, khi chiến tranh mới bắt đầu, người Pháp nhận ra rằng dù với quân số 150.000 người tại Việt Nam, Pháp chỉ có thể kiểm soát các trung tâm thành thị và các đường giao thông giữa các thành phố lớn trong khi Việt Minh có ảnh hưởng sâu rộng hơn tại nông thôn và rừng núi.

Sau một ít chiến thắng ban đầu của Pháp, cục diện quân sự đạt tới thế dang co ngang ngửa. Tình thế đó kéo dài tới tháng 11.1949, khi những người cộng sản theo Mao Trạch Đông chiến thắng cuộc nội chiến tại Trung Hoa và biến cố ấy làm phát sinh sự thay đổi lớn lao trong ngọn triều lịch sử thế giới. Biến cố ấy cũng cuốn hút cuộc chiến tranh Đông Dương vào vòng quay Chiến Tranh Lạnh giữa chủ nghĩa cộng sản và các nước phương tây.

Chỉ qua một đầu hôm sớm mai, Trung Quốc trở thành an toàn khu nằm dọc biên giới phía bắc Bắc Việt và các lực lượng du kích của HCM có thể an toàn lui quân về bên đó để thao luyện dài ngày dưới sự chỉ huy của tướng Giáp. Thực tế, từ năm 1947 tới 1949, với vũ khí thô sơ và lối đánh du kích, lực lượng Việt Minh cũng đã đạt được những bước tiến lớn lao. Tới đầu năm 1950, họ đã có thể lập những sư đoàn (đại đoàn) chính qui để chiến đấu với Pháp nhưng sự tiến bộ đó phải trả bằng giá máu ghê gớm. Thí dụ năm 1948, lực lượng chính qui mới của Việt Minh tung trận đánh đầu tiên vào đồn Phủ Thông do 100 quân Pháp trấn giữ; họ dùng tới 3.000 quân nhưng vẫn không chiếm nổi đồn.

Với viện trợ vũ khí, quân dụng, lương thực, huấn luyện và đặc biệt, sự kèm cặp của các cố vấn Trung Quốc từ trung ương xuống tới các đại đơn vị và từng chiến dịch, lực lượng Việt Minh vươn lên hẳn. Chỉ cần đôi ba tháng, dân quân du kích chuyển hóa thành các đội ngũ tác chiến hoàn chỉnh, trang bị vũ khí pháo binh hiện đại của Mỹ được tận dụng từ những kho súng đạn của bại quân Tưởng Giới Thạch và như thế, chiến thắng quân sự của Pháp trở thành một điều không thể nào đạt.

Vào cuối năm 1950, bốn mươi ba tiểu đoàn Việt Minh trong số những tiểu đoàn tân trang từ Trung Hoa ồ ạt tràn về biên giới, chọc thủng phòng tuyến yếu ớt của các đồn binh Pháp và giáng cho Pháp một đòn thất bại nhục nhã nhất tại một xứ thuộc địa, tính từ ngày tướng

Montcalm bị thua và tử trận trong tay quân Anh tại Québec năm 1759. Bốn ngàn binh lính Pháp vừa bị giết vừa bị bắt làm tù binh, vô số vũ khí cùng phương tiện vận chuyển bị tịch thu.

Rốt cuộc Việt Minh, với các thủ lĩnh cộng sản khổng chế, công khai liên minh bền vững với Mát-cơ-va và Bắc Kinh. Họ kiểm soát từ biên giới Trung Hoa tới cách Sài Gòn chưa đầy 150 cây số, chỉ trừ chu vi phòng thủ của Pháp quanh châu thổ sông Hồng và Hà Nội.

Chiến thắng của Mao Trạch Đông lại càng làm phương tây thêm sợ hãi chủ nghĩa cộng sản vốn đang bành trướng vững chắc. Nỗi sợ đó mang cuộc chiến tranh Đông Dương ra khỏi hoàn cảnh khuất lấp vì mãi đến lúc ấy các bên tham chiến vẫn còn quần thảo nhau trong tình trạng ít được công luận thế giới biết tới.

Tháng Giêng 1950, Liên Xô công nhận chính phủ HCM tại một căn cứ địa vùng thượng du của Việt Minh. Hành động ấy thúc bách Hoa Kỳ công nhận một chính phủ VN khác do Pháp bảo trợ và Bảo Đại làm quốc trưởng. Từ tháng 3.1946 nhân chuyển sang công tác Trùng Khánh và theo lời đề nghị của HCM, Bảo Đại ở lại Trung Hoa. Sau đó ông qua Hồng Kông. Tại đây ông được các nhân sĩ theo chủ nghĩa dân tộc móc nối rồi tiếp xúc với Pháp. Năm 1948, Cựu Hoàng về nước thành lập Chính phủ Lâm thời Việt Nam; Quân đội Quốc gia VN, v.v... Chế độ mới này qui tụ được nhiều thành phần không cộng sản, đặc biệt những người từng tham gia kháng chiến chống Pháp nhưng rồi bị cộng sản tìm cách đầu tố, loại trừ hoặc chính họ vỡ mộng, tự động rời bỏ hàng ngũ Việt Minh. Họ chính thức sử dụng danh xưng "quốc gia" (vốn có từ thời Hồ VănNgà) như một căn bản phân biệt với tính "quốc tế" của cộng sản,

Ngày 8.3.1949, tại Điện Elysée (Paris) Vincent Auriol nhân danh Tổng thống Cộng hòa Pháp kiêm Chủ tịch Liên hiệp Pháp cùng ký với Quốc trưởng Bảo Đại Hiệp định Elysée công nhận VN thống nhất và độc lập trong LHP. Nhưng mọi sự đã trễ so với tiến độ giành quyền lực của HCM; nhất là sau 80 năm bị đô hộ, nhân dân VN đã quá hiểu người Pháp và không còn tin tưởng lá bài Bảo Đại. Người quốc gia lúc này bị lâm vào tình thế nan giải mới, chính nghĩa bị tổn thương trong tình trạng chia rẽ giữa các đảng phái, các giáo phái; không vận động nổi quần chúng làm hậu thuẫn bởi sự kiện Pháp vẫn nắm quyền chỉ huy guồng máy chiến tranh; và Bảo Đại chỉ quanh năm an dưỡng bên các thứ phi tại biệt điện ở Đà Lạt hoặc tại Cannes ở Pháp.

Sự chúc lành của Mát-cơ-va và Bắc Kinh đối với chính quyền HCM, theo nhận xét của Bộ Trưởng Quốc Phòng Mỹ Dean Acheson, đã "lột trần những ảo tưởng sau cùng về tính cách quốc gia dân tộc" trong cấu trúc của HCM và tỏ cho thấy ông ta là kẻ tử thù của độc lập dân tộc. Washington bắt đầu tuôn ào ạt viện trợ quân sự và kinh tế vào VN và các xứ khác tại Đông Dương để giúp Pháp ngăn chặn sự lan tràn của cộng sản. Và như thế, lập tức biến cuộc chiến tranh thuộc địa của Pháp thành cuộc thập tự chinh chặn đứng sự bành trướng của cộng sản tại châu Á, đặc biệt Trung Quốc Cộng sản của Mao Trạch Đông.

Những e ngại của phương tây về Đông Dương dâng cao thêm nữa vào tháng Sáu năm 1950 khi Bắc Triều Tiên xâm lấn người anh em miền nam. Dưới lá cờ Liên Hiệp Quốc, các lực lượng phương tây bị lôi kéo vào cuộc đụng độ với các đạo quân cộng sản của Bắc Triều Tiên và Trung Quốc. Hậu quả là tổng thống Truman cử một phái bộ quân sự từ Washington tới Sài Gòn vào mùa hè năm đó để giữ liên lạc mật thiết với Pháp. Hành động ấy đánh dấu khởi điểm cho sự dính líu có tính định mệnh của Hoa Kỳ vào Việt Nam. Những giúp đỡ dưới hình thức viện trợ quân sự ngày càng tăng cho tới năm 1954, ba tỉ Mỹ kim đã được rót vào kho bạc quân sự của Pháp tại Đông Dương.

Năm 1953, ngưng bắn ở Triều Tiên giúp cộng sản rảnh tay tập trung mọi nỗ lực quân sự vào Đông Dương và quân viện của Nga Hoa cho các lực lượng của HCM tăng mạnh. Ngược lại, chính phủ thứ 19 của Pháp lên nắm chính quyền sau thời gian chín năm khủng hoảng tả tôi, đề ra nỗ lực đầy tuyệt vọng để tìm một con đường danh dự cho Pháp thoát ra khỏi cái náy đã trở thành một mục đích vô vọng và lẩn quẩn.

Pháp chấp nhận kế hoạch của cấp lãnh đạo quân sự nhằm nhử đại bộ phận chủ lực quân nòng cốt của Việt Minh vào một cuộc chạm trán có dàn dựng trước và mang tính quyết định, nằm đằng sau phòng tuyến của Việt Minh tại Điện Biên Phủ. Đó là một thung lũng heo hút phương bắc nơi người ta cho rằng ưu thế về không quân và hỏa lực mạnh mẽ hơn của Pháp có thể tiêu diệt dễ dàng một đối thủ không sở hữu máy bay, xe tăng và chỉ có các phương tiện vận chuyển rất hạn hẹp.

Trước đó, người Pháp đã có lần toàn thắng một cú táo bạo khi thả dù binh sĩ và quân khí xuống để thành lập cụm cứ điểm Nà Sản tại một thung lũng đá vôi chật hẹp đằng sau phòng tuyến của Việt Minh. Khi tướng Giáp thiếu chuẩn bị thích đáng đã vội tấn công cứ điểm ấy, ông mất trọn một đại đoàn trên các bãi mìn và giữa các hàng rào kẽm gai công sự phòng thủ. Lần này tư lệnh tối cao của Pháp tại Đông Dương hy vọng rằng kết quả đó có thể được lặp lại và mang tính quyết định hơn nữa. Nhưng thay vì đem đến chiến thắng dễ dàng và nhanh chóng, Điện Biên Phủ lại biến thành nơi dàn quân cho một trong những trận đụng độ định mệnh và có tính lịch sử nhất từ xưa tới nay giữa Đông và Tây.

- 1 -

Chiếc áo choàng xanh thẫm - qua hàng hàng thế kỷ, trong cái nóng và ẩm ướt, cây rừng rậm rạp đan quện nhau dệt trên những sườn núi uốn lượn như lưng rồng - chỉ lộ ra từng mảng bên dưới các dải mây thấp khi chiếc máy bay bà già Dakota của Không lực Pháp ịch lướt mình dưới ánh bình minh xám xịt để bay vào Điện Biên Phủ trong một sáng tinh sương tháng Hai năm 1954.

Để tới được cái góc heo hút phía tây bắc Việt Nam và gần biên giới Lào này, phải mất tiếng rưỡi đồng hồ cho một chuyến phi hành chỉ dài ba trăm cây số. Trong thời gian đó, Joseph phải ngồi khom lưng trên chiếc ghế xếp bằng sắt đặt giữa một đồng đồ tiếp liệu gồm những tấm ván dùng để đóng quan tài, huyết tương, đồ hộp và một tá két bia Pháp chờ lậu. Trên đùi anh trái tấm bản đồ không thám cho thấy thung lũng Điện Biên như một ốc đảo nhỏ bé được tô màu xanh lá cây, nổi bật giữa một vùng mênh mông bất tận vây quanh nó, tô màu xám nhạt, tiêu biểu cho khối núi đá vôi bò lan ngồn ngang tại Bắc Việt.

Thung lũng có hình thể lòng chảo ấy chiều dài mười sáu cây số và chiều ngang chín cây số. Trước đây, nó là chốn lưu cư của khoảng hai chục bản làng với những nhà sàn làm bằng tre và tranh. Tới cuối tháng Mười một năm 1953, lính nhảy dù Pháp chiếm lĩnh và biến nó thành một căn cứ quân sự. Xây dựng theo hình thức một tập đoàn gồm nhiều cụm cứ điểm, với chu vi phòng thủ là một vòng đai khoảng năm chục cây số. Kể từ lúc ấy, ngoài việc củng cố căn cứ quân sự và gia tăng quân số của binh đoàn phòng ngự lên tới mười ba ngàn quân, người ta còn thả dù xuống trọng pháo, xe tải và kể cả xe tăng.

Viên phi công Pháp nói, giọng khản trương, mắt vẫn nhìn thẳng tới trước:

- Monsieur, bám chặt ghế! Để đáp xuống cái bô này ta phải vọt lên cao tránh các ổ súng cao xạ của Việt Minh, rồi xuyên qua mây, ta lao thẳng xuống theo tín hiệu độc nhất phát ra từ máy truyền tin ở dưới đất.

Siết dây nịt an toàn thêm một nấc nữa, Joseph mỉm cười trước lời khôi hài trắng trợn của viên phi công Pháp. Anh ta dùng chữ *pot de chambre* - cái bô nước tiểu - một từ ngữ dung tục được các đoàn phi hành Pháp dùng để gọi lòng chảo Điện Biên Phủ. Một nơi suốt hai tháng nay, họ phải hằng ngày bay xuyên qua màn sương mù và mưa bụi dày đặc để hạ cánh hoặc thả dù tám mươi tấn đồ quân dụng xuống cho tập đoàn cứ điểm.

Khi chuyện trò riêng với nhau, vài nhân viên phi hành không giấu việc họ xem thường phương án quân sự này của Tướng Navarre, Tổng tư lệnh quân đội Pháp tại Đông Dương. Và khi chiếc Dakota lao ra khỏi lớp mây dưới cùng, viên phi công khịt khịt mũi chế giễu:

- Đó monsieur, trước mắt ông là quang cảnh đầu tiên của cái mà các cấp chỉ huy của chúng tôi nhận thức theo trí tuệ của họ là "một căn cứ quân sự mang tính tấn công để từ đó đánh tập hậu đối phương".

Vội về châm biếm, anh ta hát hàm về phía kính chắn gió của máy bay và nói tiếp:

- Ngó coi bộ có lý khi nó nằm trong bản đồ treo trên vách văn phòng của tướng Navarre tại Sài Gòn. Nhưng ở đây, từ trên cao này nhìn xuống, ông có thể thấy thật ra nó là cái gì - một nhà tù mình dựng lên để tự nhốt mình vô đó.

Joseph thấp thỏm nhìn chăm chú xuống những thửa ruộng đất sét chấp vá, với những ổ súng máy trong các ụ bao cát và các giao thông hào đan nhau chằng chịt như những lần sọc rạch ngang rạch dọc. Dưới đáy thung lũng uốn lượn một dòng sông nước cạn. Hai bên bờ cuộn những hàng rào kẽm gai dài như vô tận. Anh có thể thấy những đám lính đông đảo dùng xẻng nhà binh đang tát bắt đào giao thông hào trên sườn các ngọn đồi thấp, trên đó, dựa theo địa hình thiên nhiên của chúng, người ta lập thành các cứ điểm phòng thủ bên trong vòng đai của tập đoàn cứ điểm.

Đưa mắt lần lượt quan sát các đỉnh núi cao vượt hẳn lên trên đang bọc quanh mọi phía lòng chảo, Joseph hít một hơi thật gấp:

- Anh có lý. Có một nguyên tắc hành quân cực kỳ cổ điển là "chớ bao giờ để đối phương chiếm giữ cao điểm ở phía trên quân ta", thế mà các đỉnh này lại hoàn toàn để dành cho Việt Minh!

Viên phi công gật đầu:

- Bây giờ hẳn ông đã hiểu tại sao chúng tôi gọi nó là cái bô nước tiểu? Từ các đỉnh núi ấy, lũ "da vàng" có thể đá lên trên hết thấy chúng tôi. Tướng Navarre và bộ tham mưu của ông ta chắc đang sống trong thế giới mộng mị. Họ nghĩ rằng quân địch từ trên các ngọn đồi chung quanh sẽ lại ào xuống, như chúng từng làm tại Nà Sản, để sẵn sàng đứng chôn chân trong dây kẽm gai cho quân ta có thể dùng máy bay tiêm kích và pháo binh nghiền chúng nát như cám - có điều tôi sẽ hết sức ngạc nhiên nếu tướng Giáp mắc bẫy cái trò lừa đó tới hai lần!

Joseph nói và gật gật đầu:

- Có vẻ chẳng ai lại điên rồ tới như thế!

Viên phi công khịt mũi thêm lần nữa rồi nhún vai. Anh ta lại ngó xuống những sườn đồi rậm rạp bên dưới thân máy bay khi chiếc Dakota sà xuống:

- Ba cái thứ đó đều dựa theo lý thuyết quân sự nơi trường lớp. Tại bộ tư lệnh, người ta chăm chỉ nghiên cứu các sa bàn nhỏ xíu và không kẻ nào tin rằng lũ "da vàng" có thể chuyển vận vũ khí và đồ tiếp liệu tới đây, vượt qua mấy trăm cây số đường núi, đủ để kéo dài một cuộc vây hãm thật sự. Nhưng nếu người ta sai lầm, tập đoàn cứ điểm này tới giờ cuối sẽ là miếng mồi ngon cho bọn Việt xơi tái.

Joseph tiếp tục xem xét từ cụm cứ điểm này sang cụm cứ điểm khác với con mắt chuyên nghiệp. Khi chiếc Dakota sà xuống thấp hơn, lông mày anh cau lại, hẳn rõ nét hơn. Cuối cùng anh nói:

- Dường như người ta đặt quá nhiều đức tin vào các đồi cứ điểm bên trong vòng đai phòng thủ. Nhưng nếu người Việt Nam tới được những chỗ đó, sẽ có cận chiến cực kỳ ác liệt.

Viên phi công gạt đầu. Thêm lần nữa anh ta khoa tay chỉ qua kính chắn gió:

- Gần như mỗi ngọn đồi là một cụm cứ điểm. Ba đồi cực bắc thung lũng được đặt tên Gabrielle mà bọn Việt Minh gọi là Đồi Độc lập, Béatrice là Him Lam và Anne-Marie là Bản Kéo. Một đồi ở phía Nam được đặt tên Isabelle là Hồng Cúm và một nhóm nhỏ nằm rải rác bọc quanh trung tâm chỉ huy ở giữa, Claudine là 310, Francoise là Nà Ngọng, Elaine là A+, C+... Hugette là B+... Dominique là các cứ điểm E+, D+... và vị trí pháo binh 210.

Nói tới đây, anh ta liếc Joseph thật lẹ, mặt nhăn lại không chút đùa cợt:

- Nếu ông chưa từng nghe, có lẽ tôi phải kể với ông rằng đại tá De Castries, chỉ huy trưởng tập đoàn cứ điểm này, được người ta đồn là kẻ đào hoa nổi tiếng. Binh lính của ông ấy tin rằng những ngọn đồi cụm cứ điểm được đặt theo tên các tình nhân hiện nay của ông ta - nhưng họ không thú vị lắm cái ý tưởng đó.

Qua kính chắn gió, Joseph nhận thấy có những luồng khói trắng phụt lên dọc thung lũng, sát đường băng hạ cánh. Giữa tiếng gầm của động cơ Dakota, anh nhận ra tiếng hú đặc biệt của các khẩu sơn pháo loại nhẹ 75 li. Anh chú ý người tới sát bên tai viên phi công và nói:

- Ngó như thể Quân đội Nhân dân Việt Nam đang nồng nhiệt dàn chào chúng ta.

Người Pháp lại gạt đầu ác liệt, không quay mình lại:

- Địch cũng sẽ pháo kích phi đạo khi chúng ta đáp xuống. Lúc này chuyện đó thành thông lệ. Hễ bánh phi cơ chững lại, ông phải lập tức phóng thật lẹ lên xe díp của bộ chỉ huy được người ta phái ra đón ông.

Khi chiếc Dakota sà xuống gần mặt đất, Joseph nhìn chòng chọc từng chỗ đạn pháo nổ vang, bắn đất vàng văng tung toé dọc đường băng làm bằng vỉ sắt do người Nhật lát thời Thế Chiến Hai. Qua cửa sổ máy bay, anh có thể thấy một chiếc xe díp chỉ huy chạy dic-dắc giữa các loạt đạn pháo đang nổ. Dù ở cách xa một trăm thước, anh vẫn nhận ra một dáng người cao, vai

vuông, thẳng lưng, ngồi bên cạnh tài xế. Trên mình người ấy mặc bộ đồ trận rằn ri và đội mũ bê-rê màu đỏ thẫm của Tiểu đoàn Dù Thuộc địa Số 2.

Trên mặt đất, tiếng uyỳnh uyịch bùm bụp của đạn pháo khi nổ nghe lớn hơn nhưng không giống tài xế xe díp, viên sĩ quan ngồi cạnh anh ta chẳng màng đội mũ sắt. Trước vẻ can trường điềm tĩnh thấy rõ ấy, trong lòng Joseph, những ray dứt mơ hồ về mặc cảm đắc tội và ân hận càng ngày càng nhiều suốt hai ba năm nay lúc này bỗng dưng kịch liệt thêm.

Chiếc Dakota vừa chứng bánh, Joseph lao mình ra cửa máy bay, khom người chạy thật lẹ về phía xe díp. Tài xế cho xe chạy chậm lại ứng nhịp với bước chân người đi bộ để Joseph có thể vọt lên xe. Sau đó, tài xế quành xe, chạy một mạch về những căn hầm kiên cố của bộ chỉ huy được lập sâu dưới mặt đất hai thước.

Túm bàn tay viên trung tá Pháp bằng cả hai tay mình, Joseph thét lớn:

- Tôi cứ tưởng thung lũng này là một pháo đài rất vững chắc!
- Nó đúng là thế, ông bạn ạ, tôi bảo đảm với anh.

Paul Devraux trả lời, cười miệng rộng tận mang tai và hét thật to, cố át tiếng đạn pháo đang gầm rú, để cho Joseph nghe ra anh đang nói cái gì:

- Đừng lo! "Người Mỹ đa tình" sẽ không bị bắn rớt lại đây hai hòn bi ngọc ngà đâu - bọn chúng không cách gì lập nổi hàng rào hỏa lực thật sự hữu hiệu bằng mấy khẩu 75 li nhỏ xíu thứ ông thổi hột đậu của con nít đó!

Khi xe díp rít lên ken két rồi ngừng bánh trước giao thông hào dẫn xuống hầm trú ẩn kiên cố của Paul, từ chón mịt mù bụi trời ra một chi đoàn xe tăng ầm ầm chạy ngang chỗ hai người. Paul chỉ hướng đông bắc và nói:

- Xe thiết giáp lên đường để xử mấy khẩu sơn pháo nơi các chân đồi đằng kia. Chỉ chút nữa thôi bọn chúng sẽ câm họng. Nếu anh muốn, chúng ta có thể đứng lại đây quan sát.

Một hai phút sau, Joseph và Paul nghe tiếng nổ rất sâu của các khẩu pháo trên xe tăng từ đầu kia lòng chảo vọng lại, rồi cuộc pháo kích của Việt Minh xuống phi đạo thành linh tấp tịt. Paul nói với vẻ hả hê và đưa tay trườn mền quàng qua vai Joseph:

- Anh thấy chưa, tôi nói có đúng không? Đây không phải chỗ an toàn nhất trên toàn cõi Đông Dương thì nó là cái gì?

Joseph cười đáp trả nhưng không thể ngăn nổi mình cứ thỉnh thoảng lại đưa mắt nghi ngại nhìn lên các đỉnh núi bên trên thung lũng. Viên sĩ quan Pháp cười lớn rồi làm điệu bộ hoa tay nửa vòng, ra hiệu mời Joseph đi trước vào hầm:

- Nếu anh không tin tôi, tôi sẽ sắp xếp cho anh nói chuyện với đại tá Piroth, chỉ huy trưởng pháo binh của chúng tôi. Ông ấy sẽ làm anh yên lòng. Nhưng cái quan trọng hơn tất cả là tôi đang có một chai cô-nhắc thật ngon. Mình uống mừng sự đoàn tụ của chúng ta và chào đón anh tới Điện Biên Phủ.

Paul thêm lần nữa nồng nhiệt vỗ vai người Mỹ:

- Đã bao nhiêu năm rồi, Joseph ạ, nay gặp lại anh thật tuyệt vời.

- 2 -

Trong lúc đó, cách căn hầm kiên cố của trung tá Paul Devraux nằm cây số, trên sườn núi rậm rạp, Ngô Văn Đồng - con trai lớn của kẻ từng có thời làm "bồi" trại săn cho thân phụ của Paul - căng người dưới sợi dây chèo dài bên bằng cây rừng đang cửa từng lần rướm máu trên hai vai trần của anh.

Miệng làm bầm, người nhể nhại mồ hôi, Đồng tiếp tay với một trăm bộ đội dưới quyền mình kéo khẩu trọng pháo Trung Quốc 105 li lên theo khe núi dựng đứng, dưới mắt nhìn khắc khổ của Đào Văn Lật. Lật mặc quân phục ka-ki, không đeo phù hiệu nhưng mái tóc sớm bạc và bộ đồ đại cán vừa vặn, thẳng nếp cho thấy anh là chính ủy cao cấp trong bộ tư lệnh của tướng Võ Nguyên Giáp và các cố vấn Trung Quốc.

Cứ mỗi lần khẩu đại pháo nòng dài thườn thượt nhích lên được vài ba phân trên triền dốc ngược, toán bộ đội pháo binh đang xúm quanh lại lật đặt chêm mấy khúc gỗ súc to tướng vô dưới bánh xe cao su để chặn không cho nó tuột trở lại. Mỗi lần như thế, Lật gật đầu tán thưởng và khích lệ. Sau mỗi lần đại đội dừng một chút lấy hơi, Lật lại cất giọng hò trầm bổng. Và bài hò ấy được lặp lại từ đầu tới cuối hàng người dầm mồ hôi, bằng những âm thanh cao thấp khác nhau, rồi tất cả lại hè nhau kéo pháo:

Hồ dô ta...nào!

Kéo pháo ta vượt qua đèo!

Hồ dô ta... nào!

Kéo pháo ta vượt qua núi!

Dốc núi cao cao nhưng lòng quyết tâm còn cao hơn núi!

Vực sâu thăm thẳm, vực nào sâu bằng chí căm thù...!

Đồng hô lớn từng chập: "Keéoo! Kéo mạnh naày! Keeéooo... " Theo mỗi nhịp hô của Đồng, người trong đại đội lặp lại và ra sức kéo. Trên dốc núi đá lởm chởm họ rướn người căng cứng dưới mấy sợi dây chèo. Bàn chân côát chặt đôi dép râu Bình Trị Thiên trượt rồi lại bám, bám rồi lại trượt. Cứ thế, khẩu pháo nặng nề nhích lên dần, từng chút một.

Suốt ba ngày nay đại đội của Đồng kéo khẩu trọng pháo nguy trang ấy lên núi. Mỗi phút nó nhích lên chưa đầy một thước. Mỗi ngày chỉ trườn lên được bảy tám trăm thước. Để tiện việc kéo pháo, người ta dùng sức người bửa xuống nền đá vôi, đào một con hào dài, và đan các tán lá rậm thành một tấm lưới nguy trang để giăng ngang che kín mặt hào và chuyền dọc bên trên khẩu pháo.

Khẩu pháo đại đội của Đồng đang kéo là khẩu cuối cùng trong hai mươi bốn khẩu đại pháo 105 li được Đại đoàn Công pháo 351 của lực lượng Việt Minh âm thầm kéo thành công qua năm trăm cây số đường rừng núi từ biên giới Trung Hoa tới Điện Biên Phủ. Hai mươi ba khẩu

pháo kia đã được giấu thật kín trên các mỏm núi khác. Đại đội của Đồng được trao cho vinh dự chuyển khẩu pháo cuối cùng này vào vị trí như một công nhận thành tích chỉ huy can trường của anh trong các trận đánh trước đó.

Cũng như hôm qua, Đồng và lính trong đại đội thức dậy từ lúc trời còn lâu mới rạng sáng. Dù lao tâm lao lực sẵn họ vẫn cố hết sức kéo pháo suốt mấy tiếng đồng hồ, và lúc này sức lực cũng như tinh thần bắt đầu kiệt dần. Lính trong đại đội đều biết rằng phải mất trọn một ngày nữa mới có thể kéo được khẩu đại pháo này lên tới chiếc hang nguy trang được bộ đội công binh khoét sẵn nơi đỉnh núi đá bên trên họ. Đưa mắt hỏi ý Lật và thấy chính ủy gật đầu, Đồng ra lệnh ngừng lại.

Trong số những người dưới quyền Đồng, nhiều bộ đội chỉ là thiếu niên mới mười mấy tuổi. Vừa có lệnh nghỉ ngơi ăn uống, các cậu lập tức cảm thấy mệt lã, nằm vật xuống các đồng đá trên sườn núi. Phải mấy phút sau, cả đại đội mới lê nổi thân mình dậy rồi ngồi nhai ngấu nghiến, nuốt lấy nuốt để suất ăn gồm chỉ mấy nắm cơm vắt. Nhìn lính ăn, Đồng lại nghĩ tới một năm rưỡi trời tàn mạt anh đã trải qua trong đồn điền Vĩ An.

Cũng y hệt những chàng trai trước mặt, Đồng và chú em Học thường đói tới rã họng, bả người nằm vật xuống giữa hai hàng cây cao su, cố nhai nuốt suất cơm còm côi. Nhưng thuở đó, điều độc nhất hai anh em quan tâm tới là làm sao giữ mạng sống trong hoàn cảnh ăn ở và làm việc như súc vật do các chủ đồn điền tây thực dân an bài cho cu-li. Hôm nay, thế hệ trai trẻ mới này ít ra cũng được trao cho cơ hội chiến đấu giải phóng bản thân thoát khỏi bọn thực dân Pháp cừu thù đã đô hộ dân tộc Việt Nam trong một tám mươi năm dài dằng dặc. So với một Học cơ khổ và tử nạn, họ may mắn biết mấy! Chưa vào trận, gia đình họ đã được cấp ruộng sau đợt cải cách ruộng đất đặc biệt để tạo khí thế cho chiến sĩ Điện Biên. Giờ đây, dù sức lực gần cạn kiệt không kém Đồng và Học thuở trước nhưng họ đang có niềm hân diện và phẩm cách của người lính!

Xúc động bởi những ý nghĩ ấy, Đồng bắt đầu trầm lặng đi tới đi lui giữa các chiến sĩ trẻ trong đại đội. Nhân lúc các cậu ngồi nghỉ thành từng cụm, Đồng lần lượt nói với mỗi nhóm đôi lời khích lệ. Nhóm nào cũng kính cẩn lắng nghe và gật đầu trước khi anh bước qua nhóm kế tiếp vì các cậu đã biết tới tiếng tăm của anh và đều xem anh như tiêu biểu cho hình ảnh một chiến binh anh hùng. Lính dưới quyền của Đồng biết rằng hai vai co rút và lưng cong như lưng tôm của đại đội trưởng mình là di chứng của những lần chịu tra tấn và những năm dài lom khom trong các xà lim ở đảo Côn Lôn nơi anh chịu khổ sai sau ngày bị bắt tại Huế vào năm 1936. Rồi sau đợt phóng thích năm 1945 và sau ngày cha hy sinh tại Tòa thị chính Sài Gòn trong diễn biến đảo chánh của Pháp rạng sáng 23.9 cùng năm, Đồng lập tức ra bắc tìm Đào Văn Lật, xin được trực tiếp chiến đấu trong hàng ngũ Việt Minh ở phương bắc. Anh được Lật cất nhắc đem vào học Trường Lục quân Trần Quốc Tuấn ở Sơn Tây với giáo quan là các võ quan Nhật Bản không chấp nhận ra hàng Đồng Minh, đào ngũ ở lại Việt Nam. Khóa của Đồng là khóa đầu tiên do tướng Võ Nguyên Giáp đích thân chủ tọa lễ khai mạc.

Không bao lâu sau ngày bùng nổ cuộc kháng chiến vào tháng Mười Hai năm 1946, nhờ sự dũng cảm và lòng căm thù người Pháp tàn xương tủy, Đồng được điều phối tác chiến trong các đại đoàn chủ lực quân của bộ đội Việt Minh. Khác với Lật lúc nào cũng dứt khoát với Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đồng cảm thấy quá khứ ấy là cái gì đó thiêng liêng và trân quý. Nó triền miên vương vấn, ẩn thật sâu chôn thật chặt trong máu huyết, hòa thành nhân cách và nhân phẩm của anh. Bên cạnh đó, tâm tư anh vẫn thoải mái vì thấy mình đang kế thừa sự chọn lựa hàng ngũ cộng sản của người cha liệt sĩ và của Lật, kẻ anh tôn kính như một người thầy. Vốn ít học, chỉ thích hành động, anh không muốn mình dao động thao thức với những điều

anh xem là trù tượng. Trong khi đó, khí thế bùng bùng của những ngày cách mạng mùa thu rồi trường kỳ kháng chiến choán chập tâm tư anh và lôi cuốn thể xác của anh đi khắp các chiến trường. Việc trước mắt là phải làm sao hạ cho được đồn Tây và giữ cho mình sống sót. Bất chấp những lời nói ra nói vào của mấy người bỏ về thành, với anh và trước mắt anh chỉ Việt Minh mới có đủ khả năng giúp anh giết sạch bọn Tây, để vừa trả được thù nhà của cha và mẹ và chú em Học vừa chiến đấu cho đất nước được độc lập tự do.

Tám năm dài kháng chiến, với dáng người cao lêu khêu và hai vai xuôi Đồng trở thành một hình ảnh quen thuộc làm nức lòng đồng đội trong những cuộc chạm trán kiên cường của Trung đoàn 59 thuộc Đại đoàn 312. Và Đồng được cất nhắc ban đầu là tiểu đội trưởng rồi nhanh chóng lên tới đại đội trưởng. Suốt bốn năm chiến tranh qui mô nhất và rất đẫm máu vừa qua, Đồng bị thương nặng nhẹ không dưới chục lần. Lúc này anh vẫn còn mang trong vai mấy mảnh đạn không thể gắp ra của một quả lựu đạn nổ làm anh suýt tử trận trong chiến dịch Cao Bằng cuối năm 1950.

Trong lúc Đồng di chuyển giữa những người lính thuộc quyền với thái độ ân cần, Lật đưa mắt chăm chú nhìn theo anh và ghi nhận nét mặt của bộ đội biểu lộ vẻ tán đồng cùng khâm phục người chỉ huy của mình. Đi giáp một vòng, Đồng tới ngồi bên Lật. Nhẹ nhẹ vỗ vai người đại đội trưởng, viên chính ủy chiến dịch nói trầm giọng:

- Đồng chí chỉ huy rất tốt đại đội của mình, ăn ở với anh em rất khéo léo và biết cách triệt để động viên anh em.

Đồng gật đầu cảm ơn nhưng mặt vẫn hằn nét lo âu:

- Đồng chí chính ủy ạ, anh em trong đại đội có những người đứng không vững nữa. Ngó họ tôi nhớ lại những ngày niên thiếu của mình nơi đồn điền cao su. Bọn chủ Tây thường bắt chúng tôi làm việc cho tới khi ngồi không nổi - nhưng nay thời thế đã khác. Chúng ta đang có trong tay đúng loại súng ghê gớm như thế này, để có dịp bắn trở lại và bắn tan xác bọn khốn kiếp đó.

Trong một chốc, Lật trầm ngâm nhìn con người chất phác vừa nói ra những lời chất ngất thù hận, rồi anh cất tiếng, giọng khuyến khích:

- Đồng chí Đồng ạ, tại sao anh không đem câu chuyện đó kể cho lính của anh nghe. Nó có thể giúp anh em quên hết mệt nhọc, làm anh em lên tinh thần và toàn thể đại đội ra sức phấn đấu hết mình.

Đồng gật đầu tuân lệnh. Lật chiếc mũ lá gài xuống, anh nhón chân đứng lên rồi hươu mũ trên đầu ra hiệu mọi người chú ý. Bằng giọng run run xúc động Đồng kể lại cuộc sống của mình nơi đồn điền. Ban đầu lấp bắp nhưng càng nói càng trôi chảy, anh tả lại những nhà lán mái lá dột nát, thân chết bám sát suốt ngày đêm trong từng cơn sốt rét ác tính, lần đào huyết chôn một đồng nghiệp qua đời trong rừng ẩm đậm lúc trời tờ mờ sáng.

Lúc nói tới những trận đòn thù của gã cai Đức Anh dưới hai con mắt gườm gườm giám trận của lão Corse quân đốc đồn điền cao su, mặt Đồng xanh ròn căm thù. Khi kể tới đoạn cậu em Học vừa gào thét không ra hơi vừa bị lôi xềnh xệch ra khỏi nhà lán mái lá trong đêm mưa bão, giọng anh khản đặc và nghẹt lại trong cuống họng. Trên khu đất quanh chỗ anh đứng, các bộ đội ngừng nhai cơm, ngóng chiếc cổ mặt rã rời lên nhìn anh, chờ đợi.

Đồng tăng hăng mấy cái cho thông cần cổ rồi nói với giọng dữ dội:

- Học, chú em của tôi, bị một thằng Tây mộ phu mê trai hãm hiếp. Nhưng ngay sáng hôm sau, em tôi vùng lên. Với ngọn mác của chính mình, chú ấy chặt đứt cổ lão Tây Corse quân đốc ngay trước mặt mọi người. Rồi khi các cu-li khác tận mắt thấy hành động đó, họ hè nhau vùng lên tấn công bọn Tây còn lại. Nhưng vì chúng tôi ngu dốt và kém tổ chức, cuộc nổi loạn bị đè bẹp. Một năm sau, chú em tôi bị giặc Tây sát hại bằng cái máy chém bản thiêu của chúng. Mẹ tôi cũng bị giặc Tây giết trong nhà tù hôi hám. Tới năm 1931, cha tôi bị thương nặng suýt chết khi máy bay của bọn Tây dội bom và bắn súng máy vào giữa ba chục ngàn người tuần hành ôn hòa ở Vinh... Dù bị liệt một tay, năm 1945, ông vẫn tiếp tay lãnh đạo Việt Minh cướp chính quyền ở Sài Gòn. Lúc tôi mới được thả khỏi đảo Côn Lôn mấy tháng, bọn Tây giết cha tôi và đánh phá chính quyền mới mẻ của chúng ta...

Lời của Đồng lúc này tuôn ào ào như dòng nước chảy xiết. Cảm thấy tức ngực, anh dừng lại lấy hơi thở. Trong lúc anh đứng ngó quanh chờ xem phản ứng của Lật, viên chính ủy khẽ gật đầu như kín đáo bày tỏ lòng chia sẻ và tán thưởng.

Quay lại nhìn các bộ đội của mình, Đồng tiếp tục:

- Các đồng chí ạ, câu chuyện đó không phải là chuyện hiếm hoi, chỉ xảy ra cho riêng tôi. Các bộ đội đang có mặt ở đây, hầu hết đều có cha mẹ, chú bác hoặc anh em họ hàng cũng từng chịu đau khổ không kém gì tôi. Hiện nay tôi có vợ có con. Mỗi lần vợ tôi sinh một đứa con, tôi thề trên đầu đứa con ấy rằng nó sẽ không bao giờ chịu đau chịu nhục giống như tôi đã chịu. Vậy thì hôm nay, hỡi các đồng chí, có phải chiến trường Điện Biên Phủ này là nơi chúng ta hiên ngang chứng tỏ cho thực dân Pháp bản thiêu thấy rõ những gì khốc liệt chúng ta đang sửa soạn sẵn cho bọn chúng trong suốt bao nhiêu năm trời căm thù và chờ đợi không?

Con bùng nổ mãnh liệt của Đồng làm các bộ đội dưới quyền anh choáng váng không nói nên lời. Nhưng dù mặt lộ vẻ xúc động, họ vẫn nhìn Đồng với ánh mắt còn đôi chút ngờ ngợ về thâm cảnh của cả nhà anh. Thấy thế, Đào Văn Lật lẳng lẳng bước tới bên Đồng, đặt tay lên vai viên đại đội trưởng. Lật nói với giọng điềm đạm, cân nhắc từng tiếng:

- Các đồng chí ạ, tôi có thể góp phần làm chứng cho câu chuyện rất cảm động và rất thật của người chỉ huy can trường của các anh. Tôi đã cùng sát cánh với hai cha con anh ấy trong cuộc tuần hành tại Vinh. Chúng tôi đã tận mắt ngó lên và thấy máy bay của bọn Tây nhào xuống, ném bom, rải đạn tàn sát ba vạn nông dân hiền lành, trong đó có thể có thân nhân họ hàng của vài đồng chí đang ngồi ở đây. Hàng trăm đàn ông, đàn bà và trẻ em vô tội bị giết - và các đồng chí ạ, trong số những người bị giết ấy, có một người tôi hết lòng thương yêu.

Lật ngừng nói. Thêm lần nữa anh dò xét cẩn thận nét mặt của từng người lính trẻ chung quanh. Mặt họ lộ vẻ chăm chú. Lật hài lòng thấy hành động can thiệp lão luyện của mình đã lập tức thu hút tâm trí của họ. Anh nói tiếp:

- Các đồng chí ạ, đó là một người con gái rất trẻ và rất đẹp. Hơn nữa, người con gái ấy yêu nước nồng nàn và cực kỳ dũng cảm. Tôi yêu cô ấy và cô ấy yêu tôi. Sáng hôm đó tại Vinh, cô đi biểu tình bên cạnh tôi. Và cùng với các nông dân, cô hiến thân cho công cuộc bảo vệ ruộng vườn, giải phóng tổ quốc của chúng ta thoát khỏi sự tham tàn của bọn ngoại bang. Cái chết của cô làm tôi đau đớn cực độ và sầu thảm vô cùng. Rồi kể từ giây phút đó, suốt đời này, hằng ngày tôi sống trong đau khổ và căm hận vì chính tôi là người phụ trách tổ chức cuộc biểu tình đó.

Trong vài ba giây Lật cúi đầu thật thấp, cố làm cho những hồi tưởng của mình lắng xuống. Khi ngược lên, đôi mắt Lật đỏ au và rực lửa như thể toàn thân anh đang sống lại cơn đau dữ dội ấy:

- Các đồng chí ạ, đối với tôi, nỗi thống khổ ấy thật không kể xiết vì trước hôm xảy ra chuyện kinh hoàng đó, chúng tôi đã cùng nhau lập một cam kết đặc biệt - tự mình chối bỏ những khoái cảm yêu đương xác thịt vì lợi ích của tổ quốc chúng ta! Thuở đó, tôi sợ rằng mình sẽ thường hay phung phí năng lực để đuổi theo những ham muốn nhục dục, vì thế, để hiến thân trọn vẹn cho chính nghĩa cách mạng, tôi đã cầm dao lên loại bỏ khỏi cơ thể đầy sức sống của mình cái phương tiện hưởng lạc hoang phí!

Đào Văn Lật dừng lại, đứng thật yên trong khoảng mười giây. Với dáng điệu gay cấn, anh nhìn chăm chú lên đỉnh núi, đồng thời khắp khuôn mặt toát lên nỗi đau đớn anh thật sự cảm thấy mỗi lần nhớ lại lần tự hiến đó. Các bộ đội trẻ, vốn từ trước đã có lòng ngưỡng mộ Lật theo tập quán xưa nay của dân tộc Việt dành cho những người học rộng và sông cách biệt, lúc này sững sờ vì sự đột ngột biểu lộ tâm tình và cảm xúc của vị chính ủy bộ tư lệnh. Khi ý nghĩa những lời Lật nói lắng sâu trọn vẹn trong tâm tư họ, họ đắm đắm nhìn lại anh, im lặng kính sợ.

Tới đây, Lật thấp giọng tâm sự:

- Đó là chuyện xảy ra hai mươi bốn năm về trước. Từ đó tới nay, tôi không bao giờ hối tiếc sự hy sinh lớn lao mình đã làm. Tôi cũng chưa bao giờ dao động cái quyết tâm giải phóng đất nước vào một ngày nào đó. Từ gần hai mươi lăm năm nay, tôi tự nguyện phục vụ sát cánh với cụ Hồ và đồng chí Võ Nguyên Giáp. Và giờ đây, tại Điện Biên Phủ này, rốt cuộc chúng ta đang ở rất gần thời điểm nắm trong tay cái thành quả mà chúng ta mơ ước hằng ngày, từ thuở ban đầu cho tới suốt những năm dài đằng đẵng vừa qua. Lịch sử đang chọn các đồng chí và tôi để bảo vệ ruộng vườn của mình và đất nước của chúng ta. Lịch sử đang chọn hết thầy chúng ta đây để hoàn thành kỳ vọng của hàng triệu người Việt Nam yêu nước đã chết trong gông cùm xiềng xích. Chúng ta không bao giờ để cho công lao của họ bị uổng phí!

Ngừng một chút, Lật nhìn rừng núi trùng điệp:

- Vào lúc các đồng chí ngồi đây, hàng chục ngàn đồng bào chúng ta, trong đó có anh em bà con của các đồng chí, đang thi gan cùng gian khổ, âm thầm bước từng bước dân công qua hàng trăm cây số đường rừng. Họ đang đẩy từng chiếc xe đạp, thò gao và đạn dược để tiếp tế cho chúng ta đánh thắng trận giặc này. Bọn giặc Tây tưởng rằng chúng ta không tiếp tế nổi cho một đạo quân năm chục ngàn bộ đội tại góc trời heo hút này của rừng núi Bắc Việt. Nhất là, bọn chúng cho rằng chúng ta không bao giờ đưa nổi loại trọng pháo này lên đỉnh núi trên cao kia. Nhưng bọn chúng lầm, lầm ghê gớm. Chúng ta xem kẻ nào nói tới hai tiếng thất bại tức là kẻ dám sỉ nhục chúng ta, vì ngay trên cơ thể của mỗi người ở đây đều có bằng chứng về xương máu của mình đã đổ ra. Các đồng chí có muốn xem bằng chứng cụ thể của tôi không?

Không chờ tiếng trả lời, Lật mở tung hàng nút đangg trước ngực áo ka-ki của mình. Anh cởi phăng áo, thả xuống đất sát một bên chân rồi ưỡn lồng ngực trơ xương ra trước mặt bộ đội. Những người lính trẻ sững sờ thấy một nửa thân thể còm cõi, héo hon và xanh xao của vị chính ủy chiến dịch.

- Các đồng chí, dù kiệt sức chúng ta cũng sẽ không phụ lòng những người đã đặt niềm tin vào chúng ta - và điều quan trọng hơn cả là - chúng ta sẽ không phụ lòng mình và phản bội lại lời hứa của mỗi người trước khi lên đường làm chiến sĩ Điện Biên, rằng sẽ đánh tan giặc Pháp và kiên quyết bảo vệ ruộng vườn làng mạc của mình. Đồng chí Đồng và tôi, chúng tôi đã khò nhục khôn xiết trong bàn tay của bọn Tây. Nay chúng tôi sẵn sàng đưa hết hơi sức cuối cùng của mình ra để kéo khẩu pháo này lên đỉnh núi kia. Các đồng chí rất trai trẻ và rất dồi dào sinh lực, các đồng chí hãy tiếp chúng tôi một tay - làm ngay lúc này và làm bất cứ lúc nào trong trận đánh vinh quang sắp tới. Khi đó, chúng ta đuổi được bọn Tây ra khỏi quê hương Việt Nam, bảo vệ đất đai của tổ quốc, lấy lại độc lập tự do cho dân tộc, và đạt được cái chiến thắng vĩ đại sau cùng mà cha ông chúng ta đã mơ ước và đổ xương máu suốt cả trăm năm nay!

Quay nghiêng người, Lật cúi xuống cầm lên sợi chèo cột sẵn vào khẩu đại pháo nòng dài. Luồn dây chèo vào hai vai trần và lồng ngực ẻo uột của mình, anh bấu chân, nhóm mình rướn lên núi. Nghe Đồng hét lên thật lớn, hô đại đội tiếp tay, các bộ đội bật đứng dậy, trăm người như một, reo hò tởm mở. Chỉ mấy giây sau, tất cả lại oằn người, rướn hết sức mình, cùng nhau cất cao bài hò kéo pháo:...

Đốc núi cao cao nhưng lòng quyết tâm còn cao hơn núi!

Vực sâu thăm thẳm, vực nào sâu bằng chí căm thù...!

Khẩu pháo nặng nề lại chậm chậm nhúc nhích rồi giật mạnh, từ từ tiến lên phía hang đá. Từ chỗ trên đầu giặc đó, đúng thời điểm xung trận, nó sẽ bắn thẳng xuống và bắn ào ạt những quả đại bác đầy tử khí lên đầu giặc Pháp ghê tởm và cừ thù, đang bị bao vây trong lòng chảo bít bùng phía dưới.

- 3 -

Đại tá một tay Charles Piroth, chỉ huy trưởng pháo binh căn cứ quân sự Điện Biên Phủ nói:

- Monsieur Sherman ạ, anh có thể tường thuật cho độc giả của tờ Washington Gazette rằng chúng tôi có những khẩu đội đại pháo 155 li rất hùng hậu. Ngoài ra, chúng tôi còn có hai chục khẩu trọng pháo 105 li và mười sáu khẩu súng cối hạng nặng. Tại đây, một lực lượng pháo binh như thế thừa sức giải quyết mọi công tác trong tầm tay của nó.

Joseph đang ngồi trên xe díp cạnh viên sĩ quan cao cấp Pháp phục phịch và hờ hững, kẻ chịu trách nhiệm việc bố trí hệ thống vũ khí phòng ngự chủ yếu của tập đoàn cứ điểm. Lông mày sâu róm, da ngăm ngăm đen, đại tá Piroth nhét gọn ống tay áo rộng vào túi áo khoác nhà binh vì cánh tay trái của ông bị bắn bay mất trong Thế Chiến Hai. Trong khi trả lời những câu phỏng vấn của người Mỹ, thái độ của Piroth rõ ràng cố nén sự sốt ruột dù vẫn giữ đúng phép lịch sự.

Joseph vừa xem xét tỉ mỉ các ụ súng cả hai đang đi ngang vừa nói:

- Tại Triều Tiên, Hoa Kỳ tập trung pháo binh thành những khẩu đội khổng lồ với mục đích chặn đứng quân Trung Cộng và quân Bắc Hàn. Tôi hết sức lấy làm lạ rằng ở đây số lượng trọng pháo của ông ít quá.

Piroth nhún vai, mím môi ra vẻ khước bác:

- Người ta đã đề nghị đưa thêm đại bác từ Hà Nội lên đây cho tôi - nhưng đâu cần phải thêm. Tôi hoàn toàn hài lòng với phương án hỏa lực của mình, nó sẽ rất hữu hiệu.

Lúc này bụi của đợt Việt Minh pháo kích đã lắng xuống, xe tải bắt đầu chạy tới chạy lui ngang dọc khắp đáy lòng chảo. Lực lượng máy bay chiến đấu và máy bay oanh tạc B-26 ít ỏi của binh đoàn lại bắt đầu cất cánh bay đi bắn phá và thả bom xăng để đốt rụi các vùng đồi người ta cho rằng đối phương có thể đang tập trung quân tại đó. Những chiếc Dakota chở đồ tiếp liệu và các toán quân miễn cưỡng rời Hà Nội quay trở lại Điện Biên Phủ, tiếp tục đáp xuống đường băng bằng đất bụi bay mù mịt.

Ngạc nhiên trước vẻ tự mãn của viên đại tá chỉ huy trưởng pháo binh, Joseph hỏi:

- Nhưng thưa đại tá, vấn đề toàn bộ các cụm cứ điểm đều bị núi cao bao vây bốn phía không làm đại tá lo lắng sao? Phải chăng ông có thể ngủ ngon suốt đêm trong khi biết rõ các mỏm núi kia đang nằm trong tay quân địch?

Bộ mặt chăm bẵm của Piroth thoáng cười mỉm:

- Monsieur Sherman này, tôi chắc nghề phóng viên cũng cho anh đôi chút kinh nghiệm để ít ra lúc này có thể nắm sơ qua chiến lược quân sự. Trung tá Devraux có nói với tôi rằng anh từng theo dõi cuộc nội chiến tại Trung Hoa cũng như tại Triều Tiên, đúng không đấy?

Joseph gật đầu. Anh tham gia tờ Gazette từ năm 1947 sau hai năm liền làm giáo sư môn nghiên cứu á đông tại Đại học Virginia ở Charlottesville. Tới khi được chỉ định làm phóng viên thường trực tại Viễn Đông cho tờ báo, anh cùng Tempe và hai con trai nhỏ dời sang Hồng Kông. Anh đến nơi kịp thời điểm theo dõi những trận đánh cao điểm nhất giữa các đại đoàn quân cộng sản của Mao Trạch Đông và các lực lượng sa sút tinh thần chiến đấu của Tưởng Giới Thạch.

Khi chiến tranh Triều Tiên bùng nổ năm 1950, Joseph tường thuật những nét cá biệt của các trận đụng độ ác liệt và các cuộc tàn sát tập thể diễn ra ngay trước mắt anh, trên những ngọn đồi trọc và hoang vu của bán đảo đông á ấy, nơi có địa hình địa vật rất khác với Đông Dương. Joseph trả lời với giọng đều đều:

- Đại tá ạ, những điều tôi biết về chiến tranh đều do kinh nghiệm hơn là dựa vào kiến thức sách vở trường lớp. Đối với tôi, việc dành cho đối phương các cao điểm ngay bên trên quý vị dường như chẳng bao giờ là một ý tưởng hay.

Piroth đáp lại bằng lời nói thông thả và chậm rãi, như thể đang giảng giải cho một kẻ chậm trí:

- Để tôi cắt nghĩa chi tiết hơn. Những đỉnh núi khiến anh lo lắng quá mức đó có độ dốc rất dựng đứng. Chúng lại nằm cách xa trung tâm lòng chảo này trong khoảng từ hơn ba tới gần năm cây số. Theo chiến lược pháo binh cổ điển, muốn giữ an toàn cho pháo đội, người ta phải đặt trọng pháo 105 li ở sườn núi phía bên kia rồi bắn đạn theo hình cầu vòng bọc qua đỉnh núi xuống căn cứ quân sự của chúng tôi. Nhưng từ trên máy bay, tôi đã điều nghiên rất kỹ các đỉnh núi ấy. Tôi đảm bảo với anh rằng dốc núi rất dựng đứng tới độ nếu lũ "da vàng" có đặt trọng pháo ở trên phía kia bên sườn núi, chúng cũng không thể bắn trúng bất cứ chỗ nào ở đây - chúng chỉ có thể bắn thẳng lên trời thôi! Nếu địch lùi súng ra xa phía bên kia sườn núi để có thể bắn cầu vòng qua bên này, đạn đạo sẽ đi rất dài. Chúng không thể nào rơi trúng tập

đoàn cứ điễm. Nhưng giả dụ có xảy ra chuyện như vậy đi nữa, các khẩu đại pháo 155 li của chúng tôi thừa khả năng phản pháo, bắn đạn theo cầu vồng qua tới phía bên kia sườn núi và nghiền nát các pháo đội của bọn chúng đặt ở mé bên đó.

Joseph hỏi lại, giọng ngờ vực:

- Nhưng nếu họ đặt một số đại pháo ở phía bên này sườn núi, mé bên trong các đỉnh núi bọc sát vòng đai của tập đoàn cứ điễm, hoặc thậm chí đặt ngay trên các đỉnh núi kia, lúc đó thì sao ạ?

Piroth cãi lại:

- Thưa ngài kính mến, tôi đề nghị trên chuyến bay ra khỏi đây xin anh quan sát thật kỹ các ngọn núi kia. Tôi sẽ hết sức ngạc nhiên nếu tới lúc đó anh còn nghĩ rằng với các sườn núi đá dựng đứng như thế, con người ta dám kéo trọng pháo lên và có thể kéo tới được những chỗ anh vừa nói. Tuy nhiên, nếu lũ "da vàng" chứng minh rằng chúng có khả năng làm nổi phép lạ ấy, bộ anh tưởng chúng tôi không xác định được tọa độ đặt trọng pháo của chúng sao? Và trong khi bọn chúng đang oằn lưng khiêng trọng pháo lết lên những chỗ đó, bộ anh nghĩ rằng chúng tôi không bắn tan nát chúng ra, cho chúng về châu ông bà ông vải trước khi chúng kịp đưa súng tới các vị trí trên đó sao?

Joseph lại nhìn lên các đỉnh núi:

- Đại tá ạ, rừng rú khôn nạn kia rậm rạp quá, nó khiến cho mình tưởng tượng rằng đối phương có thể mang được trọng pháo lên trên đó mà chẳng ai thấy nổi.

- Monsieur Sherman này, một kỳ công như thế có thể đưa nguyên cả con voi của Hanniban đi đủng đỉnh trong bóng tối mà băng qua dãy núi Alpe! Nhưng giả dụ điều anh tưởng tượng đó thành sự thật thì, khi đối phương vừa khai hỏa và vì thế để lộ vị trí của chúng, chúng tôi sẽ đập cho chúng cam hòng ngay bằng ưu thế hỏa lực phản pháo của mình.

Quay bộ mặt bạnh quai hàm về phía Joseph, viên sĩ quan Pháp nhướng đôi lông mày rậm lên nói tiếp:

- Có phải anh và các độc giả Mỹ của anh quên rằng chúng tôi đang đối phó với một đạo quân gồm toàn bọn lính nhà quê chỉ có thể di chuyển bằng hai chân lội bộ? Chúng chỉ có vài ba chiếc xe tải của Nga, không xe tăng, không máy bay. Kho tàng quân nhu của chúng ở mãi tận Yên Bái, cách đây gần ba trăm cây số đường rừng. Để cung cấp gạo cho vài sư đoàn, và còn nữa, để chỉ tiếp tế đạn mà thôi, cũng phải cần tới một chiến dịch tiếp liệu phức tạp với những đoàn xe tải khổng lồ - với điều kiện đã có sẵn một mạng lưới đường sá hiện đại dẫn từ kho tàng đó tới thung lũng này, mà trên thực tế chúng hoàn toàn không có. Thêm nữa, không lực của chúng tôi có những chuyến bay thám thính liên tục; dễ phát hiện đối phương tập trung quân hoặc đồ tiếp liệu ở chỗ nào là sẵn sàng oanh kích lập tức. Đối với pháo binh hiện đại và sức mạnh không quân của chúng tôi, địch không có câu trả lời nào.

Joseph hỏi chậm rãi:

- Nhưng còn về gió mùa tháng Ba thì sao? Phải chăng nó không gây trở ngại cho các phi vụ của quý vị và tạo lợi thế cho những bộ đội nhà quê lội bộ trên các ngọn đồi kia?

Piroth nhún vai trả lời:

- Chúng tôi đã đề ra đầy đủ phương án với sự thận trọng tối đa. Tới lúc lũ "da vàng" từ trên các ngọn đồi kia kéo xuống, anh sẽ thấy rõ tại sao lâu nay người của chúng tôi gọi Điện Biên Phủ này là "Chiến Dịch Máy Xay Thịt".

Viên đại tá Pháp ngẩng đầu ngó mông lung lên bầu trời. Được hướng dẫn qua những cụm mây thấp bằng một quả cầu khí tượng neo dây từ mặt đất, những chiếc dù ny-lông màu trắng và vải kaki màu phân ngựa đang bung cánh trên bầu trời xám xịt như chì. Các thùng đồ hộp, đạn dược, cuộn thép gai, dụng cụ đào giao thông hào, mìn chống muối, giày trận và tất cả những thứ linh tinh cần thiết cho một căn cứ quân sự đang bị bao vây, tiếp tục bồng bềnh giữa trời nom như những bông tuyết, rơi rải khắp mặt đất màu vàng của lòng chảo. Khi xe díp chạy từ pháo đội này sang pháo đội khác, Joseph thấy các toán lính Lê dương, lính Ma-rốc da sẫm của Bộ binh Thuộc địa, lính An-giê-ri và có cả lính bản xứ nhỏ thó của Quân đội Quốc gia Việt Nam trung thành với chính quyền Bảo Đại, từ các giao thông hào lon ton chạy ra thu lượm đồ tiếp liệu.

Khi xe díp chạy qua ụ súng thứ sáu hoặc thứ bảy, Joseph thấy ở đó người ta đặt trọng pháo trên nền đất để có thể quay súng theo mọi hướng, nhưng chung quanh ụ súng không có gì che chắn. Anh hỏi:

- Đại tá ạ, phải chăng tất cả trọng pháo của ông đều được đặt trên nền đất trống trải bốn phía như vậy? Bộ ông không ngại nó dễ hỏng hóc khi bị trúng đạn trực tiếp sao?

- Các khẩu pháo được dàn theo cách đó để chúng có xạ trường tự do. Đó là cách có thể lệ làng xoay trở chúng đủ mọi hướng mà không vướng chướng ngại nào. Che chắn chung quanh chỉ làm giảm hiệu năng của chúng.

Nói tới đây, viên sĩ quan Pháp liếc đồng hồ đeo tay:

- Lúc này, Monsieur Sherman, xin thứ lỗi cho tôi, tôi còn phải làm cho xong mấy cuộc thanh tra nữa. Nếu còn có khía cạnh chuẩn bị pháo binh nào làm anh cảm thấy băn khoăn, xin cứ nói với các bạn đồng hương người Mỹ của anh trong phái bộ quân sự Hoa Kỳ ở Sài Gòn. Các thành viên của phái bộ đều đã thanh tra Điện Biên Phủ - kể cả tướng O'Daniel. Hết thấy họ đều đồng ý rằng mọi phương án phòng ngự tập đoàn cứ điểm và phi đạo của chúng tôi ở đây đều hoàn toàn hợp lý.

Không giằng giải thêm với Joseph, viên đại tá Pháp bảo xe díp dừng lại bên một ụ trọng pháo khác và leo xuống. Ông liếc thoáng ra lệnh cho tài xế chở Joseph về lại trung tâm chỉ huy, rồi quay mình rảo bước thật lẹ tới chuyện trò với các pháo thủ đang chờ sẵn.

Tiếng o o của máy bay Dakota cất cánh tiến hành phi vụ thả trái sáng trên những vùng đồi tăm tối vắng vắng vọng vào căn hầm làm bằng gỗ súc và bao cát dành cho sĩ quan tham mưu trưởng của đại tá De Castries khi Paul Devraux cùng Joseph Sherman ngồi xuống đối mặt nhau trên hai chiếc giường xếp nhà binh. Lúc máy bay lướt trên đường băng gần hầm trú ẩn, mặt đất rung chuyển và Paul lệ làng đưa bàn tay úp lên ca thiếc của mình còn tay kia bịt

miệng ca của Joseph trước khi bụi đất đỏ mịn màng từ trần hầm thấp kịp tuôn xuống như mưa.

Viên sĩ quan Pháp cười niềm nở, nâng cao chúc mừng:

- Joseph này, nếu anh chọn lối sống chui rúc như chuột, phải học vài mảnh lối của chuột chũi mới có thể chịu đựng nổi. Uống cô-nhắc hảo hạng Courvoisier bằng ca thiếc nhà binh đã không thể thưởng thức hết cái ngon của nó, mùi vị lại càng tệ hại hơn nếu bị pha với bụi đất đỏ Điện Biên Phủ. Nào, chào mừng!

- Chào mừng!

Joseph tươi cười nhắc ca lên cùng và uống, rồi chống cùi chỏ mệt mỏi ngã người ra sau. Anh vừa trải qua trọn một ngày tham quan các ngọn đồi và những chỗ bố trí quân khắp tập đoàn cứ điểm, với những người thấp túng luân phiên nhau. Bộ quần áo phóng viên chiến trường màu xanh lá cây theo anh lê bước khắp Trung Hoa và Triều Tiên lúc này bụi đọng từng quãng. Cuốn sổ tay nhét túi áo ngực ghi chi chút những cuộc trò chuyện của anh với hơn một chục sĩ quan trong nhiều binh chủng khác nhau thuộc Binh đoàn Tác chiến Tây-Bắc (GONO - Groupement Opérationel du Nord-Ouest). Chiếc máy hình lúc nào anh cũng đeo lưng lẳng trước ngực nay đã ngốn hết mấy cuộn phim chụp theo thứ tự di chuyển trong ngày.

Joseph cũng thấy lạc lõng giữa hàng hà sa số quân kỳ đơn vị và quốc kỳ tam tài của quân Pháp, mấy cọc cờ vàng sọc đỏ của đơn vị cơ động nhảy dù thuộc Quân đội Quốc gia Việt Nam. Từ sáu năm nay, chế độ Bảo Đại dùng trở lại cờ vàng của chính phủ Trần Trọng Kim nhưng thay vì vạch giữa đứt làm hai theo đồ hình quẻ Ly trước kia, nay nó được nối liền lại. Lúc này, màu vàng và đỏ tượng trưng cho màu "da vàng" máu đỏ của dân tộc và ba vạch tượng trưng cho ba miền nam trung bắc. Còn quốc ca, cũng dùng lại bài "Tiếng Gọi Thanh Niên của Lưu Hữu Phước" tuy tác giả của nó giờ đây đang ở bên kia chiến tuyến, làm Trưởng đoàn Văn công Trung ương của Việt Minh.

Paul kê thêm cho Joseph một giường xếp đặt song song với giường của anh. Suốt nửa giờ vừa qua, Joseph quan sát viên trung tá Pháp tất bật và điềm tĩnh giải quyết công việc tham mưu trưởng với sự trợ giúp của một sĩ quan thuộc cấp. Mấy chiếc máy truyền tin hành quân buộc dây da kê trên kệ đã chiến reo liên tục. Các chồng công văn tiếp liệu đến rồi đi. Paul thường xuyên đứng lên khỏi ghế, cầm các viên phấn khác màu nhau để cập thời hoá biểu đồ các nhà kho lên những bản đồ bọc giấy bóng kính. Mỗi lần đạn pháo rơi xuống một khu vực gần bộ chỉ huy, từng đám mây bụi đất đỏ từ trần hầm thấp tuôn xuống như mưa. Mấy chiếc chiếu cói treo che vách không ngăn nổi hơi đất làm mùi đất ẩm ướt thấm đẫm mọi thứ trong căn hầm.

Chờ cho sĩ quan phụ tá ra hẳn bên ngoài, Paul rầu rĩ vẩy tay quanh phòng:

- Joseph này, không cần phải nói anh cũng thừa biết. Tại đây, chuyện lính tráng nên làm gì thì không thuộc tầm ý kiến của tôi. Tôi thà đi tuần ban ngày, bất cứ lúc nào, trên các ngọn núi kia còn hơn phải mất hàng giờ ngồi dưới hầm này. Nhưng tôi rất mừng khi thấy anh xuất hiện ở đây vì việc đó nhắc cho tôi nhớ rằng đã lâu lắm mình không được ra ngoài. Nói đúng ra, tôi đang thuyết phục đại tá De Castries cho phép tôi sáng mai đi với đoàn tuần tiểu đem anh vô sâu trong vùng đồi.

Joseph tươi cười:

- Được vậy thì tốt quá.

- Đúng vậy. Tôi có thể không rời mắt trông chừng anh - để bảo đảm anh không đi lạc vào ngôi nhà sàn thổ dân ám khói nào!

Paul vừa cười vừa đối đáp với niềm hân hoan chân thật. Ở độ tuổi sắp quá tứ tuần, viên sĩ quan Pháp không đánh mất chút nào bản tính sôi nổi dễ lây lan mà gần ba chục năm trước, nó đã tạo nên một tình bằng hữu bền chặt ngay từ lúc hai người mới gặp nhau lần đầu. Đầu tóc cắt cụt ngắn của Paul lúc này hai bên thái dương lấm tấm bạc nhưng thân hình anh vẫn thon thả cân đối dù trên khuôn mặt đã xuất hiện những đường nét cứng cỏi làm Paul giờ đây trông giống thân phụ hơn lúc anh còn trẻ.

Joseph nhe răng cười và hỏi:

- Vậy chứ mình có trông mong các bộ lạc thổ dân ấy giúp được gì không đây?

Cổ tình thở hắt ra thật mạnh, Paul lắc đầu:

- Không còn già làng Mọi thân thiết nào mời chúng ta rượu cần nữa. Thời ấy mãi mãi qua rồi.

Dù Paul nói cười tỏ mở Joseph vẫn cảm thấy có thể nghe ra âm hưởng buồn bã và cam chịu trong giọng nói của bạn. Và điều đó làm sống lại trong lòng Joseph cái mặc cảm phạm tội và ân hận, vừa tràn ngập vừa tươi rói.

Suốt mấy năm nay, Joseph tới Đông Dương có lẽ đã trên chục lần để theo dõi cuộc chiến. Những lần anh ghé lại trước đây, Paul đều đi khỏi Sài Gòn vì quân vụ trong Binh đoàn Viễn chinh Pháp. Mấy lần ghé lại lúc đầu, Joseph có ý mong được gặp Paul nhưng cùng với thời gian dần trôi, các lần sau đó đã trở thành những dự trù có tính toán cẩn thận để chỉ ghé lại những lúc Paul không có mặt ở Sài Gòn.

Dù không chủ định, cả Joseph lẫn Lan đều bắt đầu giữ trở lại cái quyết định được hai người trang trọng lập thành từ năm 1945 là mỗi người đi theo con đường riêng của mình. Sau tâm trạng hờn hờn giận giữ nhờ cùng nhau tìm ra Tuyết, cả hai buộc lòng phải đối mặt trước thực tế trần trụi rằng, với sự kết thúc cuộc thế chiến, họ phải thêm lần nữa bị chia cách theo lối đi riêng của mỗi người. Vì cả Lan lẫn Joseph đều đang có bạn đời và con dại tùy thuộc vào mình, và đang ở hai xứ sở cách nhau nửa quả đất nên sau cùng, cả hai chỉ còn một chọn lựa duy nhất. Lan đề nghị sẽ gởi Tuyết đến ở nhà của Tâm, anh nàng, để nhờ nuôi dưỡng. Còn Joseph, anh nhất quyết rằng suốt thời gian gởi gắm đó, phải dành cho anh phần sắp xếp cung cấp tài chính cho Tuyết. Ngoài việc đó, cả hai quyết định chấm dứt liên lạc với nhau.

Tuy thế, năm năm sau, vừa quay lại Sài Gòn công tác chuyển đầu tiên cho tờ Gazette và chỉ mới gặp lại Lan trong năm ba giây, Joseph đã nhận ra một thực tế. Rằng cũng như anh, Lan vẫn bị dằng co giữa việc giữ lời thề chung thủy với Paul và những xúc động tình yêu nam nữ nàng dành cho Joseph. Có lần, trong khi trò chuyện, Lan vô tình để lộ cho thấy cuộc sống vợ chồng của nàng không được nồng ấm. Trong những lần Joseph ghé thăm sau đó, tuy Lan hết sức tự chế để không có lời nói hoặc hành động phản bội công khai nào nhưng trong mắt nàng lấp lánh niềm vui tái ngộ. Và cứ thế, nàng tiếp tục để cho những cuộc âm thầm gặp gỡ ấy tiếp diễn. Chỉ chừng ấy thôi cũng đủ khiến Joseph cảm thấy mình cực kỳ đắc tội. Sau mỗi lần chia tay với Lan, anh không thể không nghĩ tới Paul. Một đặng cảm thấy ray rứt vì mặc cảm lừa dối bạn, một đặng lại có phần an tâm khi thấy giữa Lan và anh chưa xảy tới điều gì quá đáng,

và nhất là thấy Paul chẳng hay biết gì về những cuộc gặp gỡ vụng trộm ấy cũng như về sự có mặt của Tuyết ở trên đời.

Vài ngày trước khi ghé Điện Biên Phủ chuyển đầu này, Joseph biết tin Paul được chỉ định làm tham mưu trưởng cho chỉ huy trưởng tập đoàn cứ điểm. Ngay lúc đó, anh nhận ra rằng cuối cùng, một cuộc gặp mặt giữa Paul và anh tại căn cứ quân sự đang bị vây phủ ấy là điều không thể tránh. Joseph tự hứa tới lúc đó mình sẽ chọn thời điểm thuận tiện để kể hết sự thật với Paul. Dù hữu ý hay vô thức, cuộc tình tay ba giữa Lan, anh và Paul là một thực tế kéo dài tới nay đã mười tám năm. Nay tới lúc nó đòi hỏi phải có một giải pháp thực tế. Quan hệ giữa hai người đàn ông có danh dự và hơn nữa, tình bạn từ thời niên thiếu giữa hai người là nền tảng trên đó cả hai có thể tìm một giải pháp khả thi, vì cả hai đều yêu thương Lan và quý mến nhau. Nếu sự việc không đi tới đâu, anh tin rằng một khi Paul nắm được thực tế, sẽ cảm động trước lòng thành thật tự thú của anh, và sau khi lắng những xúc động ban đầu, sẽ vẫn tiếp tục xem anh là bằng hữu. Còn anh, ít nhất anh cũng nói lên được hoàn cảnh nan giải của Lan, và cả nàng lẫn anh giải tỏa được một vấn đề lương tâm vì không còn lừa dối Paul. Nếu xảy tới tình huống tồi tệ nhất, anh sẽ cam chịu trước bất cứ phản ứng nào của bạn vì thật tâm mà nói, quan hệ giữa Lan và anh không là điều đáng hãnh diện. Nhưng giờ đây, khi được Paul hồn nhiên tiếp đãi trong hàm trú ẩn đầy bụi và hơi đất, Joseph thấy mình không thể nào giữ nổi lời tự hứa ấy.

Nhìn người sĩ quan Pháp tươi cười hơn hờ bắt chặp những nguy hiểm và thất bại sờ sờ trước mặt, Joseph chọn cho mình giải pháp đừng làm gì khiến bạn động lòng. Thay vào đó, anh hỏi một câu chẳng đâu vào đâu:

- Paul này, vết thương của anh hồi trước ở Sài Gòn nay còn hành anh nữa không?

Paul lúc lắc đầu:

- Nó không thể làm "dân dù" nhảy cà nhắc mãi. Đạn bắn trúng mé cao trên lưng; có hai viên xuyên qua người tôi bay tuốt ra ngoài. Tôi hên!

Trong một thoáng, Paul nhìn Joseph, cũng với ánh mắt long lanh tinh quái làm người Mỹ nhớ lại buổi tối tiếp tân tại dinh thống đốc Nam kỳ gần ba mươi năm trước. Rồi mặt Paul lấy lại vẻ cứng cỏi với những nếp nhăn nghiêm nghị:

- Nhưng có những thứ hành hạ khác tác động hơn những thứ thuộc về thể xác. Tôi không bao giờ quên nỗi tia mắt hận thù tới chết trên khuôn mặt Lộc khi anh ta thét lên ra lệnh cho cậu dân quân bắn chết tôi. Kể từ ngày đó, tôi biết ra rằng mình hoàn toàn bất lực, không thể nào quét sạch khỏi ký ức người ta những điều thể hệ cha tôi đã làm trên đất nước này. Những thống khổ ấy lặn vào quá sâu rồi.

- Paul này, biết rõ thực tế như vậy, anh xoay xở cách nào để tiếp tục sống?

- Có lẽ bằng cách ra sức làm một quân nhân tốt và đừng suy nghĩ nhiều quá. Anh nhớ cho rằng người lính không có nhiệm vụ tranh cãi về lý do - anh ta chỉ có nhiệm vụ thi hành và chết.

- Nhưng ở vào vị trí của anh cách đó cũng chẳng dễ dàng gì. Trong Binh đoàn Viễn chinh không có mấy sĩ quan có quan hệ lâu dài với xứ sở này như anh.

- Đúng, thật không dễ. Thậm chí, nó còn không thể giữ cho cuộc sống của gia đình tôi khỏi bị nhiễm độc dần dần.

Joseph nhìn bạn thật lạ. Lan lúc nào cũng thẳng thắn từ chối thảo luận chi tiết với anh về mối quan hệ giữa nàng và Paul. Việc Paul bất ngờ và bộc trực thừa nhận rằng cuộc sống chung với Lan không hoàn toàn mỹ mãn làm tim Joseph đập rộn ràng. Anh buột miệng hỏi:

- Anh có ý nói gì vậy?

- Phải mất một thời gian rất lâu tôi mới nhận ra rằng có thể tôi thành hôn với Lan chỉ vì muốn chứng tỏ không phải hết thấy người Pháp đều là những gã thực dân muốn hãm hiếp và chủ nhân ông thích có nô lệ. Tôi nghĩ rằng thuở đó tôi quá lý tưởng với những nhận thức của mình lúc ấy. Một cách vô thức, tôi đã xem cuộc hôn nhân giữa tôi và Lan như một bằng chứng sống động cho sự cam kết của tôi - có thể dùng chữ cam kết nếu anh muốn - đối với người Việt Nam rằng tôi quyết tâm phải làm sao cho mọi sự thay đổi.

Paul nhún vai, cầm chai cô-nhắc lên rót thêm vào cả hai ca:

- Nhưng cũng có lẽ vì vậy nên lúc nào nó cũng thiếu một cái gì đó. Chúng tôi đều hết lòng yêu thương đứa con trai của mình nhưng cái từ ban đầu, về phần mình, tôi nghĩ là tình yêu, nó lại đâm chồi quá sâu trong sự suy nghĩ theo ý nguyện chứ không dựa vào thực tế. Đối với Lan, lúc này tôi hiểu rằng luôn luôn thiếu một cái gì đó.

Xa xa có tiếng nổ ầm ầm làm căn hầm rung chuyển khiến trần hầm tuôn xuống thêm một cơn mưa bụi đỏ. Trên giường xếp, Joseph ngồi nhìn chăm chú ca rượu, cố không để lộ cảm giác hy vọng mới mẻ đang chớm nở trong lòng. Paul cũng cố làm cho lời tâm sự của anh ra nhẹ nhàng nhưng anh không kềm chế nỗi âm hưởng nuối tiếc trong cung giọng mình:

- Bằng một cách thức buồn cười, trong một thời gian dài, chính trị chen vào giữa chiếc giường chăn gối vợ chồng và ngăn nó làm đôi. Dù sao đi nữa cũng hoàn toàn thuận lý, thuận lý không chịu nổi!

Trong một hai phút, Joseph và Paul ngồi im không nói. Cả hai lắng nghe âm thanh xa xa của những chiếc máy bay B-26 của binh đoàn đang oanh tạc các cao điểm chung quanh lòng chảo bằng bom xăng. Sau cùng, khi ngước mắt, Joseph thấy người bạn Pháp đang mỉm cười nhìn mình với vẻ mặt biểu lộ một tình mến cảm chân thật.

Paul nói, giọng lắng đọng:

- Joseph này, anh biết không, thật nguôi ngoai khi có thể tâm sự với một người nào đó. Đây là loại chuyện tôi không thể nói ra một cách thoải mái với các sĩ quan đồng hương của mình.

- Tôi cũng nghĩ là chẳng thể nào nói ra dễ dàng.

Nói xong câu ấy, Joseph choáng váng nhận ra mình cũng chẳng thể dễ dàng nhìn thẳng vào mắt bạn. Anh vội vàng nâng ca lên miệng để giấu vẻ bứt rứt.

- Joseph, còn về phần anh thì sao, cuộc sống của anh hiện nay thế nào?

Nhìn lên thấy Paul chăm chú vừa ngó mình vừa hỏi, Joseph rần rần mỉm cười trả lời:

- Tôi nghĩ là khá ổn thoả. Tôi có hai đứa con trai ngoan ngoãn và chóng lớn. Nhà tôi với tôi khá hòa hợp. Tôi nghĩ chẳng có cuộc hôn nhân nào hoàn toàn vui vẻ.

Paul không đáp, tiếp tục ngó Joseph với ánh mắt thắc mắc:

- Joseph này, anh có chắc anh vẫn giữ đúng nguyên tắc ngày xưa của hai đứa mình là hoàn toàn nói thật với nhau? Ngó anh coi bộ hơi bối rối - cái đó thiệt là lạ!

Joseph lại cảm thấy căng thẳng, anh đưa ca lên hớp một ngụm rượu:

- Chẳng có việc gì đâu Paul. Tôi vẫn bình thường. Chính anh là người tôi đang lo lắng. Có bao giờ anh nghĩ tới việc từ nhiệm và ra khỏi chỗ này trước khi mọi sự quá trễ? Chẳng lẽ anh không thể đem Lan và con trai về Pháp, nơi chôn nhau cắt rốn của anh sao?

Trong khi ngóng câu trả lời của Paul, Joseph khắc khoải hồi lòng phải chăng bằng cách thay đổi đề tài câu chuyện, anh vừa phá hỏng một cơ hội để thuyết phục Lan cùng xây dựng tương lai với anh. Nhưng rồi Joseph cảm thấy nhẹ nhõm khi người sĩ quan Pháp chậm chậm lúc lắc đầu:

- Ông bạn ạ, nghe có vẻ kỳ lạ nhưng lúc này tôi thấy mình khó có thể nghĩ tới nước Pháp như một quê hương của mình. Có lẽ tôi chẳng khác gì những người lính Lê dương nơi chiến hào ngoài kia - có lẽ tôi không còn một xứ sở để gọi đó là quê hương của mình. Ở Pháp, tôi cảm thấy mình như cá ra khỏi nước. Trong đời tôi, tôi đã sống tại Việt Nam lâu hơn bất cứ nơi nào khác. Tôi không còn cân nhắc rằng mình phải làm điều này hoặc nên làm điều nọ. Tôi chỉ còn một việc duy nhất là cứ bình tâm nhìn xem nó diễn ra, từ lúc nó bắt đầu cho tới khi nó chấm dứt

- Nhưng để làm gì? Cho lợi ích của tất cả những tay thực dân cổ đông ở Paris, những kẻ vẫn cố hót cho hết lớp vầng lợi nhuận qua việc buôn bán cao su, lúa gạo, than đá, dịch vụ ngân hàng của họ, và thậm chí rượu, thuốc phiện?

Lần này Paul lắc đầu dứt khoát hơn:

- Không. Vì cũng y hệt lý do khiến xứ sở của anh đang đổ ba tỉ Mỹ kim vào kết bạc chiến tranh Đông Dương của chúng tôi - để chặn không cho Mát-cơ-va và Bắc Kinh nắm quyền kiểm soát xứ sở này. Lúc này, tôi nghĩ không phải tôi đánh nhau với dân tộc Việt Nam. Chúng tôi đang chống lại những kẻ quỉ quyệt, nhân danh độc lập tự do của dân tộc đó trong khi tay họ sử dụng vũ khí của Trung Cộng, được Trung Cộng huấn luyện và kèm cặp để bành trướng chủ nghĩa Cộng sản Quốc tế tại Việt Nam. Nếu chúng tôi có thể cản trở cộng sản để người Việt quốc gia có đủ thời gian thiết lập một thể chế vững mạnh, và tôi chắc chắn lúc đó họ có đủ khả năng tự mình xây dựng một loại tương lai mà tôi hằng hy vọng.

Joseph bật người đứng lên, bắt đầu khích động đi tới đi lui:

- Paul ạ, tôi không bao giờ cho rằng chúng ta nên nghĩ tới Việt Nam như một Triều Tiên thứ hai - mỗi nước có những vấn đề khác hẳn nhau. Chín năm trước đây, chúng ta có cơ hội để kết bạn với Hồ Chí Minh và chúng ta đã làm hỏng cơ hội đó. Nhưng qua những gì tôi quan sát hôm nay ở đây, nếu Điện Biên Phủ sắp là một kiểu mẫu dùng để đánh bại thể giới cộng sản thì phương tây thua cuộc rồi đấy.

Anh dừng lại, quay mặt ngó bạn với vẻ xin lỗi:

- Tôi xin lỗi. Tôi không có ý tỏ vẻ xem thường. Nhưng khôn nạn là cái tập đoàn cứ điểm này trông không khác gì một vị trí dùng để binh sĩ tự sát tập thể mà tôi chưa từng thấy trong đời mình.

Paul nhún vai:

- Dĩ nhiên tôi cũng có vài dè dặt của riêng mình nhưng nếu anh ở lại đây, hàng ngày anh sẽ nghe các sĩ quan kể với nhau rằng chúng tôi chỉ sợ độc nhất một điều là bọn cộng sản quyết định sẽ không ào xuống tấn công chúng tôi. Từ đầu cuộc chiến tranh cho tới lúc này, chúng tôi chưa bao giờ bấy được lực lượng chủ lực của quân đội chúng vào một địa điểm mà sẽ trở thành một mục tiêu tập trung. Lúc nào cũng như thể đi săn ma trôi - anh biết cái trò đó mà. Tướng Navarre tin chắc, đại tá De Castries tin chắc, đại tá Piroth bảo đảm các phương án phòng ngự của chúng tôi đều hợp lý.

Nói tới đây, Paul lại nhún vai:

- Tới lúc này thì chẳng còn chọn lựa nào khác. Chúng tôi phải chung lưng kê vai vô bánh xe mà đẩy.

Joseph vặn lại:

- Nhưng các phi công của các anh không tin chắc. Và họ chính là mạch sống của các anh. Mùa mưa sẽ tới rất nhanh. Lúc đó, nếu việc hỗ trợ của không lực bị giảm thì...

Người Mỹ tàn nhẫn, vẻ mặt của anh chỉ dấu cho thấy viễn ảnh ấy quá khủng khiếp, không thể diễn tả thành lời. Paul đứng lên khỏi ghế, cầm loi lỏng cổ chai cô-nhắc và nắm cánh tay Joseph dẫn tới phía cửa ra có chắn bao cát:

- Ông bạn ạ, chúng ta leo ra ngoài kiểm chút khí trời rồi vào lại, được chứ? Trong này ngột quá!

Ra tới bên ngoài, cả hai cùng đứng trên nóc hầm nhìn chiếc Dakota đang lượn vòng trên các chóp núi làm nhiệm vụ thả trái sáng. Thình thoảng một cổ pháo của đại tá Piroth khai hỏa. Tiếng đạn đại bác nổ và có ánh chớp loé sáng một mảng rừng trên cao nơi sườn núi xa xa. Bên cạnh Joseph, Paul hít thật mạnh không khí ban đêm dịu mát vào đầy phổi. Sau cùng Paul nói trong tiếng thở phào:

- Joseph biết không, tại Việt Nam, Pháp không còn là dân tộc độc nhất làm chuyện điên rồ. Nếu hôm nay, "người Mỹ đa tình" đi kiếm nàng công chúa mờ mờ ảo ảo của hán trong sóc mọi ngày xưa, anh có biết hán sẽ tìm thấy cái gì không?

Joseph lắc đầu.

- Hán sẽ tìm thấy nàng không còn kiêu hãnh phô bộ ngực trần của mình ra cho cả thế giới nữa. Những cảnh như thế làm xốn mắt các nhà truyền giáo Hoa Kỳ của anh vừa mới tới xứ này, và Phái bộ Viện trợ Kinh tế của nước anh đã bỏ ra một ít tiền để tặng miễn phí nịt ngực

cho phụ nữ Mọi. Một "sứ mạng khai hoá" mới đang được tiến hành - nay bắt đầu thâm nhập vào Việt Nam lối sống nâng cao trình độ theo kiểu Mỹ.

Joseph cười khúc khích trong cổ họng:

- Paul, anh hay nói giỡn!

- Ông bạn ơi, tôi nói thật đấy. Và không chỉ có vậy thôi đâu. Đồng bào của anh đang ra sức dạy người Mọi và dân quê Việt Nam giữ vệ sinh bằng thức ăn của phương tây - người ta phân phát pho-mát bọc trong giấy bóng kính cho các làng mạc, và dân quê không hiểu đó là thứ gì. Họ thử đủ kiểu đủ cách, kể cả việc dùng nó mà tắm vì họ thấy nó giống cục xà phòng. Anh biết nàng công chúa Mọi của anh đang ra thế nào không? Khi tìm ra nàng, anh sẽ thấy nàng ngồi trong một góc nhà sàn, khóc thút thít rằng bộ ngực xinh đẹp từng có thời rất kiêu hãnh và rất thông dong nay bị ép chặt trong nịt vú cột dây kiểu Mỹ. Còn thêm cái này nữa, khắp thân thể nàng nồng nàn mùi pho-mát Wiscousin vì nàng đã làm lẫn lộn pho-mát mà rửa mình.

Tiếng đại bác bỗng ngưng dứt. Các trái sáng thả từ máy bay Dakota từng đóm rồi từng đóm tắt lịm trong rừng núi thăm thẳm tối đen. Châm chậm, lại nhìn thấy những ngôi sao trên bầu trời Điện Biên Phủ hiện ra rõ nét. Trong một lúc, tiếng cười của Joseph và Paul là âm thanh duy nhất trong trời đêm chợt im lặng.

Đặt bàn tay đầy thương mến lên vai Joseph và thêm lần nữa đưa cho bạn chai cô-nhắc không đầy nút, người Pháp nói:

- Nhắm nhò gì ba cái chuyện nhỏ đó. Cái quan trọng nhất là tôi cảm thấy rất thanh thản khi gặp lại anh

- 5 -

Hôm sau, đoàn quân xuất kích từ tập đoàn cứ điểm âm thầm lên đường lúc trời chưa rạng sáng. Như những hồn ma, lính dù lướt đi im lìm trong màn sương mù giá lạnh và ẩm ướt đang phủ kín vùng chân đồi. Bên kia Him Lam, cụm cứ điểm mé Đông Bắc lòng chảo, cây rừng lá thấp và rậm rạp tới độ những khinh binh dẫn đường dẻo dai của Tiểu đoàn Thái Số 3 phải dùng ngọn móc lưỡi dài và sắc lẹm chặt cành cây, phạt dây rừng để mở đường. Và vì thế lúc mới bắt đầu, đoàn quân di chuyển rất chậm.

Ở đoạn đầu của đội hình, Joseph thận trọng bước ngay đằng sau thân hình thẳng đứng của Paul Devraux. Khác với các binh lính chung quanh, anh không cầm vũ khí và không đeo ba lô quân dụng; hai tay anh trống rỗng, vung vẩy tự do. Trước lúc lên đường, Paul đề nghị Joseph mang theo súng lục nhưng anh thận trọng từ chối. Tại Trung Hoa và Triều Tiên, Joseph đã nhất quyết rằng phóng viên chiến trường lúc nào cũng phải đi với hai bàn tay không cầm vũ khí. Và anh ngoan cường giữ mãi quyết định đó dù đã vài lần chạm mặt với thần chết trong lưới lửa đường đạn của cả hai phe. Sáng nay, anh đội chiếc mũ lính bằng vải loại không vành, mặc quần áo màu xanh lá cây và đeo trước ngực các "vũ khí" độc đáo của mình: cặp ống nhòm Pháp và chiếc máy chụp hình.

Không có cuộc tiền pháo bằng đại bác 105 li hoặc 155 li của quân Pháp để xới nát vùng đất sẽ đổ bộ. Cũng không có xe tăng với những họng súng gầm thét càn tới rìa thung lũng như trước đây người ta thường tiến hành để dọn đường cho một cuộc tấn kích. Paul nói với Joseph rằng

lần này đơn vị hành quân xuất phát bất ngờ với mục đích bịt miệng đội sơn pháo hạng nhẹ nã đạn xuống đường băng lúc chiếc máy bay chở Joseph hạ cánh hôm qua.

Khi thức dậy, Joseph thấy Paul đã nai nịt gọn gàng, vừa di chuyển lạ làng quanh hầm vừa tự thưởng thức tiếng huýt sáo nhẹ nhàng của mình. Paul đội lệch chiếc mũ bê-rê đỏ thắm một cách ngang tàng với vẻ bất cần đời và phong thái lãng lãng như thể đã cất khỏi mình một gánh nặng, ít ra trong tạm thời. Khi cả hai lê bước theo hẻm núi chật hẹp, có mấy lần Paul quay lại mỉm cười khích lệ Joseph. Trong ánh sáng nhạt nhoà của sớm mai đang rạng, bộ mặt gầy và sạm nắng của Paul bỗng dung bớt ưu tư và có vẻ trẻ trung hơn.

Khi đoàn quân dừng lại lấy hơi thở, viên trung tá Pháp nói giọng vui vẻ:

- Rừng núi nơi này là nhà của mấy bộ lạc sơn cước thuộc vài sắc tộc khác nhau mà những kẻ có "khuyết hướng sự khảo" như anh hẳn lấy làm thú vị. Người Mèo trồng cây á phiện trên những chòm núi kia để giúp cho đời sống khắc nghiệt trở thành dễ chịu đựng hơn - nhưng anh hãy để ý tới người Xá sống nơi vùng đồi này! Họ là dân cổ sơ, lạc hậu, vẫn đang sinh hoạt như thuở Thời đại Đồ đá. Trông họ giống các sinh vật nơi rừng sâu núi thẳm hơn con người ta. Cách riêng đàn bà, trán họ vò và hai cánh tay dài như vượn - giống kiểu tay của anh hơn của tôi!

Paul dấn nhẹ vào cánh tay của Joseph rồi cất chân đi trước, lặng lẽ cười một mình. Joseph bước theo, rần rần miệng cười để giấu nỗi xao xuyến càng lúc càng tăng trong lòng mình.

Tối qua, Joseph khủng hoảng tới mức cùng quẫn vì đã không mở nổi miệng để nói với Paul về mặc cảm phạm tội của mình trong quan hệ với Lan. Anh ngủ chập chờn, thỉnh thoảng lắng nghe tiếng thở êm đềm và đều đặn của Paul trong căn hầm tĩnh mịch. Việc nhận thấy cuộc viếng thăm của mình làm Paul vui sướng và nguôi ngoai chỉ khiến Joseph thêm nhức nhối về sự phản bội trắng trợn anh sẽ phạm nếu rốt cuộc anh và Lan quyết định kết hiệp cuộc đời của hai người thành một.

Khi đi theo con đường mòn lên dốc núi trong trời rạng sáng, Joseph cân nhắc trong tâm trí những lí do khiến mình không mở nổi miệng. Bỗng nhiên, anh đau nhói hồ thẹn, nhớ lại cuộc trò chuyện với một hạ sĩ Lê dương trong lúc đi tham quan căn cứ quân sự chiều hôm qua. Khi Joseph đề cập tới việc sáng sớm hôm sau mình sẽ đi ra bên ngoài vành đai phòng thủ của tập đoàn cứ điểm với một đơn vị hành quân, viên hạ sĩ người Đức ấy cười ra mặt. Anh ta bảo rằng những cuộc xuất kích như thế chỉ là trò tuần tiểu nhỏ nhặt nhằm mục đích đánh lừa các ký giả ghé qua Điện Biên Phủ. Với một cái nhún vai cam chịu, viên hạ sĩ ấy nói:

- Đối phương biết rất rõ rằng từ chỗ này chúng tôi không thể xuất kích mà thu lượm được thành quả nào vì rừng núi rậm rạp và vòng vây chặt chẽ của chúng. Chỉ cần làm một việc giản dị thôi, là chờ cho tới khi bọn chúng chọn thời điểm tràn xuống tấn công chúng tôi.

Joseph tự hỏi phải chăng lời thừa nhận bất chợt đó khiến anh thật sự tin rằng Điện Biên Phủ đã bị kết án tử hình? Phải chăng anh vẫn giữ yên lặng vì đang hi vọng rằng lúc bụi trên chiến trường này lắng xuống, anh không cần phải hỏi một kẻ đã tử trận rằng anh ta có phiền lòng không khi vợ của anh ta bị gã bạn thân cuồn mạt?

Choáng váng vì sự việc có thể xảy tới như thế, Joseph bỗng ngừng bước. Trong một chốc anh đứng ngay giữa hẻm núi, đưa mắt đắm đắm nhìn tấm lưng mờ dần của viên trung tá Pháp và lòng quặn thắt với cảm giác tự mình ghê tởm mình cực độ. Liền khi ấy một lính dù đi sau

Joseph vấp trúng người anh, cất tiếng rủa sả làm xàm. Joseph vội vàng xin lỗi và lật đặt đi tiếp.

Cùng với bình minh đang tới, gió sớm mai nổi lên nhẹ nhàng làm lao xao lớp cỏ cao ngang hông người khi đoàn quân xuất kích tiếp tục con đường đi lên men theo hẻm núi. Rồi luồng gió êm đêm ấy bắt đầu thổi dào dạt làm tan dần màn sương mù dày đặc ban mai. Xuyên qua một làn sương chập chờn trôi lượn, các bộ đội trong đại đội của Đồng chợt thoáng thấy lính dù Pháp.

Cùng chung phòng tuyến với bốn đại đội khác thuộc Trung đoàn 59, lính của Đồng trấn giữ một trong nhiều chốt phục kích được chuẩn bị kỹ lưỡng nơi đầu hẻm núi bên trên lòng chảo. Từ các chốt an toàn dưới giao thông hào khuất trong cây rậm và cỏ cao, năm trăm bộ đội Việt Minh có thừa kín đáo khi theo dõi diễn tiến của đơn vị Pháp đang đi lên cách bốn trăm thước phía dưới.

Sau khi kéo khẩu trọng pháo cuối cùng tới hang đá dành sẵn cho nó trên đỉnh núi, đại đội của Đồng chỉ có phép nghỉ ngơi sáu tiếng đồng hồ nhưng họ được bồi dưỡng thêm một suất đường thẻ đặc biệt để giúp lấy lại sức. Trong mấy tuần qua, nhiều vị trí vây quanh tập đoàn cứ điểm của Pháp được bộ đội Việt Minh canh giữ suốt ngày đêm. Và theo phiên luân chuyển thường lệ của các đơn vị, đại đội của Đồng được cắt cử tới vị trí này hồi tối.

Suốt mấy tiếng đồng hồ đêm qua họ quan sát ánh lửa bập bùng khắp các cứ điểm của tập đoàn trong bóng tối phía dưới. Họ nghe rất rõ tiếng chân của lính Pháp lội bì bõm trong dòng sông Nậm Rốm. Họ còn có thể hiểu được ý nghĩa lời các bài hát tục tĩu được lính Lê dương rống lên trước lúc sửa soạn đi ngủ. Thỉnh thoảng họ còn nghe trong gió đưa tới tai mình giọng đồng ca ồm ồm của lính dù Quân đội Quốc gia Việt Nam. Có vài bộ đội còn rất trẻ, kín đáo liếc chính trị viên đại đội rồi lầm thầm hát theo. Các bài hát tiếng Việt vang lên từ bên dưới kia không xa lạ với họ. Chúng nhắc nhở tới một thời thiếu niên êm đềm với những buổi sinh hoạt ngoài trời, trong sân trường, cắm trại, hướng đạo: kết đoàn, ông voi ông voi, cái cò cái vạc, con chuột, đàn vịt, thằng cuội, v.v.

Suốt đêm dài, Đồng ra lệnh cho bộ đội nghỉ ngơi trong các chốt điểm được bố trí cẩn thận. Riêng Đồng, trong giờ canh thức của mình, anh điềm tĩnh chuyện trò với đồng đội chung quanh để đảm bảo họ vẫn giữ nguyên cao độ cái tinh thần vừa giúp họ kéo nổi khẩu pháo nặng nề lên núi trong một thời gian kỷ lục.

Vì từ đôi ba tuần nay, rõ ràng quân Pháp ngưng hẳn những cuộc xuất kích cả lớn lẫn nhỏ nên Đồng và các đại đội trưởng những vị trí phục kích khác đều ngạc nhiên khi thấy có một đoàn quân di chuyển theo hàng một và đang cố leo lên núi tiến về hướng của họ. Qua chiếc ống nhòm đã chiến tích thu được của Pháp, Đồng xem xét tỉ mỉ suốt chiều dọc của đội hình khi nó băng qua một tảng đá lộ thiên chỉ cách bên dưới chỗ ẩn nấp hai trăm thước. Đồng có thể xác định rõ rệt các lính Thái nhỏ con hướng dẫn đi đằng trước. Họ cũng thuộc sắc tộc miền núi chung một vùng với dân bản tại thung lũng này. Trông họ giống những kẻ vừa thức dậy, mặt còn ngái ngủ mà chân đã bước ra khỏi nhà sàn trong ánh sáng sớm tinh mơ. Họ di chuyển vừa nhanh nhẹn vừa căng thẳng đằng trước nhóm đi đầu của đoàn lính dù Pháp.

Đồng chìa chiếc ống nhòm cực mạnh rà từng người một. Lướt qua một dáng người cao, lưng thẳng, mặc đồ rằn ri, đầu đội mũ bê-rê đỏ, rồi tới một người dân sự nào đó mặc bộ quần áo bằng vải trơn màu xanh lá cây, Đồng không nhận ra đó là hai kẻ từng nô đùa với anh em mình nơi trại săn trong rừng gần ba chục năm trước. Đại đội của Đồng được phân công giữ vị trí tiền phương tại các điểm đóng chốt trên đầu con dốc nằm lưng chừng hẻm núi. Và anh đang

cố tìm cho ra chiếc cần điện đài để có thể phân công cho mấy tay súng thiện xạ nhất của mình bắn gục tên lính truyền tin ngay lúc khai hỏa. Sau cùng, Đồng định vị ra hấn. Thì thầm gọi mấy tay súng bắn giỏi tới bên mình, anh lệ làng ra lệnh cho những bộ đội còn lại đưa súng lên vai. Gần như nín thở, cả đại đội ghì súng nhắm xuống chỗ sương mù lao xao, chờ đoàn người da trắng lọt vào tầm tác xạ.

Ưỡn ngực rẽ lớp cỏ cao, Paul Devraux vừa lấy tay lùa qua một bên đám dây leo chằng chịt từ các cành cây rủ xuống vừa liên tục quan sát vùng đồi và những bụi rậm chung quanh bằng con mắt tỉ mỉ và lão luyện của một thợ săn lành nghề. Nhưng dù Paul đang tiến tới gần và có mấy lần nhìn thẳng lên phía hẻm núi nơi đại đội của Đồng đang ẩn mình hờn sẵn, anh vẫn không thấy giữa lớp sóng cỏ chập chờn kia có dấu vết hiện diện nào của đối phương.

Cuối cùng, khi tia mắt sắc sảo của Paul bắt gặp chỗ hai sườn đồi tiếp giáp nhau cách xa chừng trăm thước, anh quay sang Joseph, miệng cười dí dỏm và đưa tay chỉ lên:

- Nhìn lệ lên - kìa! Anh có thấy người Xá không?

Joseph nâng ống nhòm lên, chăm chú nhìn đám phụ nữ Xá ở trần vừa ló mình ra khỏi vùng cỏ cây rậm rạp và đang lướt qua một tảng đá trơ trụi. Trông họ di chuyển như loài vật, bò rất lẹ bằng cả hai chân hai tay khiến người xem bị cuốn hút bởi chuyển động kỳ dị ấy. Dọc hàng quân phát ra tiếng cười thô tục. Trong hẻm núi bỗng vang lên vài tiếng hét lớn chế nhạo khi có một người đàn bà trượt chân, hoảng hốt ré lên rồi té lăn xuống dốc đá dựng đứng. Không một ai trong đoàn lính dù sắp đưa chân vào gọng kềm mai phục ấy có thể ngờ rằng: sự thật các nhóm dân bộ lạc Thời đại Đồ đá đỏ bị Việt Minh kềm giữ khắp thung lũng và chỉ thả họ ra với mục đích đánh lạc hướng quân Pháp.

Trong trường hợp sáng nay, mưu mẹo đó đạt kết quả không chê vào đâu được. Đám người Xá không gây cho đoàn quân xuất kích chút nghi ngờ nào và làm họ lơ lửng cảnh giác trong vài ba giây. Đúng chớp mắt sau cùng, khi những người sơn cước bò lon ton ấy biến dạng vào một miệng hang, từ các vị trí mai phục, loạt súng đầu tiên nổ ran. Đạn bay xối xả lên đoàn quân xuất kích, quất sùm sùm hơn chục người. Những lính dù còn lại nhào mình núp vào lớp cỏ cao. Lập tức, hầu hết lính trong đại đội của Đồng từ bên trên hẻm núi đồng loạt đứng bật dậy. Họ vung tay ném và lựu đạn dày đặc như mưa đá theo hình vòng cung rơi xuống giữa đoàn quân Pháp.

Joseph và Paul lăn xuống rãnh nước trũng kế bên người lính truyền tin. Mặt anh ta lúc này đầm đìa máu và nát bét, như một cục bột nhào màu đỏ, vì trúng những phát súng khai hỏa chính xác của mấy tay thiện xạ Việt Minh. Khi cả hai choáng váng ép sát người vô vách đá, một trung úy trẻ trườn tới bên họ. Anh ta giật máy truyền tin khỏi tay hiệu thính viên đã chết và bắt đầu gọi máy bay cứu thương của quân y tới tàn thương.

Núi rừng bỗng sống động hẳn lên với tiếng đi đùng của hàng loạt súng trường và súng máy khi lính Pháp bắt đầu bắn trả. Khắp chung quanh Joseph, tiếng rên la của kẻ bị thương hoặc đang hấp hối cất lên hoà với âm thanh náo loạn của cuộc đụng độ. Joseph kinh hoàng thờ hồn hèn khi quay mình lại, thấy thân xác người lính dù mấy phút trước đây còn làm xảm rủa sả anh lúc này gục xuống trên mép rãnh nước. Lồng ngực của anh ta toang hoác vì bị nhiều phát đạn đồng loạt bắn trúng. Một cánh tay bị lựu đạn thổi bay mất. Các ngón của bàn tay còn lại rõ ràng đang cố níu mép rãnh nước và co bóp liên tục như thể làm nhịp cho tiếng rên rỉ thều thào đau đớn thoát ra từ cửa miệng ứ máu trong phút giây từ biệt cõi đời.

Sát bên Joseph, Paul gầm lên ra lệnh viên trung úy trẻ khởi sự rút quân lùi xuống hẻm núi hẹp. Khi người Mỹ quay đầu nhìn bạn, anh thấy máu từ một vết thương trên trán Paul chảy nhỏ giọt xuống mi mắt. Joseph há hốc miệng:

- Paul, anh bị bắn trúng!

Viên trung tá Pháp trả lời thật lẹ, chỉ tay xuống sườn đồi:

- Chỉ bị mảnh lựu đạn văng xước da thôi. Anh lùi xuống ngay. Cứ bò dọc rãnh nước, đừng ngóc đầu lên!

Đưa vệt tay áo trần lên quệt máu ngang lông mày, Paul chụp máy truyền tin, bắt đầu gọi máy bay B-26 khẩn cấp tới oanh kích và thả bom xăng xuống các cao điểm bên trên.

Joseph hụp người, bắt đầu trườn xuống theo rãnh nước nhưng có cái gì đó khiến anh dừng lại, ngoái lui nhìn. Paul vẫn cúi đầu vô vách đá, hét lớn vào máy truyền tin, không để ý có một bộ đội Việt Minh đang lao tới mép rãnh nước ngay bên trên anh. Đối phương trở khẩu súng trường có cắm sẵn lưỡi lê trên đầu súng. Trong chớp mắt, bóng anh ta in nghiêng lên bầu trời sớm mai.

Tay nắm chặt vũ khí chĩa xuống như một cây thương đầy tử khí, anh ta dặng hai chân, rùn người, dồn hết sức mạnh vào hông và hai cánh tay, chuẩn bị dí đầu lưỡi lê thọc tới. Nhưng trước khi anh ta kịp chuyển động, Joseph đã từ rãnh nước mé dưới lao ngược trở lại, hét lớn báo động. Chạm hai đầu gối, Joseph bung toàn thân về phía người bộ đội Việt Nam đúng lúc anh ta vừa lao mình đâm xuống Paul. Cả hai va vào nhau, loạng choạng nứu lấy nhau và cùng ngã xuống, sát bên Paul. Người Việt Nam té xuống đất quá mạnh, súng văng khỏi tay và bị Joseph đè lên trên. Ngay lập tức anh ta tỉnh người lại, bắt đầu vùng vẫy vật lộn kịch liệt để cố thoát ra. Vừa lúc anh ta gỡ được hai cánh tay ôm chặt của Joseph, có hai lính dù từ sườn đồi ào lên yểm trợ cấp chỉ huy của mình. Còn anh ta vọt lên mép rãnh nước, lùi mất.

Sau khi người bộ đội Việt Minh thoát chạy, Paul nằm ngửa, mặt trắng bệch nhìn Joseph chăm chặp vì thình lình biết ra mình suýt bị lưỡi lê đâm chết. Rồi anh cười miệng méo xệch:

- Ông bạn ạ, cựu binh mà động tác như thế là lẹ lắm đấy! Tôi rất mừng là anh tới kịp.

Joseph không trả lời. Người bắt đầu run rẩy vì lúc này anh mới cảm thấy choáng váng. Khi một lính dù nắm cánh tay Joseph, bắt đầu đẩy anh xuống trở lại sườn đồi, anh đi không chút chống cự. Anh biết rằng hành động đột nhiên giúp Paul vừa rồi là một cử chỉ phản xạ, làm theo bản năng chứ không phải là suy nghĩ tỉnh táo. Và khi lý trí của Joseph hoạt động trở lại, anh nhận ra, với sự sáng suốt đáng kinh tởm và nhói buốt, rằng sở dĩ anh có cơ hội liều tính mạng để cứu bạn như thế chỉ bởi vì lúc này, sâu trong thâm tâm - dù có vì thế mà anh khinh bỉ mình - anh ngoái nhìn lui là có ý xem Devraux bị trúng đạn chưa, đã chết hay còn sống.

- Thật sự cha là cha của con sao? Đôi khi con khó mà tin có chuyện đó.

Tuyết nói với ánh mắt sáng rõ và tươi tắn như óng ánh một nụ cười. Nếu có người nào bất chợt đưa mắt nhìn qua chiếc bàn hai cha con đang ngồi nơi tầng trệt quán cà phê Chez Maria

bên Đại lộ Barnet hẳn sẽ thấy trên mặt Tuyết dường như biểu lộ một tình cảm nồng ấm và chân thật. Nhưng đối với Joseph, anh càng lúc càng nhận ra vẻ trách móc, khó chịu và căng thẳng trong giọng nói của con gái.

Đạo mới mười bốn tuổi, tâm trạng thoát đầu của Tuyết là non dại, rất ít nói và hay bối rối. Rồi những thơ ngây ấy dần dần thay đổi theo tháng ngày, từ e ấp, dè dặt và rụt rè biến thành u uất, câm nín và tủi hận. Tới hôm nay, Tuyết mười bảy tuổi, xinh đẹp, với nước "da vàng" nhạt như tỏa màu rực rỡ và lông lánh vẻ thanh xuân. Nửa năm qua, trong đôi ba lần cha con gặp nhau mỗi khi Joseph ghé lại Sài Gòn, Tuyết giữ thái độ trách móc nhẹ nhàng. Nhưng đối với Joseph, anh cảm thấy trong thái độ ấy của con có một chọn lựa nào đó, như một cách thức cố ý chọc cho người cha chạnh lòng và nhức nhối.

Khi Joseph không thể chờ đợi thêm một phút nào nữa, sắp sửa gọi tính tiền, chuẩn bị đứng lên bỏ đi, đột nhiên Tuyết, từ một chôn nào đó, xuất hiện và lẹ làng đặt mình xuống mặt ghế cạnh chiếc bàn anh đang ngồi. Thanh tú và mảnh mai như cành liễu, Tuyết ngồi hờ hững trên mép ghế, cầm lơ đãng tì lên lưng bàn tay và đưa mắt ơ hờ nhìn cha. Các thiếu nữ lai phương tây thường có màu da rất trắng nhưng mặt Tuyết chỉ hơi trắng, sắc da nhạt hơn người bình thường, với hai con mắt to hơn mắt mẹ nhưng nét đẹp Tuyết của làm xao xuyến lòng người, không thua gì mẹ. Điều đó được xác nhận khi có rất nhiều đàn ông từ những bàn bên cạnh quay đầu nhìn sang hướng có nó ngồi. Tuyết mặc áo dài cao cổ màu vàng nhạt, may ôm sát eo lưng và bộ ngực mảnh mai. Nét duyên dáng tự nhiên của nó lại càng linh động hơn nhờ phong thái điềm tĩnh ít khi thấy nơi các thiếu nữ Việt Nam.

Joseph nói với giọng thật thấp, cố không để lộ tâm trạng nao nao xúc động anh thường cảm thấy mỗi lần gặp con:

- Tuyết ạ, cha cũng thấy khó mà tin nổi chuyện đó. Cho tới khi cha có cơ hội hiếm hoi được thấy khuôn mặt đáng yêu của con ở ngay trước mặt cha. Con càng lớn càng xinh đẹp không kém mẹ con chút nào.

- Nếu cha nghĩ mẹ đáng yêu đến thế, tại sao trước kia cha không ở lại đây làm đám cưới với mẹ?

Lúc lắc đầu, Tuyết nguây nguẩy phóng ra câu hỏi ấy, rất lẹ như thể đã tập dượt hằng giờ trong các buổi học tiếng Anh tại trường trung học Pháp Marie-Curie. Joseph bỗng tự hỏi phải chăng trong giọng nói của Tuyết có đôi chút dấu vết của một tâm trạng quá dỗi kích động đúng như anh nhận thấy, hay đó chỉ là đòn hết can đảm để đặt những câu hỏi thẳng thừng và vô phép trước đây nó không bao giờ dám hỏi.

Một người hầu bàn tới gần nhưng Tuyết giận dữ lắc đầu xua tay. Chờ cho người phục vụ ấy rút lui, Joseph đặt tay lên mặt bàn. Trong một chốc anh im lặng ngó xuống hai bàn tay mình, rồi tăng hắng và nói gần như không thành tiếng:

- Tuyết ạ, thuở đó cha có nói với mẹ của con rằng cha rất muốn làm đám cưới, nhưng rồi mẹ không thể nhận lời cầu hôn của cha vì mẹ không muốn làm buồn lòng ông ngoại của con trong lúc gia đình đang gặp chuyện không may.

Joseph ngừng nói, quan sát vẻ mặt của con gái và không dò nổi phản ứng. Nó vô cảm không kém nửa giờ trước đây. Lúc đó, Tuyết xuất hiện trước công trường với đám bạn gái cười nói líu lo. Joseph thấy nó đưa mắt nhìn qua bên kia đại lộ, thẳng tới hướng anh đang đứng chờ.

Chắc chắn Tuyết có thấy mình. Nghĩ như thế, anh bước ra khỏi bóng mát dưới gốc me, đưa tay vẫy con. Nhưng Tuyết vội vàng quay mặt sang chỗ khác, làm như chẳng thấy ai. Nó tiếp tục đi với các bạn gái cùng lớp. Cả đám tay cầm tay, chân bước tung tăng và miệng tíu tít chuyện trò, để mặc làn gió nhẹ lay động những sợi tóc mượt mà. Ở lề đường bên kia, Joseph chậm chạp đi theo Tuyết. Dõi theo tiếng cười khúc khích sôi nổi của con gái và chúng bạn trôi dạt lại trong tai mình, anh kiên nhẫn chờ nhưng Tuyết không ngoái nhìn cha.

Năm 1951, lần đầu tiên đến cổng trường của Tuyết lúc trời gần đứng bóng, dưới nắng trưa Sài Gòn đỏ lửa, Joseph cũng kiên nhẫn đứng chờ, trên tay cầm một tấm ảnh của Tuyết do Lan đưa. Nhờ tấm ảnh ấy, Joseph dễ dàng nhận ra con gái. Anh lật đặt bằng ngang con đường trước trường, lách mình qua một đoàn xích-lô vào thời đó đã đạp loanh quanh đón khách trong thành phố, thay cho xe kéo cổ lỗ.

Khi Joseph tới gần, chạm vào cánh tay đưa con gái mười bốn tuổi, khuôn mặt của Tuyết cau lại với vẻ thật sự cảnh giác. Vẻ mặt ấy khiến Joseph nhớ lại tia nhìn e sợ chột lóe lên trong hai con mắt bùng bùng sốt của Tuyết bên bờ ao làng đầy bùn nơi cực bắc Trung kỳ sáu năm về trước khi lần đầu tiên gặp anh. Nhưng ngoài vẻ cảnh giác ấy, không còn dấu hiệu nào khác gợi cho Joseph nhớ tới đứa bé gái tuyệt vọng sắp chết đói được anh thuở đó ôm chặt vào lòng với trái tim đập rộn ràng của người cha tìm thấy đứa con thất lạc.

Sau đó, cứ mỗi lần đến thăm con, Joseph lại đứng ở phía lề đường đối diện với cổng trường, đưa tay lên vẫy và chờ đợi. Trong những lần hai cha con mới gặp nhau, Tuyết miễn cưỡng tách khỏi đám bạn và băng qua đường chào đón cha. Đôi khi hai cha con tản bộ tới Thảo Cầm Viên hoặc đi loanh quanh trong Vườn Ông Thượng mà lúc này có tên mới là vườn Tao Đàn, cách dinh thống đốc cũ một quãng, nơi anh gặp Lan lần đầu lúc nàng mới mười tuổi.

Rồi tới một giai đoạn Tuyết bắt đầu hoàn toàn không ngó ngang đến cha dù Joseph vẫn đứng chờ bên kia cổng trường. Hôm bắt đầu xảy ra tình trạng đó là vào dịp Sài Gòn chuẩn bị đón tết Nguyên đán. Cảm thấy ngạc nhiên, anh lật đặt đi theo con gái. Tuyết cố tình dẫn anh lượn tới quành lui không biết bao nhiêu lần giữa hàng chục quầy bán hoa của chợ hoa xuân đông đúc trên Đại lộ Charner thẳng trước Tòa Thị Chính, bên kia Bồn Kèn. Sau cùng, anh hoa mắt và nó với đám bạn cười nói khúc khích rộn ràng ấy biến mất lúc nào không biết.

Từ lần đó trở đi, nếu thấy Tuyết làm như không nhận ra sự có mặt của cha phía bên kia cổng trường, Joseph sẽ đi theo con, giữ cách một quãng ngắn. Cứ thế thành thông lệ. Rồi thêm một thói quen nữa. Sau khi đi theo con, Joseph sẽ tới ngồi chờ nơi tầng trệt của tiệm cà phê Chez Maria gần đó, để tạo dịp cho Tuyết quay lại nói chuyện với cha nếu nó muốn. Có khi Tuyết đến, có khi không.

Từ đó đến nay đã ba năm, hai cha con gặp nhau có lẽ chỉ bảy tám lần. Không lần nào gặp nhau không cảm thấy lần gặp khó chịu. Lần nào Joseph cũng cố làm sao cho con gái không còn thái độ bướng bỉnh và ánh mắt thù nghịch biểu lộ kể từ lần đầu tiên hai cha con gặp nhau trước cổng trường. Như một nỗ lực để gần gũi con hơn, Joseph bắt đầu học tiếng Việt. Nhưng nếu anh nói chuyện bằng tiếng Việt, Tuyết nhất quyết không ngó ngang tới cha và năng nặc buộc Joseph phải nói tiếng Anh.

Hễ Joseph mở miệng hỏi Tuyết về cuộc sống hiện tại của nó, thay vì trả lời trực tiếp, nó lại nhắc tới "Cậu Mợ Tâm" với những câu nói bày tỏ lòng quý mến sâu xa. Nó kể lể dài dòng và tỉ mỉ những cử chỉ thân ái được "Cậu Mợ" dành cho nó, như cố làm nổi bật tâm trạng tủi hận mà nó cảm thấy rất cụ thể và rất thấm thía việc cha mẹ không chịu trực tiếp nuôi nấng mình. Mỗi

lần nhắc tới Lan, Joseph đều thấy thái độ của Tuyết lãnh đạm và dè dặt dù chưa bao giờ nó công khai biểu lộ lòng oán ghét mẹ.

Đã trăm lần Joseph quả quyết với Tuyết rằng lòng anh ân hận biết bao vì sự thể xoay chuyển ra như thế này. Nhưng lúc nào Tuyết cũng chỉ im lặng lắng nghe lời phân trần ấy, không để lộ chút phản ứng nào. Cho dù lời Tuyết xử sự với cha rất cách biệt, Joseph vẫn cảm nhận sắc nét rằng bên dưới chiếc mặt nạ nguội lạnh ấy, con gái anh đang vật vã với chính nó nhằm che giấu tâm trạng tủi hận của một thiếu nữ luôn luôn mang mặc bị tổn thương và bị phản bội.

- Vậy, có phải bắt chấp những cái đó, cha vẫn còn yêu mẹ?

Joseph giật mình nhìn lên, đối ngược vì câu hỏi ấy của con gái. Mắt Tuyết ngó thẳng mắt cha trong vài giây rồi bỗng như bối rối vì sự táo bạo của mình, nó quay đầu nhìn chỗ khác. Joseph nhìn không chớp về mặt nghiêng nghiêng thanh tú của con gái, thấy nó giống Lan tới độ làm anh như nghẹt thở. Cuối cùng Joseph cất tiếng, trong giọng nói có đôi chút nghẹn ngào:

- Còn, Tuyết ạ. Cha yêu mẹ con nhiều lắm. Cha không bao giờ thôi yêu mẹ con. Cha vẫn nuôi hi vọng tới một ngày nào đó, cha và mẹ có cơ hội làm đám cưới.

Tuyết liếc cha thật lẹ, đôi mắt đen nhánh lộ vẻ giật mình nhưng không nói. Anh móc ví lấy ra tấm ảnh của Tuyết lúc mười bốn tuổi anh từng cầm theo khi lần đầu tới cổng trường của nó. Tấm ảnh giờ đây hơi nhàu. Trong ảnh, vẻ mặt Tuyết e ấp, rụt rè và phon phớt buồn, trông rất tội nghiệp. Joseph đẩy tấm ảnh về phía con gái và nói:

- Và dù đi bất cứ nơi nào cha cũng đều mang theo tấm ảnh này. Tuyết ạ, suốt ba năm nay, cha thấy vẻ mặt con lúc nào cũng giống như trong tấm ảnh. Cha muốn làm thế nào cho con cười thật nhiều và thật tươi. Nếu mẹ con và cha kết hôn, cha muốn mang hai mẹ con rời Việt Nam. Cha muốn cả ba chúng ta sống chung thành một gia đình.

- Chuyện đó lúc này không phải đã khá trễ rồi sao?

Tuyết nói và lúc lắc đầu, khinh khỉnh, không thèm ngó tấm ảnh đặt ngay trước mặt. Rồi nó quay đầu sang chỗ khác, nhìn mông lung tấm lưới giăng ngang trước tầng trệt. Đó là loại lưới mắt cáo bằng thép từ tám năm nay được dùng để che chắn các tiệm cà phê trong thành phố Sài Gòn kể từ ngày quân du kích Việt Minh đi xe đạp bắt đầu ném lựu đạn vào những hàng quán có khách nước ngoài.

- Cha hy vọng là không. Lúc này, rõ ràng cuộc chiến đang nghiêng phần thắng về phía cộng sản. Tại Điện Biên Phủ mọi sự càng lúc càng tệ hại - nhưng cha cho là không quá trễ. Nếu cộng sản thắng thì ở đây, ngay tại Sài Gòn này, nhiều cái có thể chẳng bao giờ còn y như cũ... Đó là lý do cha muốn nói chuyện với con.

Joseph vừa nói vừa sôi nổi chú người tới trước để lôi kéo sự chú ý của con gái nhưng Tuyết hình như không nghe, mắt nó vẫn đăm đăm nhìn xuống đường phố.

Bên kia tấm lưới sắt đang bị Tuyết làm ra vẻ cố nhìn xuyên suốt, Sài Gòn lúc này biến đổi thành một đô thị rộng mênh mông, khác với thuở đầu tiên Joseph ghé lại ba mươi năm trước. Dù vào ban trưa và vào quãng bảy giờ chiều, tầng trệt có lưới chắn bảo vệ của các quán cà phê vẫn đông đúc người Pháp vì thói quen khai vị của họ, hiện đã có khoảng trên một ngàn người Mỹ đồng hương của Joseph đang hàng ngày đi lại trên các đại lộ của "Paris Phương

Đông". Lá cờ sao sọc trở thành hình ảnh quen thuộc trên nhiều đường phố trung tâm khi một số lượng hùng hậu gồm năm trăm người Mỹ đang bắt đầu kéo tới đây ngay sau quyết định trọng đại của tổng thống Truman là Hoa Kỳ giữ vững lập trường chống cộng sản ở á đông. Họ là nhân viên thuộc Đại sứ quán Hoa Kỳ, tăng cường thêm Phái bộ Viện trợ Kinh tế cùng cả chục cơ quan khác của chính phủ Mỹ.

Để có chỗ cư trú cho ngàn ấy người Mỹ, người ta vội vã nâng cấp các chúng cư kiên cố và hiện đại lên cao hơn. Và chúng đứng sừng sững trước các biệt thự quét vôi màu lam nhạt kiểu Pháp. Thêm nữa, để ghi đậm lên thành phố dấu ấn cá biệt của lối sống Mỹ, các cửa tiệm dọc đường Catinat bắt đầu bày bán áo sơ-mi ni-lông cổ mềm cài nút, kem đánh răng the the mùi bạc hà cùng với coca cola và các hàng hóa khác được dân Mỹ ưa dùng hàng ngày.

Joseph biết rằng một đoàn quân nhỏ nhoi gồm các viên chức chính phủ Mỹ đã bắt đầu thao tác trong các giáo phái, các đảng phái của người Việt và các nhóm quyền lực bản xứ khác. Mục đồ ấy nhằm toan tính chuẩn bị một lực lượng, với sự hậu thuẫn của Mỹ, có khả năng cứu Việt Nam khỏi chủ nghĩa Mác-xít Lê-ni-nít khi rút cuộc người Pháp buộc lòng phải ra đi. Anh đã viết nhiều bài báo cho tờ Gazette, cảnh báo đồng hương của mình rằng họ phải rất dè dặt khi đặt chân lên xứ sở xa lạ và phức tạp này, vào lúc họ gần như chỉ mới bắt đầu tìm hiểu.

Cũng giống các ký giả nước ngoài ghé lại đây, Joseph phải gầy dựng, nuôi dưỡng và sử dụng những đường dây bí mật với các phái viên Việt Minh để theo dõi sát nút cuộc chiến. Họ là những người tuy mắt đầy cảnh giác nhưng lúc nào cũng long lanh sôi nổi giải thích các nguyên cớ chiến đấu của họ. Các cuộc tiếp xúc bí mật giữa họ với Joseph thường xảy ra tại các làng mạc trong rừng ven biên Sài Gòn, hoặc trong các quán cóc ruồi bu kiến đậu chuyên bán cà phê bít-tát tại những khu vực nghèo nội thành. Những điều tai nghe mắt thấy ấy đủ để khiến anh lo sợ về những gì sẽ xảy ra sau cuộc chiến. Tình hình Việt Nam đang tới gần một điểm quặt quan trọng và trước mắt, đang có nhiều nguy hiểm và bất ổn.

Sau cùng, khi Tuyết chịu quay mặt lại nhìn cha, Joseph nói với giọng quả quyết hơn:

- Tuyết này, cha lo lắng về những cái hắc sẽ xảy tới cho con nếu cộng sản thắng cuộc chiến tranh này. Có lẽ con không để ý nhiều tới chính trị nhưng Việt Minh muốn thay đổi lối sống của hết thảy mọi người ở đây, trong đó có cả con.

Nhẹ nhàng cười mỉm theo kiểu nửa tin nửa ngờ mà Tuyết biết sẽ làm người vừa nói cảm thấy rất bức mình. Vài giây sau, nó mới trả lời:

- Cho tới hôm nay, tại cái xứ sở sinh ra con này, con tự lo liệu cho mình rất ổn thoả. Cha lo xa cho con ư, thật tử tế quá! Nhưng nếu không có sự giúp đỡ của cha, con nghĩ con vẫn có khả năng tiếp tục sống trên cõi thế gian này!

Với tay qua bên kia mặt bàn, Joseph cầm tay con gái và ướm lời:

- Tuyết, con hãy để cha giải thích về dự tính cha đang có trong đầu. Con chịu khó nghe một chút, có mất gì đâu...

Tuyết giật tay về đặt trên đùi mình, và thêm lần nữa cười mỉm:

- Đúng, nghe thì có mất mát gì đâu. Nhưng chẳng may lúc này con không rảnh.

Nó đứng dậy, chìa bàn tay, làm như đang biểu lộ một hình thức chế nhạo:

- Monsieur Sherman, chào nhé, và xin cảm ơn.

Để tránh cho Tuyết khỏi ngỡ ngàng, Joseph miễn cưỡng đứng lên. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi hai bàn tay cha con chạm vào nhau, nó lại cười mỉm với anh thêm lần nữa, rất nhẹ nhàng.

Joseph vẫn đứng đăm đăm nhìn Tuyết đi thẳng một mạch qua tầng trệt đông đúc. Rồi khi con gái đi khuất, anh lại chậm chậm buông người xuống ghế. Trên mặt bàn, tấm ảnh Tuyết với vẻ mặt u uất vẫn nằm ngay phía trước chiếc ghế trống nó vừa ngồi, tấm ảnh nó không hề để mắt nhìn hay đụng tay tới.

- 7 -

Khi trời hửng sáng trên khắp vùng nghỉ mát Đà Lạt vào ngày Thứ Bảy 13 tháng Ba năm 1954, những đồi thông bạt ngàn bao phủ cao nguyên Lang-Biang vẫn còn liêm kín trong sương mù. Không một ngọn gió làm lao xao không khí núi đồi mát lạnh, cũng không một tiếng chim hót làm rạn bầu khí tĩnh lặng lúc tinh sương. Khi ánh sáng le lói từ mặt trời chiếu xuống càng lúc càng rõ nét, mọi nơi trên bầu trời lóng lánh như xà cừ ngũ sắc bắt đầu lan toả một màu vàng dịu dàng và ấm áp. Và những vách đá lặng buồn trên cao, đen đui nhô mình ra giữa chốn mù sương, tựa những hình dáng mờ mờ ảo ảo được vẽ phóng bút trên nền lụa xám nhạt trong một bức tranh tàu thủy mực.

Cùng Lan chậm chậm bước dưới bầu trời cao nguyên Đà Lạt và trên bờ hồ Đa Thiện, Joseph mê mải ngược mắt nhìn lên các đỉnh núi. Bên anh, Lan hát nho nhỏ. Tiếng nàng hát nghe chan chứa ước vọng và không kém phần u uẩn, chất chứa trong lời ca của bài "Les Feuilles Sont Mortes" - Những Chiếc Lá Chết. Khoảnh khắc này đẹp tuyệt vời và âm hưởng của nó làm Joseph tự hỏi lòng phải chăng mình đang trong một giấc mộng.

Đi dưới những hàng thông ướt đầm sương mai, hai người dường như đang ở một cõi riêng giữa trần thế. Trên hồ chưa xuất hiện bóng dáng chiếc thuyền buồm nhỏ nhắn và kỳ dị với những cánh buồm sắc màu rực rỡ, thường khua sóng lan khắp mặt nước khi mang khách du sang chân đồi bên kia.

Vào giờ này cũng thế, rừng thông chưa thấp thoáng bóng người đi lại. Đây đó dưới hàng thông cao, trong bóng tối, bất chợt long lanh một đoá lan vàng hoặc trắng chiếu thẳng vào mắt Joseph làm môi anh bật lên lời sùng sờ thảng thốt. Nhưng Joseph thường phải nén lại vì e rằng âm thanh ngợi khen ấy sẽ làm rạn vỡ quãng thời gian tinh sương ngắn ngủi Lan đã mời anh cùng nàng chia sẻ.

Lắng nghe tiếng Lan hát, dòng tưởng tượng của Joseph đưa anh trôi dạt về thuở thanh xuân khi nàng cùng chung bước dạo chơi nơi đây với các bạn cùng trường Couvent des Oiseaux, những thiếu nữ mắt mở lớn và lòng xao xuyến trước cuộc đời chỉ mới bắt đầu hé cửa. Anh nhớ mãi lời mô tả nhói buốt của Lan về những ngày đầy hạnh phúc lúc cấp sách tới trường ở Đà Lạt, được nàng kể cho anh nghe chín năm về trước, khi cả hai đang trên đường ra phương bắc tìm con.

Sau khi đáp máy bay rời lòng chảo Điện Biên Phủ rồi biết được Lan đã lên Đà Lạt và ngụ tại một biệt thự, trong vòng một tháng, để sống gần con trai đang theo học Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt, Joseph lập tức vội vã rời Sài Gòn, tìm đường đi ngay lên cao nguyên.

Tới Đà Lạt, Joseph lấy phòng tại Khách sạn Palace Lang-Biang, nơi anh từng trọ lần đầu với mẹ vào năm 1925. Và rồi những ý nghĩ phiền muộn làm lòng anh xao xuyến lúc mới đặt chân trở lại chốn này tan biến thật nhanh khi anh, không một lời báo trước, tìm tới ngôi biệt thự Lan thuê làm chỗ tạm trú, và được nàng mừng rỡ đón tiếp.

Lan cứ nhất định rằng ngày mai hai người phải cùng nhau ngắm ánh bình minh chan hòa mặt nước hồ trên núi như nàng vẫn thường ngắm thuở còn đi học. Từ biệt thự về lại khách sạn, đêm ấy còn cao, Joseph không chợp mắt chút nào, và khi bên ngoài còn đầy bóng tối, anh chỗi dậy. Lúc trời chưa sáng hẳn, cả hai đã gặp nhau bên bờ hồ êm đêm này rồi tay trong tay, cùng im lặng đi bên nhau.

Bỗng dưng Lan ngừng hát và cất tiếng nói. Cũng với giọng đầy u ải và chan chứa ước vọng như khi nàng hát:

- Joseph ạ, đêm qua em về lại dưới mái trường nội trú ngày xưa trong một tu viện. Em tìm cách vào nhà nguyện để nghe các dì phước hát Ca Nguyện Cuối Ngày. Rón rén chân, em đi thật êm. Rồi em vào quì gối trên sàn nhà nguyện, chung với các nữ sinh khác, như vẫn thường làm hồi còn đi học. Anh biết không, chẳng người nào phát giác ra em!

Không biết nói như thế nào nên Joseph chỉ mỉm cười bóp chặt tay Lan. Về hồn nhiên trên mặt Lan trong ánh ban mai vừa rạng khiến nàng trông như thể một thiếu nữ mới lớn. Và Joseph cảm thấy cổ họng mình se lại với ý nghĩ sao nàng và Tuyết giống nhau quá đỗi. Bằng những cách thức tuy khác nhau nhưng cả Lan lẫn Tuyết đều như né tránh anh. Có vẻ như cả mẹ lẫn con, lúc nào cũng chờn vờn anh khiến tay anh không làm sao với tới trong cuộc đời thật sự của mình. Và khi nhận ra điều đó, lòng Joseph ngất ngây một nỗi buồn thâm thía; càng nghĩ anh càng thấy cảnh sắc ban mai đột nhiên biến đổi.

Nhìn vẻ mặt phờ phạc buồn của Lan, Joseph băng khuông tự hỏi phải chăng nỗi hoài cảm quá khứ đã làm mất nàng nhợt nhoà trước thực tại. Phải chăng Lan không nhận ra thực tế ngày nay, Đà Lạt, thành phố của mùa xuân vô tận, đã hoá thành một vùng đồi nghi mát phù hoa và đang mất dần vẻ xinh tươi của nó.

Được xây dựng vào những ngày cực thịnh trong thời kỳ thực dân Pháp đô hộ, Palace Lang-Biang một thời huy hoàng tráng lệ lúc này chỉ còn là chiếc bóng mờ và tiêu tụy của một cơ ngơi đại khách sạn thuở nào. Không còn phong thái sang trọng và xa hoa, thay vào đó là những tấm thảm sờn mòn, tường tróc sơn, vôi không rỉ nước và những người giúp việc Việt Nam phục vụ khách trong những căn phòng rộng thênh thang với điều thuốc lá phì phèo ngược ngạo trên miệng.

Vẫn còn đó những cây đào mảnh mai đứng thành hàng hai bên con dốc dẫn lên nhà hát trên đồi bên hông chợ. Hàng hoa tươi trước chợ vẫn dư dật màu sắc với những bông hoa muột như nhung và đong chút sương mai. Quán nước bên kia hồ Xuân Hương, nơi các cặp tình nhân đến thuê thuyền để được cùng nhau rung động theo sóng nước, vẫn ẩn hiện đằng sau hàng liễu đỏ mimosa lướt thướt. Mấy tu viện Công giáo vẫn tĩnh lặng trên các đỉnh đồi. Tháp chuông nhà thờ con gà vẫn vơi vơi nên thơ trong mù sương buổi sớm. Chuông chùa Linh Sơn vẫn trầm lắng gióng tiếng thu không. Cựu hoàng Bảo Đại vẫn thường ngự tại một trong hai biệt

điện dựa lưng núi đồi, nhìn xuống thung lũng đẹp tuyệt vời. Nhưng thành phố được xây dựng quá đồ sộ chung quanh con trăng lưỡi liềm hồ Xuân Hương lúc này mang vẻ mệt mỏi và nhếch nhác. Giống hết những tay thực dân đã lập ra nó và hồi hả tận hưởng niềm vui an dưỡng sinh lực của nó, Đà Lạt đang chóng vánh đi tới giai đoạn chót cuộc sống hữu dụng của mình. Ngay trên bờ chiếc hồ vắng lặng này cũng chịu vô số dấu chân giẫm đạp chằng chịt lên nhau và giờ đây chỉ còn không khí lạnh lẽo và toàn cảnh các ngọn đồi xa xa là giống y nguyên trong trí nhớ của Joseph.

Anh cất tiếng nói với Lan, giọng dịu dàng:

- Lan ạ, anh không muốn làm mất vẻ quyến rũ của Đà Lạt đối với em nhưng anh không thể giữ im lặng khi cảm thấy thời gian Pháp ở lại Việt Nam không còn bao lâu nữa. Có lẽ cũng sắp chấm dứt trọn vẹn cái cung cách mà từ thuở trước tới nay gia tộc em đã chọn để sống theo đó...

Joseph nắm cánh tay Lan, có ý giữ nàng đứng lại nhưng nàng cười với anh thật lạ rồi tiếp tục bước đi dưới những hàng cây và nhìn xuống mặt hồ sương mù đang tan dần. Khi bắt kịp nàng, anh nói quả quyết hơn:

- Anh đã biết ngay từ lúc ngồi bên giường em trong nhà thương Đồn Đất. Lần đó, sau khi lại thấy tình yêu của chúng ta lấp lánh trên khuôn mặt ngái ngủ của em dù em cố đè nén, anh biết mình sẽ không bao giờ sống yên ổn cho tới khi chúng ta kết hiệp hai cuộc đời vào nhau. Từ ngày về Mỹ, anh đã cố quên - nhưng sâu trong lòng mình, anh lúc nào cũng biết rằng mình chẳng bao giờ có thể quên.

Lan tiếp tục bước. Mắt nhìn xuống đất với vẻ cam chịu và miệng nàng hơi mỉm cười:

- Joseph ạ, có nhiều cái để sống hơn tình yêu trên một khuôn mặt ngái ngủ. Có phải mọi người Mỹ đều lãng mạn tới độ hết phương cứu chữa như vậy?

Joseph nói trang trọng:

- Nếu việc bị tình yêu và con người của em cuốn hút là lãng mạn thì anh đã bị định phận làm người lãng mạn. Với anh, từ gần hai chục năm nay, chỉ có hai cái đó mới làm cho đời mình thật sự đáng sống. Sau khi chiến tranh kết thúc, anh trở về nhà; cứ mỗi lần nhắm mắt, anh thấy lại những gì trước đây đã xảy ra giữa anh và em. Lúc đó, anh biết anh vẫn yêu em và vẫn muốn em là vợ anh. Sau này anh lại thấy suốt chín năm xa cách nhau vừa qua, không một ngày nào anh không yêu em. Rốt cuộc, anh nghĩ, đó chính là nguyên cớ khiến anh trở thành một phóng viên hải ngoại - để có cơ hội, có lí do trở lại Sài Gòn tìm em lần nữa.

Trong khi Joseph nói, cả hai vẫn không dừng bước. Anh nắm tay phải vào lòng bàn tay trái và âm thanh bất chợt ăy dội nhẹ trên mặt nước hồ loang loáng như gương:

- Lan này, tại sao chúng ta lại điên khùng như thế này? Lý ra thuở đó chúng ta phải thận trọng khi lập quyết định!

Cười buồn bã, Lan nói với anh:

- Joseph ạ, trước đây chúng ta đã hoàn toàn đồng ý không bàn tới chuyện này nữa. Có xem xét nữa cũng chỉ thấy mình loanh quanh. Chiều hôm qua, anh bảo rằng anh lên Đà Lạt gặp em để nói chuyện liên can tới Tuyết.

- Đúng, anh có nói như vậy - nhưng để giải quyết êm thấm chuyện đó, anh nghĩ trước hết phải dàn xếp ổn thỏa chuyện của anh với em.

Lần này Joseph nắm chặt vai Lan, xoay mặt nàng nhìn thẳng vào mặt anh. Trời ẩm và lạnh nên Lan mặc áo chùng đen, đúng chiếc áo nàng từng mặc năm 1945 trong lần cả hai đi phương bắc tìm con gái. Lúp trum đầu lật ngược ra sau và khi đi dạo trong sương sớm, Lan để tóc buông xỏa xuống vai.

Joseph nhận thấy vào lúc tuổi gần bốn mươi, nhan sắc Lan trở nên huyền huyền ảo ảo - như mang một chiều sâu cô đơn của tâm hồn bên trong vẻ nhục cảm đậm đà, làm xao xuyến và say đắm thêm lên. Đôi mắt đen nhưng hình như buồn hơn, sâu lắng hơn và đôi môi Lan hình như đầy đặn hơn, gợi cảm hơn. Như thể độ chín chắn của tâm linh và độ mãn khai của cơ thể vén lộ cho nàng một bí mật định tĩnh nào đó của người nữ mà trước đây chính nàng và anh, người yêu nàng, đều chưa từng biết.

Suốt mấy năm nay, đây là lần đầu tiên Joseph được nhìn nàng thật gần gũi và thật mật thiết, giữa thiên nhiên hoa cỏ và kẻ cận bên mình. Càng nhìn anh càng tự hỏi lòng chẳng biết sức cuốn hút của mình đối với nàng có còn được như xưa. Trong ánh nhàn nhạt lúc trời vừa rạng sáng, Lan có vẻ đáng yêu hơn lúc nào hết. Và anh thấy mình khó có thể tin rằng lý do nàng có mặt suốt một tháng dài tại Đà Lạt là chỉ để thăm đứa con trai lúc này cao lớn như một thanh niên và được đặc cách nhận làm sinh viên sĩ quan trong học viện quân sự Pháp tại đây.

Thấy trí óc Joseph bắt đầu nghĩ ngợi đầu đầu, Lan thúc giục anh về lại vấn đề:

- Em đang nóng lòng về Tuyết. Có phải anh vừa gặp nó?

- Phải, cách đây hai ngày - nhưng nó cư xử rất lạ. Nó hỏi không biết anh có thật sự là cha của nó không và tại sao lúc trước chúng ta không thành hôn với nhau. Nó còn hỏi anh, hỏi thẳng thừng, là anh có còn yêu em không?

Đôi lông mày mượt mà của Lan nhíu lại với vẻ thắc mắc:

- Thông thường, Tuyết có thái độ rất xa cách và thu mình.

- Đúng, đúng như vậy. Nhưng lần này thật lạ kỳ - có vẻ như thể nó đọc được ý nghĩ của anh. Em biết không, anh quyết định rồi. Lúc này mọi sự đang ở trong một diễn tiến thay đổi.

Joseph siết tay Lan chặt thêm. Mặt anh thoáng buồn với vẻ mơ màng và hồi tưởng:

- Lan ạ, em còn nhớ một buổi chiều cách đây mười tám năm, trong lăng hoàng đế Minh Mạng. Lúc ấy anh đọc mấy câu dịch thơ Kiều chợt hiện lên trong ký ức anh khi anh so sánh vẻ đẹp của em và cái tên Kiều Lan. Em còn nhớ không?

Lan nhắm mắt lại, giọng run lấy lấy:

- Nhớ. Nhớ lắm Joseph. Kỷ niệm ấy theo em đi suốt một đời. Hôm đó, khi nghe anh đọc Kiều, em rúng động tâm hồn em. Những câu thơ ấy mang anh tới thật gần em. Mẹ em thuộc lòng mấy ngàn câu thơ Kiều, không sót một chữ. Em chào đời và lớn lên trong tiếng ru Kiều của mẹ.

Joseph lùi lại một bước, xoắn hai bàn tay vào nhau:

- Chẳng biết có phải việc đọc mấy câu Kiều hôm đó là điềm không may, nó vạ vào cuộc tình của chúng mình hay không? Nhiều khi anh ngẫm nghĩ hình như số mệnh của Vương Thúy Kiều ản vào cái tên Kiều Lan của em. Ngày xưa Thúy Kiều vì chữ hiếu bán mình chuộc cha khỏi nơi tù ngục, ngày nay Kiều Lan cũng vì chữ hiếu phải kết hôn với người mình không yêu. Nhưng thật mỉa mai và cay đắng, chỉ vì cha muốn thăng tiến công danh và tích lũy thêm của cải!

Hai mắt nhắm lại đau đớn. Dường như góc mắt ươn ướt theo nước mắt đang ứa ra. Lan đưa tay dụi mắt rồi nhìn xuống mặt hồ mù sương:

- Joseph ạ, anh đừng nghĩ như thế, cũng đừng bao giờ nói lời như thế nữa, nhất là về cha em. Đối với phụ nữ chúng em, Thúy Kiều là tấm gương hiếu thảo với cha mẹ, chung tình với người yêu, nhưng Thúy Kiều chưa bao giờ là kiêu mẫu trong cuộc sống. Mỗi khi gặp buồn tủi, những câu thơ Kiều về thân phận đàn bà làm chúng em cảm thấy được san sẻ và ngời ngoai phần nào. Nhưng chẳng ai lại muốn đời mình giống như đời Thúy Kiều để mất hết mọi hy vọng và bị gian nan luân lạc suốt mười mấy năm...

Thở ra hơi dài và nhẹ, Lan đưa hai tay hất mái tóc, cố mỉm cười nói lãng:

- Joseph anh biết không. Chữ Kiều trong tên em chỉ có nghĩa mong cho con gái có vẻ đẹp sắc sảo mặn mà. Nó không hoàn toàn liên quan tới cái tên Vương Thúy Kiều. Người Việt mê thơ Kiều hơn câu chuyện Thúy Kiều. Và hầu như không ai đặt tên con cháu hoặc lấy biệt hiệu theo các nhân vật trong truyện ấy.

Không mỉm cười phụ họa, Joseph đặt tay lên vai Lan, xoay mặt nàng nhìn thẳng vào mắt anh. Làn này giọng anh lộ rõ vẻ quả quyết:

- Anh thật sự không có ý nói tới cha em và em như thế. Nhưng Lan này, chúng ta đã để mất nhiều cơ hội quý báu. Lý ra hôm xưa nơi cổng vườn nhà em tại Huế, anh phải làm sao cho em đồng ý kết hôn với anh. Và khi chúng ta lại tìm thấy nhau lúc cuộc thế chiến vừa chấm dứt. Đêm ấy bên bờ sông Gianh, chúng ta đã ôm chầm lấy nhau như hai kẻ rò dại...

Lan định ngắt lời nhưng anh đưa tay lên không để cho nàng nói:

- Anh biết, em đang định nói rằng, "Nhưng Joseph này, không chỉ riêng chúng mình, cuộc đời của hết thảy mọi người đều bị chính cuộc thế chiến và nạn đói gây ra những chấn động hãi hùng như thế". Vâng, đúng vậy. Lúc đó chúng ta như thể hai kẻ sắp chết đuối - chúng ta phải tìm cách bơi vào bờ để chắc chắn mình sống sót. Thêm nữa, lúc đó, anh và em, mỗi người đều có một gia đình non trẻ đang cần tới mình.

Joseph ngừng nói, nhìn vào mắt Lan và cười dịu dàng:

- Tất cả những cái đó đều đúng. Cả hai chúng ta đều biết rõ những gì đang cản trở và chúng ta cố tình chọn cho mình một tư thế là không ngược mắt lên đối mặt với tình yêu. Nhưng phải chăng chính cái đó đã lôi kéo anh trở lại á đông? Tại sao hiện nay, khi chúng ta gặp lại sau chín năm, nó như thể giữa anh và em chưa xảy ra chuyện gì khác - như thể tình yêu vẫn ở đó và thời gian đứng yên một chỗ.

Ánh mắt Lan chột hạ xuống như có vẻ hổ thẹn vì việc Joseph nhắc tới nỗi đam mê vẫn sống mãnh liệt trong thời gian cả hai xa cách nhau và giờ đây lại bốc lên dữ dội trong lòng nhau:

- Joseph ạ, đó chẳng qua chỉ vì lỗi suy nghĩ của anh và em. Nó không có nghĩa chúng ta chỉ việc quay lưng lại với các nghĩa vụ của mình.

- Nhưng Lan ạ, lúc này mọi sự đổi khác. Cả hai chúng ta đã hy sinh rất nhiều. Anh và em đã thực hiện xong nghĩa vụ! Cả anh lẫn em đều không thể tiếp tục gặp gỡ nhau vụng trộm sau lưng Paul. Và anh không thể tiếp tục lừa dối Tempe, giả bộ như thể chẳng xảy ra chuyện gì. Chúng ta từng có hai cơ hội và chúng ta đã bỏ phí cả hai - lúc này anh muốn sửa chữa mọi lỗi lầm trong quá khứ trước khi quá trễ. Và cũng sắp quá trễ. Lan ơi! Thế giới đang thay đổi, Việt Nam đang thay đổi - nhanh hơn mình có thể nhận ra. Nếu cộng sản chiến thắng, không ai biết trước chuyện gì sẽ xảy ra cho Sài Gòn. Chỉ biết chắc một điều là mọi sự sẽ bị đảo lộn tận gốc rễ và Sài Gòn không còn chỗ cho con người sống chân thật và chí tình. Anh muốn đem em và Tuyết đi khỏi nơi này. Anh muốn mang mẹ con em tới một nơi nào đó để mình có thể sống mãi bên nhau. Có thể Singapore, có thể Tokyo, anh không biết chắc - bất cứ nơi nào anh có thể ra sức làm cho Tuyết hiểu rõ cha và mẹ nó yêu thương nó biết chừng nào. Ở đây, anh không thể gần gũi nó. Lúc nào nó cũng rất nghi kỵ, rất bướng bỉnh - rất tui và rất hận.

Mặt Joseph bỗng mờ đi, như thể vì quá đau đớn:

- Đôi khi anh thấy rõ ràng rằng nó chắc chắn rất oán hận anh vì những gì anh đã làm. Và cái đó làm anh không chịu đựng nổi.

Cố tìm thật sâu trong mắt Lan một dấu hiệu nào đó cho thấy nàng đang dao động nhưng Joseph chỉ thấy cũng một vẻ hoài nghi và bất định giống như từ trước tới nay, không một chút thay đổi. Cũng vẫn kiên trì cái quyết tâm cứng cỏi nàng từng quyết định một cách tinh táo và quyết liệt mười tám năm trước, bất chấp nó đưa tới hậu quả tệ hại như thế nào.

Quay mặt sang chỗ khác, Lan thì thầm:

- Joseph ạ, lúc này không là thời gian thích hợp; Paul đang ở Điện Biên Phủ.

Trong một chốc, Joseph tần ngần nhìn Lan rồi anh ghé sát vào nàng hơn:

- Lan, xin em nghe kỹ đây. Tại Điện Biên Phủ, Paul và anh có nói chuyện về em. Anh ấy kể với anh rằng đã từ lâu mọi sự không ổn thỏa. Em luôn luôn giữ lòng cực kỳ chung thủy qua việc không nói với anh về khía cạnh đó trong cuộc sống của em. Nhưng lúc này, khi biết được mọi sự thật ra chẳng nồng ấm chút nào, anh cảm thấy những lần gặp gỡ của chúng mình khó có thể gọi là dối trá và phản bội.

Mắt Lan mở lớn, cảnh giác:

- Anh đã nói hết sự thật với Paul? Anh đã kể cho anh ấy nghe việc chúng ta gặp nhau?

Joseph lắc đầu nhìn chỗ khác:

- Không. Anh đã có ý định kể - nhưng anh không biết làm sao mở miệng.

- Vậy tại sao Paul đề cập tới tình trạng sống chung giữa anh ấy và em?

- Lúc đó, Paul và anh thảo luận tới những kỳ vọng của anh ấy về Việt Nam - rồi tự nhiên nó dẫn tới chuyện đó.

Mắt Lan lo âu dò xét vẻ mặt Joseph:

- Anh ấy có nghi ngờ chút nào chuyện giữa anh và em không?

Joseph lắc đầu, trong cử chỉ đó của anh có ít nhiều đau đớn:

- Không - anh gần như rất thèm được Paul nghi ngờ. Có như thế mới dễ cho anh nói ra, Lan ạ. Anh không chịu đựng nổi việc lừa dối anh ấy. Paul nghĩ về anh như một người bạn trung thành nhất. Và trong khi cả ba chúng ta đều đau khổ, Paul là nạn nhân không cứu vãn nổi vì em không yêu Paul, còn anh phản bội tình bạn của Paul. Chẳng bao lâu nữa anh lại phải bay tới Điện Biên Phủ để viết thêm một bài và anh thật khó biết lúc đó, mình làm sao đối mặt nổi với Paul. Tuy thế, mọi sự đang thay đổi. Anh phải kể hết cho Paul nghe sau khi bàn tính ổn thỏa chuyện này với em.

Lan đưa tay lên môi, kinh hãi nhìn chăm chặp Joseph:

- Nhưng Joseph, tại sao anh lại phải làm như vậy?

- Anh không thể tiếp tục sống dối trá như thế này nữa. Anh muốn em và Tuyết ở mãi với anh - tại một nơi an toàn nào đó.

Giọng Joseph xúc động run rẩy và anh cảm thấy mắt mình rơm rớm:

- Lan, bộ em không hiểu ư? Anh muốn việc đó hơn bất cứ việc nào khác trên thế giới này.

- Nhưng còn vợ con của anh thì sao?

- Anh quyết định cũng sẽ kể hết mọi sự cho Tempe nghe. Cô ấy phải biết sự thật. Lúc này các con của anh cũng đã lớn và anh sắp sửa yêu cầu cô ấy li dị anh. Anh muốn làm như thế để tỏ ra cho em và Tuyết thấy rằng đối với anh hai mẹ con em có ý nghĩa biết bao.

Trong một hồi lâu Lan nhìn mông lung mặt hồ lấp lánh, không nói một lời. Sau cùng, Joseph vừa hỏi vừa nâng bàn tay của Lan để nàng phải ngược lên nhìn thẳng vào mặt anh:

- Lan này, em trả lời như thế nào? Em có rời xa Paul và kết hôn với anh không?

- Anh Joseph, Paul là chồng của em.

Lan nói giọng thì thầm gần như không nghe được. Joseph phải cúi đầu xuống thật sát để nghe cho rõ lời nàng.

- Em không biết tương lai dành sẵn điều gì cho cho đất nước của em, gia đình em và bản thân em. Em cảm thấy sợ. Nhưng em lại càng sợ hơn khi không thể biết cuộc đời của em và Tuyết rồi sẽ ra sao nếu mẹ con em phải sống nơi xứ người xa lạ vì một quyết định sai lầm hôm nay. Thêm nữa, nếu từ bỏ Paul, em chẳng dám chắc mình sẽ không bị rơi vào hoàn cảnh sống với những đằn vặt mới trong lương tâm...

Lan ngừng lại một chút, mím môi, rồi nhìn thẳng vào mắt Joseph:

- Joseph ạ, em là người Việt. Tuy học trường Tây nhưng em sống và suy nghĩ theo lối Việt Nam. Em chưa bao giờ có can đảm đoạn tuyệt với quan niệm cho tới nay của người Việt, xem hôn nhân với duyên đôi lứa nghĩa vợ chồng là trọng và nặng hơn tình yêu nam nữ. Phụ nữ người Việt chúng em ít có kẻ lấy bản thân và tình yêu làm nền tảng cho mọi dự tính trong cuộc sống. Hạnh phúc của chúng em tùy thuộc vào gia đình, và cảm thấy an ủi khi thân nhân và chồng con được yên ổn. Riết ra rồi cũng thành quen. Mơ mộng và lãng mạn thời còn con gái thì ai cũng có nhưng chúng em không suy nghĩ theo lối lấy cá nhân làm tâm điểm như người phương tây.

Joseph bối rối đau đầu nhìn Lan. Rồi anh ngó quanh, lúng túng tìm thêm lời lẽ thuyết phục:

- Nhưng Lan ạ, em đối xử không công bằng với bản thân em. Em không nhớ có nhiều lần bên hồ này, em đã từng mơ tưởng đời em rồi sẽ tràn đầy hoa với mộng? Vậy không có lý do gì để làm chết đi niềm hy vọng ấy! Lan ạ, em hãy kết hôn với anh và anh sẽ làm cho em hạnh phúc hơn bao giờ.

Lan thêm lần nữa đưa mắt ái ngại nhìn Joseph:

- Joseph ạ, em đã nói hết với anh. Và hiện nay em lại càng không thể quyết định, nhất là đang trong tình cảnh như thế này.

Joseph thở dài, hai tay buông thõng xuống hai bên thân mình:

- Anh không nghĩ như vậy.

- Joseph ạ, em đâu có thể yêu cầu anh phải suy nghĩ giống như em. Em chỉ xin anh hứa với em một điều.

- Điều gì vậy?

- Khi trở lại Điện Biên Phủ, xin anh đừng chút nào đề cập chuyện này với Paul. Em xin anh đừng nói gì cả cho tới khi em gặp lại anh ấy.

Trong một thoáng, Joseph nhìn thật kỹ bộ mặt đầy lo lắng của Lan rồi anh mỉm cười:

- Được, Lan ạ. Anh hứa. Anh sẽ đợi cho tới khi nào xong Điện Biên Phủ.

Cả hai tiếp tục dạo bước cho tới lúc mặt trời lên rất cao trên núi đồi Đà Lạt. Họ im lặng đi bên nhau theo con đường mòn băng ngang các bãi cỏ và những mảnh vườn xanh tốt nơi người ta trồng loại dâu màu đỏ thắm, bắp cải tươi ngon và hoa lá a-ti-sô mà chợ xuống Sài Gòn bán rất được giá. Họ chia tay về nơi ở của mỗi người để ăn trưa và hẹn tới chiều sẽ gặp lại nhau.

Chiếc xe chở Lan và Joseph men theo con đường đèo ngoằn ngoèo trong gió thổi mơn man và lành lạnh, ngan ngát hương và chập chờn phần vàng của ngàn vạn cây thông mọc đầy triền dốc các lũng sâu hai bên đường rồi đi ngang thác Prenn rì rào, như con thuyền đưa cả hai từ cõi mùa xuân trên cao xuống một tầng trần thế.

Tiếp đó, xe xuôi chiều thung lũng ven sông để xuống Di Linh, một cao nguyên gần đó, ngang qua những ghềnh đá bên đồi sỏi bọt trắng xoá và những đồn điền trà hoặc thơm tinh tươm, nằm bạt ngàn nối tiếp nhau. Tiếng máy xe hơi khiến lũ bướm giật mình, tung cánh bay lên như đám mây vàng lơ lửng trên những khúc quanh vắng lặng có đôi ba đàn chim đa sắc lông màu sắc sỡ đang sà xuống những cành cây rừng la đà hai bên đường.

Khu vực đồi núi này còn hoang vu, chưa bị bộ đội Việt Minh lẫn binh lính Pháp để mắt tới. Thoạt đầu, trí nhớ của Joseph bị đánh thức bởi những đám mây bướm. Rồi tiếp đó, khi thấy đàn ông và đàn bà sắc tộc Ra-đê mệt nhọc lê bước dọc hai bên vệ đường, đưa thân trần và chỉ quần khổ ngang bẹn, người anh như lịm vào cơn mê hoài niệm chuyến đi săn định mệnh trong những khu rừng Định Quán Đồng Nai miệt dưới vùng này ba mươi năm về trước.

Vì không thể nói tới những gì đang trĩu nặng tâm tư nên hình như cả Joseph lẫn Lan đều mặc nhiên thoả thuận với nhau là sẽ không người nào mở miệng. Và niềm hạnh phúc Joseph thường cảm thấy mỗi khi nhìn khuôn mặt Lan lúc này có phần vui bớt vì một nỗi e sợ đang gặm nhấm lòng anh rằng đây có thể là kỷ niệm sau chót được cả hai cùng chia sẻ trong cuộc đời của mình.

Đêm ấy, có lẽ cảm nhận được những gì Joseph đang nghĩ ngợi, Lan đồng ý dùng chung bữa ăn tối với anh tại nhà hàng của Khách sạn Palace Lang-Biang nơi quốc trưởng Bảo Đại từng thường xuyên lui tới giải khuây.

Trái ngược với các khu vực nhếch nhác khác trong khách sạn, việc ẩm thực tại nhà hàng này vẫn còn tương xứng với một vị cựu hoàng. Dưới trần nhà cao sang lộng lẫy, Lan và Joseph cùng ngồi lại bên bàn ăn, cạnh ánh nến lung linh, cho tới khi mọi thực khách khác đã ra về. Cả hai đắm thắm nhìn nhau, vừa ngọt ngào vừa xót xa và trong tâm tư ưu phiền của mỗi người, kẻ nào cũng biết rõ rằng đây có thể là lần cuối được ở bên nhau. Dùng bữa xong, hai người ra ngồi trên sân thềm cao dưới ánh sao lạnh lẽo. Joseph nhấp ly rượu gạo Việt Nam còn Lan uống nốt cốc vang đỏ trước khi dùng cà phê.

Joseph xoay xoay ly rượu trắng trong tay và nói:

- Anh từng ngồi nơi này với mẹ khi nghe tin anh Chuck tử nạn. Giờ đây, có vẻ giây phút ấy chưa bao giờ có thật. Nó mơ hồ như trong một giấc mơ đã xa thật xa - nói theo kiểu đồng phương, nó như thể xảy ra trong một tiền kiếp nào đó.

Lan chạm nhẹ vào bàn tay còn lại của Joseph:

- Em cũng thế. Nhiều lúc em tự hỏi không biết một biến cố riêng tư nào đó có thật sự xảy ra trong quá khứ. Và em chỉ có câu trả lời khi trong trí tưởng, em ngồi lại được mùi hương cũ. Có phải anh rất thương anh Chuck?

Về mặt Joseph rười rượi buồn:

- Đúng, anh nghĩ thuở đó có lẽ trong gia đình anh là người thương Chuck nhất. Anh vừa thương vừa phục, đôi khi có chút ganh tị. Lúc đó, anh mới mười lăm tuổi và cũng khoảng thời gian đó, thế giới dường như sụp đổ chung quanh anh.

Lan nhìn Joseph với vẻ mặt đầy quan tâm. Nàng hỏi dịu dàng:

- Tại sao lại như thế? Đã xảy ra chuyện gì vậy?

- Cũng chẳng đáng cho mình nhắc lại - anh nghĩ rằng lúc đó anh xúc động quá đáng, như một cậu bé. Sau này nhìn lại, anh thấy nó khá ngớ ngẩn!

Joseph lại rơi vào im lặng, mắt đăm đăm nhìn những ngôi sao đêm đang tụ vào nhau như những đám mây lân tinh giữa khung trời màu tím trên đầu anh với Lan.

- Joseph ạ, em muốn nghe anh nói tiếp. Trước đây em chưa bao giờ được nghe anh nói nhiều về anh.

Mặt Joseph hẳn rõ nét bối rối. Anh nhìn thật lâu vào bóng tối lúc này phủ kín mặt hồ Xuân Hương:

- Lan ạ, em biết không, anh Chuck lúc nào cũng sáng chói hơn anh. Anh ấy là một lực sĩ xuất sắc, một người học rất giỏi - và rất chân chất. Anh sống dưới chiếc bóng của anh ấy. Cha anh không giấu giếm việc ông ấy thiên vị Chuck. Điều đó thường làm anh tủi lòng và có lẽ vì thế anh hướng về mẹ nhiều hơn.

- Và mẹ anh rất thương anh?

- Đúng thế, và rất thông hiểu chở che anh - nhưng trong khi gia đình anh ở xứ này, xảy tới một chuyện làm anh cực kỳ choáng váng. Và sau đó phải mất một thời gian rất lâu anh mới vượt qua nỗi.

Joseph quay mặt lại, cười buồn bã với Lan. Anh thấy nàng đang đăm đăm nhìn mình với vẻ chăm chú lạ thường.

- Nó xảy ra vào đêm thứ nhì nơi trại săn trong rừng. Đêm ấy trời mưa và bão, anh không ngủ được. Anh chỗi dậy đứng ngắm trời chớp - và lúc đó anh thấy bà ấy.

- Mẹ anh?

Giọng Joseph lắng xuống thành tiếng thì thầm. Anh quay nhìn khoảng không phía trước, mắt mơ hồ, vẻ mặt trống rỗng:

- Đúng, mẹ anh. Bà chạy băng qua trại, dưới trời mưa bão. Anh nghĩ rằng biết đâu bà có chuyện gì đó cần tới sự giúp đỡ của mình nên anh vội vàng chạy theo...

Joseph dừng lại, nhấp chút rượu trắng. Lan thấy bàn tay anh nổi gai ốc và run nhè nhẹ.

- Bà chạy tới chiếc lều dành cho cha của Paul. Anh chừng lại bên ngoài. Rồi anh không thể không nghe những âm thanh của hai người vang ra. Lúc ấy, anh không hiểu rõ lắm về những bản năng và mê đắm của con người, nhưng chuyện xảy ra đó dường như là một sự phản bội

vô cùng khủng khiếp - không chỉ đối với người chồng mà còn đối với cả ba cha con anh. Nhất là, nó bóp nát trong tim anh hình ảnh người mẹ dịu hiền và tín nhiệm như một nơi anh nương náu.

Lan hẫ hững nhìn Joseph:

- Thật kinh hoàng quá đối cho anh!

Joseph giật mình tỏ vẻ có lỗi, như thể trong trạng thái mụ mẫm của mình anh hầu như quên lửng có Lan đang lắng nghe:

- Anh xin lỗi Lan, trước đây anh chưa bao giờ nói tới chuyện này.

Xúc động trước vẻ trợ vợ của Joseph, Lan đưa tay nắm các ngón tay anh:

- Joseph ạ, có gì đâu. Anh đang giúp em được chia sẻ với anh.

- Kể từ đêm xảy ra chuyện ấy, anh không còn tin tưởng vào con người vì thấy nó đam mê và quá bất định. Anh cũng không thể xóa bỏ thành kiến hoài nghi lòng dạ phụ nữ vì thấy nó yếu đuối và đầy cảm tính. Bên cạnh đó, kiến thức và tuổi đời cho anh thấy rằng anh đang sống với một tâm lý què quặt và rằng để có hạnh phúc, anh cần nuôi dưỡng một nhân sinh quan nhân ái và quân bình. Nhưng anh vẫn loay hoay, chưa thật sự tìm thấy niềm tin để mình tự cứu chữa - cho tới khi anh gặp lại em.

Joseph nâng bàn tay mềm mại của Lan bằng cả hai tay mình:

- Cô bé mười tuổi rụt rè đã trở thành một thiếu nữ xinh đẹp tuyệt vời. Lúc đó em dường như cực kỳ thanh khiết, rất chân thật và quá đối đáng yêu. Anh chưa từng quen biết người nào ngay lành và dịu dàng như em. Khi thấy em kính cẩn quì gối khấn cầu trong ngôi đền nơi lăng hoàng đế Minh Mạng, anh cảm thấy trong lòng có điều gì đó gần gũi và diệu vợi mình chưa từng biết tới.

Lan mím nhẹ môi, nhắm mắt, thở hơi vào thật sâu. Trong một hồi lâu cả hai ngồi không nói. Sau cùng, Lan phá vỡ sự im lặng. Nàng thì thầm:

- Chuyện đó, cha anh có biết không?

- Anh nghĩ là không. Anh nghĩ đêm đó ông say quá. Mẹ anh cũng chẳng biết rằng lúc đó anh chợt thức...

Giọng Joseph lại ngập ngừng:

- Đưa em trai của anh, Guy, sinh vào cuối năm 1925. Mẹ anh không nói lời nào nhưng anh chắc chắn nó là em cùng cha khác mẹ với Paul.

Chung quanh Joseph và Lan, trên thềm cao đầy bóng tối, những giọng nói ào ào bằng tiếng Pháp dần dần rời rạc rồi bật hẳn. Thấy chỉ còn hai người, nàng đưa hai tay mình úp bàn tay anh:

- Cái gì xảy ra thì đã xảy ra. Cái làm cho đời mình bị xoay chuyển thường hoàn toàn nằm ngoài tầm tay của mình. Em chẳng biết phải nói thế nào đây Joseph ạ.

- Lúc này, hãy tạm xem tất cả đều như nước đã chảy qua cầu.

Joseph nói như thế với nụ cười yếu ớt trên khóe miệng khi thấy vẻ mặt Lan càng lúc càng căng thẳng. Nghe vậy, nàng thì thầm:

- Joseph ạ, em biết mình lúc nào cũng cố giữ không để cho anh biết rõ cảm xúc của em. Em chưa bao giờ có đủ can đảm để có thể nói với anh rằng sau khi chúng ta tìm được Tuyết em đau đớn biết mấy vì không được sống chung với nó. Em biết ở với anh Tâm thì Tuyết không bao giờ xa hẳn em - nhưng điều đó cũng làm em đau lòng. Và lúc này em đã hiểu, lý ra em đừng nên làm như vậy. Em có cảm tưởng, cho tới nay cả ba chúng ta đều sống như chân không chạm mặt đất. Tuyết không thật sự có được một người cha. Em cũng chưa hoàn toàn là một người vợ, chẳng thật sự là một người yêu, và tệ hơn nữa, không đóng đúng vai một người mẹ của con anh và em. Hoàn cảnh anh cũng chẳng khá hơn em chút nào. Chúng ta càng muốn sống trung thực càng thấy mình cô đơn và cùng quẫn.

Môi Lan run run và Joseph thấy nàng sắp trào nước mắt. Để an ủi, anh áp hai bàn tay nàng chặt hơn trong tay mình. Rồi cả hai rơi vào im lặng. Sau cùng Joseph đứng lên, sửa soạn đưa Lan quay về biệt thự nàng trú ngụ nhưng rồi anh kinh ngạc thấy nàng nắm cánh tay anh và dịu dàng xoay người anh về hướng các cửa sổ kiểu Pháp dẫn lên phòng khách sạn. Joseph nhìn vào mặt Lan, thấy nàng đang chăm chú ngó xuống đầu mũi xăng-đan của mình.

Trong phòng anh, nàng lùa qua một bên chiếc màn cửa màu đỏ tươi và rất dày đang che kín khung cửa sổ rộng để hai người có thể trông lên thấy rõ sao trời. Và qua cửa sổ, khi nhìn xuống đầu các ngọn cây thông, họ thấy mình có thể trông rõ ánh phản chiếu long lanh vẻ ngọc của chúng như tráng một lớp sơn đen mịn màng lên mặt hồ hình lưỡi liềm thoang thoang hương xuân. Cả hai đứng thật sát bên nhau hồi lâu, trong cần trọng và im lặng.

Và sau đó, không một vẻ e lệ, nàng trút bỏ y phục, xoả tóc buông lơi ngang lưng rồi bước vào hai cánh tay anh. Trên đôi chân trần, nàng bỗng nhiên nhỏ nhắn lạ thường. Thân thể từng một lần trong bóng tối có thể lén thật êm vào ngôi trường nữ sinh Couvent des Oiseaux và có mặt trong giờ tụ tập nơi nhà nguyện để nghe các nữ tu ca bài kinh nguyện lần thứ bảy trong ngày mà không ai trông thấy. Thân thể ấy giờ đây hiện nguyên hình trước mắt anh với bộ ngực tròn đầy điểm hai chấm hồng và bờ hông mềm mại.

Trong khi nàng đến với anh, anh nghe chừng những cảm xúc tích tụ mỗi ngày một sâu lắng và đầy tràn trong anh, suốt nửa đời người, như một chiếc đập bao la và mệnh mang nước giờ đây bắt đầu rạn vỡ. Nàng khoả thân, im lặng, và ánh mắt nàng long lanh làm anh rung động tới tận cùng. Và anh, dịu dàng khôn tả, sau cùng khép vòng tay mình lại quanh hình hài nàng đang run rẩy.

Cùng lúc ấy, ở phương bắc cách Đà Lạt hơn một ngàn một trăm cây số, trong hầm trú ẩn làm bằng gỗ súc và bao cát của mình, trung tá Paul Devraux đang nằm chập chờn trên chiếc giường xếp nhà binh. Anh ngủ với nguyên bộ đồ trần rần rỉ lúc nào cũng mặc sẵn trên người và quanh trán vẫn quấn vòng băng cứu thương chứng tỏ vết thương khá nặng, cần chữa trị lâu

ngày. Kế bên giường, trên thành ghế ngang tầm tay, móc sẵn chiếc mũ sắt. Mấy chồng công văn chắt lộn xộn quanh đấy máy truyền tin đã chiến bọc da đặt trên bàn làm việc cùng các biểu đồ treo trên vách và mọi thứ khác trong căn hầm ngầm đều phủ một màng bụi đỏ. Nhưng lúc này đã tạm ngừng những cơn mưa bụi trước đây từ trần nhà thường xuyên tuôn xuống.

Bên ngoài, đêm yên tĩnh một cách bất thường. Những cuộc pháo kích rời rạc của Việt Minh, vốn đã thành thông lệ từ mấy tuần qua, dạo này dần dần im bật. Có mấy sĩ quan trong ban tham mưu của Paul cười mỉm tiên đoán rằng giờ đây quân cộng sản nhận ra rằng chúng chẳng còn chọn lựa nào khác ngoài giải pháp sau cùng. Nghĩa là phải sửa soạn để dốc toàn lực bộ binh liều lĩnh tràn xuống tấn công các cụm cứ điểm trong lòng chảo Điện Biên Phủ.

Tuy vậy, những tiên đoán tràn trề hy vọng đó từ từ trôi theo nhiều ngày rồi nhiều tuần lễ. Paul đã quá quen thuộc với công tác chuẩn bị rồi lại chuẩn bị cho một cuộc tấn công không bao giờ xảy tới. Hôm nay, cũng như mọi hôm, sau khi chấp hành mệnh lệnh của đại tá De Castries, cẩn thận lên phương án điều chỉnh các kế hoạch hành quân đúng phương pháp tác chiến, Paul đặt mình nằm xuống, ngủ lơ mơ trong tiếng đồng hồ kêu tích tắc điểm từng phút rồi từng giờ lê thê trôi qua như bất tận.

Càng ngày Paul càng thấm mệt vì cứ phải cố đoán cho ra trên một diện địa chu vi gần năm chục cây số, đâu là điểm địch sẽ thọc mũi tấn công xuất phát. Sau chín tuần lễ ăn ngủ dưới mặt đất, anh quen dần với trạng thái chờ đợi căng thẳng tới độ lúc này, dường như đó chỉ còn là một kích động nhỏ nhất, không hơn không kém. Hơn hai tháng trời bị tù túng trong lòng chảo đưa tới kết quả trí óc Paul ngày càng trở nên hạn hẹp và buông xuôi. Mỗi tối sau khi có chuyến ghé lại của Joseph, anh mới ngẫm nghĩ đôi chút về những hệ lụy sâu xa của cuộc chiến.

Các công điện gọi đi từ bộ tư lệnh của tướng Henri Navarre tại Sài Gòn thường nhấn mạnh rằng Binh đoàn Viễn chinh Pháp vẫn nắm vững vùng châu thổ sông Hồng, rằng cuộc hành quân tấn công Việt Minh vừa được phóng ra trên cao nguyên trung phần đang tiến triển tốt đẹp và rằng thành công tại Điện Biên Phủ sẽ đẩy mạnh những thành quả kém ngoạn mục tại những khu vực khác, nhưng nếu chiến lược này không được thực hiện chính xác như đã hoạch định, nó sẽ chịu một thất bại lớn lao. Tất cả những lập luận đó dường như là quan điểm của bộ tư lệnh tối cao của Pháp tại Đông Dương, và Paul có bốn phận phải chia xẻ quan điểm ấy.

Sự kiện đối phương vẫn ở sát nách, chòn vòn một cách vô hình tại vùng rừng núi vây quanh lòng chảo và cho tới nay chúng chưa thể phóng ra cuộc tấn công có ý nghĩa nào đang ru Paul cũng như hầu hết sĩ quan cao cấp khác tại Điện Biên Phủ vào một tâm trạng ngủ thiếp. Họ chỉ còn lo ngay ngáy một điều duy nhất là vào khoảnh khắc sau cùng, tướng Võ Nguyên Giáp và lãnh đạo cộng sản có thể quyết định không dốc toàn lực tấn công. Và như thế, Binh đoàn Viễn chinh Pháp sẽ bị cướp mất cái chiến thắng ngoạn mục đã được bộ tư lệnh Pháp lên phương án từ đầu.

Ngủ được mười lăm phút, Paul thức giấc, nghe trong hầm chỉ có tiếng đồng hồ đeo tay của mình kêu tích tịch. Bầu trời và cảnh vật ban đêm hoàn toàn im ắng tới độ khi ngồi lên mép giường xếp, trong lâu thật lâu, anh cố nghe cho ra một âm thanh nào khác. Không một âm thanh. Ngay cả lực lượng không quân nhỏ bé của binh đoàn cũng hình như đang ngừng hoạt động. Uể oải đứng dậy, anh cho nước vào đầy soong sắt, đặt lên bếp cồn.

Đúng lúc Paul thọc chiếc muỗng xúc cà phê bột cho vào ca thiếc như thường làm cả chục lần mỗi ngày, căn hầm thành linh rúng động bởi những tiếng âm âm điệp tai, như có một loạt sấm

sét đang nổ rền bên trên. Trong bầu không khí tĩnh mịch, tiếng nổ ầm ầm ấy làm anh sững người, choáng váng. Một hai giây sau, lại yên tĩnh. Và Paul cảm thấy mình đang có ý chờ nghe tiếng mưa dội ào ạt trên nóc hầm.

Nhưng rồi không khí yên tĩnh đó lập tức bị phá vỡ lần nữa bởi những tiếng nổ ầm ầm khác làm mặt đất chung quanh Paul rung chuyển. Ngay lúc đó, anh nhận ra, không lẫn vào đâu được, đúng là tiếng gầm rú của trọng pháo chứ không phải tiếng sấm sét. Những tiếng nổ kinh hoàng ấy nối tiếp nhau làm thành hàng loạt, hàng loạt và càng lúc càng dồn dập. Qua cửa hầm có chắn bao cát, Paul nghe tiếng đạn pháo nổ uỳnh ạch đình tai nhức óc và mảnh đạn bay rào rào.

Đứng chôn chân tại chỗ, lòng hồi hộp thấp thỏm, Paul nôn nóng chờ nghe tiếng gầm khai hỏa phản pháo của pháo thủ Pháp từ mấy ụ súng gần trung tâm chỉ huy. Có lẽ chỉ chưa quá vài giây, loạt bắn trả đầu tiên đã nổ rền khắp chung quanh thung lũng, nhưng đối với anh, khoảnh khắc ấy dường như dài hơn một thế kỷ. Rồi không cần để ý lắm anh vẫn nhận ra ngay cả sau khi khai hỏa, những tiếng phản pháo của pháo binh tập đoàn cứ điểm có vẻ rời rạc, phối hợp chuech choạc.

Theo phản xạ, Paul lao tới máy truyền tin đã chiến. Anh muốn thu thập tin tức ngay để lập báo cáo trình đại tá De Castries về mức độ ứng chiến của các chỉ huy trưởng những đơn vị khác nhau tại các cụm phòng ngự của tập đoàn cứ điểm - nhưng anh rút tay lại. Từ lâu, các đơn vị trưởng đã chuẩn bị không biết bao nhiêu lần cho thời điểm trọng đại này. Nay trong lúc địch chỉ mới tấn công và ta chỉ mới có những phản ứng lúng túng ban đầu, sự vội vã nhúng tay vào của tham mưu trưởng chẳng khác nào làm nhục họ. Cũng như Paul, các sĩ quan khác lúc này hẳn đang choáng váng bởi cường độ và mức độ pháo kích dồn dập của đối phương, vì trước đây chính đại tá Piroth đã kịch liệt bác bỏ khả năng đó. Ông khẳng định nhiều lần rằng nếu muốn phóng ra một cuộc pháo kích, địch chỉ có thể bố trí trọng pháo ở mặt ngoài vòng đai, mé bên kia sườn núi, và như thế, đường đạn cầu vòng qua núi sẽ đi quá, không thể rơi trên tập đoàn cứ điểm.

Paul lại lắng tai nghe và anh tự hỏi phải chăng lần đầu tiên đại tá Piroth lầm. Nếu các cỗ trọng pháo của đối phương đặt ở mé bên kia sườn núi ngoài lòng chảo, chúng phải cách xa trung tâm chỉ huy ít nhất tám chín cây số, nhưng tai anh nghe có vẻ địch khai hỏa gần hơn. Sau vài giây ngập ngừng, Paul đội mũ sắt lên rồi quay cần truyền tin đã chiến, gọi chỉ huy trưởng pháo binh.

Anh nói hết sức lớn, có át tiếng đạn pháo, để đầu dây đằng kia nghe rõ:

- Charles này, hình như bọn chúng sử dụng pháo hiệu quả hơn chúng ta tiên liệu, tôi nói như vậy có đúng không?

Đầu ống liên hợp đằng kia kêu lách tách. Paul hét lớn hơn, gần câu hỏi chậm lại:

- Có phải bọn chúng đặt các khẩu 105 li trên sườn núi mé bên trong này. Hình như gần hơn ta tưởng.

- Đúng... nhưng tôi thấy ba cái chuyện nhỏ đó nhằm nhò gì.

Lần này Paul nghe rõ câu trả lời của Piroth. Anh cũng có thể nghe ra trong giọng nói của ông không còn âm điệu tự tin quen thuộc.

- Anh bạn ạ, anh nghĩ chỉ có mấy khẩu thôi sao?

Ở đầu dãy đồi kia im lặng khá lâu. Sau cùng, Piroth trả lời, giọng không giấu nổi vẻ miễn cưỡng:

- Không, hình như địch không chỉ có vài khẩu 105. Tôi đoán địch còn đặt nhiều khẩu ở phía trên nữa, rất cao.

Paul thúc giục:

- Nhưng anh đang xác định vị trí của chúng, phải không. Bộ để chúng ho và khạc xuống chúng ta lâu thêm chút nữa à?

- Chúng tôi đang cố hết sức khoá mồm chúng.

Đường dãy đồi im lặng nhưng rõ ràng giọng nói của Piroth rất thẳng thốt, dù chỉ nghe qua máy truyền tin dã chiến. Cảm thấy lo lắng tới thất ruột, Paul chụp kẹp hồ sơ, lao ra giao thông hào. Anh phóng tới hầm chỉ huy trưởng. Vừa ló mình vào anh đã thấy đại tá chỉ huy trưởng De Castries đứng cạnh bàn bản đồ, mặt ông trắng bệch. Đầu ông đang nghiêng qua một bên, nghiêng tai lắng nghe tiếng gầm rú bất tận như một cơn bão sầm sập cả bầu trời đen đặc bên trên lòng chảo.

De Castries hỏi, giọng thì thào nghèn nghẹt:

- Hỏa lực của đối phương mạnh hơn chúng ta tưởng nhiều, phải không?

Paul chào và nghiêm trọng gật đầu:

- Đại tá Piroth nói rằng bằng cách nào đó đối phương đã đưa được trọng pháo 105 li lên những cao điểm trên sườn núi mé bên này, sát ngay vành đai.

De Castries quẩn trí quay mặt không nhìn Paul. Ông bắt đầu loay hoay với cây thước gỗ:

- Nhưng hỏa lực phản pháo của chúng ta sẽ đập tắt chúng ngay tức khắc. Có phải tất cả các đơn vị đang sẵn sàng ứng chiến khi bộ binh đối phương tràn xuống?

- Trình đại tá, đương nhiên là vậy.

- Vậy chẳng việc gì chúng ta phải bắn khoả, đúng không? Anh liên lạc với chỉ huy trưởng từng cứ điểm để nắm tình hình và báo cáo ngay cho tôi, càng sớm càng tốt.

Sau khi Paul về lại hầm tham mưu trưởng, tiếng gầm thét liên tục của pháo Pháp và pháo Việt Minh khiến anh không thể ráp nối tình thế thành một hình ảnh rõ nét vì trận pháo mở màn đầy bất ngờ của địch đã phá hỏng đường dây truyền tin dã chiến.

Dù một số đơn vị báo cáo rằng sau những tuần lễ chờ đợi căng thẳng tinh thần, binh lính đang háo hức dàn chào cuộc tấn công của đối phương, hầu hết các chỉ huy trưởng lính Lê dương và lính dù đều không thể truyền tin về một cách thông suốt. Paul lo lắng gọi qua máy nhiều lần

nhưng không nhận được câu trả lời nào rõ ràng. Khi nghe một tiếng nổ thật lớn, át hẳn các tiếng nổ khác, anh chạy ra chiến hào thông với cửa hầm, nhìn vào bóng đêm.

Mất Paul bắt gặp một cảnh tượng làm môi anh bắt giắc mím chặt, kinh hoàng. Một loạt đạn pháo của địch từ trên đỉnh núi bắn thẳng xuống trúng kho nhiên liệu và kho bom xăng na-pan của binh đoàn. Từ hai vị trí đó, phụt ra những ngọn lửa màu da cam và dần dần bốc lên cao trong bầu trời đen đui bên trên lòng chảo. Paul có thể nhìn thấy kẻ bên đám cháy, mấy chiếc máy bay đang bắt lửa hoặc đã bị thiêu rụi, thành một đồng trống khung sắt bên cạnh phi đạo nhỏ bé. Nhưng cái làm anh thật sự mất thờ là cảnh tượng trên các sườn núi bọc quanh thung lũng.

Trước con mắt quan sát của Paul, mé dưới các sườn núi sống động hẳn lên với từng đợt rồi từng đợt bộ đội cộng sản. Đối phương di chuyển như những đàn kiến đông vô số kẻ. Trong ánh lửa kho xăng bốc lên chiếu sáng rực, hàng ngàn lính Việt Minh đồng phục xanh lá cây đầu đội mũ trệt bằng tre đan, vọt ra khỏi giao thông hào trong rừng, ào xuống hai cụm cứ điểm Him Lam và Đồi Độc Lập, hai ngọn đồi trọng yếu được phòng ngự bởi các đơn vị thiện chiến lính Lê dương nước ngoài. Dù Paul cố sức liên lạc liên tục nhưng không một chỉ huy trưởng cứ điểm nào trong hai cụm cứ điểm đó trả lời anh. Và bỗng nhiên tình thế rõ ràng rằng đối phương đã dồn hết hỏa lực của trận pháo đầu tiên trút xuống hai cụm cứ điểm đó.

Đang chăm chú quan sát, Paul giật nảy mình thấy có một xe díp chạy tới, đậu lại bên ngoài căn hầm nằm xéo với hầm của anh. Trong ánh lửa màu da cam chói lọi, anh nhận ra thân hình cao lớn lực lưỡng của đại tá Piroth. Và anh sững sốt khi thấy vị chỉ huy trưởng ấy lái xe từ bộ chỉ huy pháo binh về đây trên đầu không đội mũ sắt. Paul lớn tiếng gọi nhưng ông hình như không nghe, cứ lầm lũi bước xuống xe díp rồi đi loạng choạng tới hầm trú ẩn của mình.

Cảm thấy có điều không ổn, Paul nhảy lên mặt đất, lao tới túm vai Piroth:

- Charles, anh phải cẩn thận lo cho mình hơn mới được. Mũ sắt của anh đâu?

Khi người sĩ quan pháo binh một tay ấy quay đầu lại, Paul choáng váng vì diện mạo ông thành linh biến đổi kỳ lạ. So với vẻ ngạo nghễ thường thấy trong những lần anh gặp Piroth trước đây, bộ mặt bệnh quai hàm nay bỗng hốc hác phờ phạc với vẻ ám ảnh dữ dội của một kẻ biết mình đắc tội. Ánh mắt ông vô cùng xa xăm, gần như mù mẫm, và ông tỏ ra chẳng muốn trả lời chút nào.

Paul gần giọng đứt khoát:

- Đại tá tới hầm tôi ngay, tôi pha cà phê mình uống với nhau. Tôi cần anh cho biết ý kiến thẩm định về hỏa lực pháo của địch.

Piroth nhìn mơ hồ qua vai Paul:

- Đối phương đã làm được điều không thể nào làm nổi! Chúng đặt trọng pháo ngay ở những chỗ lờm chờm đá trên đỉnh núi. Chúng tôi không thể bắn bắt chúng ra. Sẽ có tàn sát khủng khiếp. Chúng tôi không chặn nổi chúng. Tất cả đều do lỗi của tôi.

Paul nói sắc giọng:

- Charles, bình tĩnh nào. Trách nhiệm là trách nhiệm chung. Vô hầm tôi đi, đừng quá khích động như thế nữa.

Anh cố nín chặt cánh tay còn lại của Piroth nhưng viên đại tá quần trí vùng thoát ra. Piroth nói thật lẹ:

- Tôi có việc phải làm gấp. Vài phút nữa tôi qua chỗ anh.

Paul đứng nhìn Piroth khòm lưng cúi đầu đi theo đoạn giao thông hào có chắn bao cát rồi chui vào hầm. Sau khi ông mất hút khỏi tầm mắt, Paul quay lại tiếp tục nhìn về phía lực lượng tấn công của địch lúc này bắt đầu tràn lên sườn đồi thấp nơi hai cụm cứ điểm phía bắc. Cuộc pháo kích thừa dần khi bộ đội cộng sản ào tới gần mục tiêu chính. Ngay lúc đó, anh nghe có tiếng nổ đơn độc vang ra từ bên trong hầm của Piroth.

Khi Paul nhảy xuống giao thông hào và chạy tới cửa hầm, anh ngửi ra mùi khói chua nồng do tiếng nổ ấy gây ra. Bên trong hầm, anh thấy chỉ huy trưởng pháo binh của Điện Biên Phủ nằm úp mặt xuống nền đất, ngay mé dưới chiếc giường xếp của ông. Khi lật ngửa người Piroth lên, Paul không còn nhận ra khuôn mặt của ông. Anh hiểu ra rằng trong cơn tuyệt vọng cùng cực, Piroth đã ôm vào lồng ngực mình một quả lựu đạn. Và khi nổ, nó thổi bay bàn tay còn lại và giết luôn ông.

- 9 -

Chiếc Dakota sơn trắng của Hội Chữ Thập Đỏ chở Joseph thêm lần nữa vào lòng chảo Điện Biên Phủ bay thấp và lướt thật nhanh qua một kẽ núi rồi chao cánh quanh rất lẹ để tránh bay ngang khu vực Việt Minh đã đột kích, lấn chiếm sâu vào bên trong vành đai phòng thủ.

Qua khung cửa sổ bên hông máy bay, cảnh tượng đầu tiên đập vào mắt Joseph là vô số giao thông hào dài như bất tận được đào vội vã trên khắp các sườn đồi, tựa những đường vành khăn chỉ chít khi quân cộng sản kiên quyết lấn sâu xuống tập đoàn cứ điểm. Tại một số vị trí, anh thấy bộ đội Việt Minh đang tiến tới cách bộ chỉ huy trung tâm chưa đầy một cây số rưỡi. Ngay bên trong vành đai phòng thủ trước đây, máy bay và xe tải cháy rụi, vỡ nát, và những ụ đại bác tan tành là chứng tích bi thảm cho con số thiệt hại lớn lao do những trận pháo kích hàng ngày của đối phương gây ra cho quân cụ và vũ khí của Pháp.

Mang theo máu và huyết tương để giúp di tản những thương binh lúc này bệnh viện dã chiến không còn chỗ chứa, người y tá Pháp có bộ mặt khắc khổ nói:

- Hai cụm cứ điểm phía bắc - Him Lam và Đồi Độc Lập - bị tràn ngập trong mấy giờ đầu tiên địch tấn công. Kể từ lúc đó trở đi, trong suốt mười bốn đêm liền, bộ đội cộng sản liên tục bắn tan nát tập đoàn cứ điểm.

Nghiêng sát người hơn về phía Joseph anh ta đưa tay chỉ một điểm ngay chính giữa căn cứ Điện Biên Phủ, nơi có hàng đoàn binh lính và xe cơ giới lũ lượt vào ra:

- Bệnh viện dã chiến ở chỗ đó. Nó được lập ngầm dưới đất với chỉ bốn chục giường bệnh vì các tay tổ đã khôn ngoan nghĩ ra rằng có thể chớ hết thấy thương binh về Hà Nội bằng máy bay. Lúc này pháo của quân cộng sản khóa chặt phi đạo, chỉ chừa mỗi ngày một hai giờ. Hàng trăm thương binh nằm la liệt dưới các giao thông hào dẫn tới bệnh viện. Ban đêm, trời mưa làm hào ngập nước khiến dưới đó, bệnh hoại thư loang nhanh như muối tan trong nước.

Giọng người y tá phần uất tới độ chua chát và Joseph chẳng biết phải đối đáp thế nào. Dù tướng tổng tư lệnh quân viễn chinh Pháp từng thừa nhận ở Hà Nội rằng trận chiến Điện Biên Phủ diễn tiến không thuận lợi nhưng cảnh tan hoang trước mắt so với lần ghé lại trước đây làm anh choáng váng mặt mày.

Trong ánh sáng sớm mai Joseph có thể thấy cơn mưa bão suốt đêm qua để lại trên mặt đất một lớp bùn phủ dày, sền sệt, tạp nhạp xám xịt. Khắp thung lũng vút lung tung những chiếc dù lụa trắng bê bết bùn. Rõ ràng các kiện lương thực và đạn dược được thả từ trên cao lúc này rơi vào vùng đất của đối phương ở bên ngoài chu vi phòng thủ đang càng lúc càng co rút.

Và Joseph tự hỏi không biết Paul xoay xở ra sao trong suốt hai tuần lễ lúc nào cũng đầy bùn sinh và hỗn độn như thế này. Trong nửa tháng vừa qua, suốt ngày suốt đêm, chát ngất những cuộc chạm trán ác liệt. Tại Hà Nội, Joseph dự những cuộc họp báo và được biết rằng đã có mấy sĩ quan trong ban tham mưu của đại tá De Castries bị tử thương hoặc ngã quỵ vì quá căng thẳng.

Khi máy bay quay mũi hướng về phi đạo nát bầy, những khắc khoải Joseph vừa cố xua đuổi suốt chuyến bay dài dằng dặc từ Hà Nội lên đây lại thêm lần nữa tràn ngập tâm trí. Trong lúc tình hình quân sự suy sụp nhanh chóng với lợi thế nghiêng hẳn về phía Việt Minh, nỗi khao khát đưa Lan và Tuyết âm thầm đi thật nhanh tới một nơi an toàn nào đó tại á đông trở thành cơn ám ảnh đè nặng tâm trí anh suốt ngày suốt đêm. Anh vừa ngủ không yên giấc vừa mất nhiều thời giờ hơn mức cần thiết để săn lùng các bản báo cáo tình hình chiến sự và đuổi theo các manh mối quân sự tại Hà Nội nhằm thu thập tin tức. Cứ mỗi lần thêm một chiến công của Việt Minh được xác nhận, lòng Joseph lại thêm nôn nóng, cảm thấy chẳng còn được bao nhiêu ngày giờ. Cứ mỗi lần thấy thêm một cứ điểm tại Điện Biên Phủ bị sụp đổ nhanh chóng, lòng Joseph lại thêm tê điếng với nỗi sợ hãi mình sẽ mất hết mọi sự nếu không hành động kịp thời.

Những dấu hiệu tan nát của tập đoàn cứ điểm hiện ra bên dưới thân máy bay càng lúc càng rõ dần. Cùng với chúng là một sự liên tưởng kỳ quái nào đó khiến Joseph nhức nhối hơn bao giờ hết vì thấy mình đang phản bội Paul một cách tồi tệ. Sống trong căn hầm chật hẹp hôi hám và phần đầu can trường với những chênh lệch về hỏa lực cũng như về quân số, người sĩ quan Pháp ấy không nghi ngờ chút nào mối liên hệ đối trá và lâu dài giữa Joseph với vợ mình, cũng như không hay biết chút nào sự có mặt của Tuyết.

Nghĩ tới việc tự thú những năm dài cố tình lừa dối bạn dù trong thời gian làm như thế lòng mình cũng đau đớn không ít, Joseph cảm thấy hãi hùng chói với. Khi chứng kiến những giao thông hào lở lói và những hàng rào kẽm gai xiêu vẹo bên dưới thân máy bay, anh chợt nhận ra trong tâm trí mình đang có phần như thể trông mong sẽ tìm thấy Paul tử trận từ bao giờ. Dù biết rằng ý nghĩ ấy rất dễ tiện song Joseph vẫn cảm thấy mình đang tự hỏi lòng biết đâu có thể đó là một trò ma mãnh và tử tế nhất của định mệnh vốn đầy bất trắc.

Đã mất sạch ảo giác về tương lai của Việt Nam và về nỗ lực của bản thân nhằm sửa chữa những sai lầm của một thời quá khứ, làm sao Paul chịu đựng nỗi sự thảm bại tới ba lần. Đó là cuộc thất trận Điện Biên Phủ kèm với cái tin bất hạnh rằng suốt bao năm trời nay, vợ mình phản bội, yêu thương chính người đàn ông lúc nào mình cũng tin tưởng và đối đãi như một bằng hữu trung thành và thẳng thắn. Toàn bộ sự thật ấy, đối với Paul, chắc chắn sẽ là một đòn trí mạng tới hậu. Joseph suy nghĩ một cách cùng quẫn và bối rối trong lòng anh le lói một niềm hy vọng hoang dại. Vì biết đâu, nó sẽ không là một đòn như thế?

Biết đâu mỗi dây bằng hữu từng được Paul và anh chia xẻ gần ba chục năm nay lại bền chặt hơn nhờ sự thú tội thẳng thắn của anh. Biết đâu Paul sẽ càng thêm nể trọng anh vì lòng anh chân thật? Nói cho cùng, cuộc tình không may và lâu dài ấy là một thực tế, nằm ngoài tầm chủ động hoặc né tránh của cả ba. Dù người trong cuộc phủ nhận hoặc khước bác, biện minh hoặc qui trách, trước một thực tế bao giờ cũng đòi hỏi phải có giải pháp thích đáng. Joseph tự thấy lỗi lầm quan trọng nhất của mình là ngay từ đầu, không tìm dịp nói thật với Paul. Thuở đó, anh đã suy nghĩ quá giản dị. Anh chỉ biết anh yêu Lan và Lan yêu anh, thế thôi. Anh đã tin rằng sau những ngày ở Huế, chỉ cần vài tuần lễ cầu hôn và kết hôn, anh sẽ được cha mẹ của Lan hoan hỉ chấp thuận cho đem nàng sang Mỹ ngay. Anh đã lòng giấc mộng tình yêu vào tâm thức giấc mộng Hoa Kỳ trong hoàn cảnh có những quan hệ Pháp Việt phức tạp và tế nhị.

Thế rồi mọi sự vượt ngoài tầm tay, hụt hẫng như một giấc mộng ban ngày. Sau thế chiến, anh đối diện với thực tế rằng Lan đã có con với anh trước ngày thành hôn với Paul theo lệnh cha. Hôn phối của hai người chưa bao giờ có chất kết dính là tình yêu. Chính Paul là kẻ đã thừa nhận rằng cuộc hôn nhân ấy thất bại từ lâu. Và như thế, chuyện gì phải tới thì sẽ tới. Cởi bỏ được gánh nặng một tương lai vô vọng với Lan, biết đâu Paul có thể nhìn cuộc chiến này và vai trò của chính mình trong đó với một viễn ảnh sáng sủa hơn? Lúc ấy, Paul sẽ nhận ra rằng rốt cuộc phải dứt khoát rút bản thân khỏi nước Việt Nam nơi lúc này đã trở thành một nguyên nhân thất bại và vô vọng. Từ đó, Paul sẽ nhìn về nước Pháp tìm kiếm cho mình một tương lai...

Tiếng pháo kích của súng cối thỉnh thoảng vang lên dần chào chiếc Dakota đáp xuống phi đạo dội vào tâm tư rối bời của Joseph. Anh níu chặt hai bên thành ghế khi bánh máy bay chạm mặt đất đầy ổ gà. Nó thắng thật gấp, đứng chừng lại. Trong lúc thương binh Pháp được hỏi hã cẳng lên máy bay trong tiếng người rên rỉ và tiếng đạn pháo nổ chát chúa, Joseph luồn mình dưới bụng máy bay. Khi cửa máy bay đóng sập lại, Joseph nhảy lên một chiếc xe được tạm dùng làm xe cứu thương đang quay đầu trở về trung tâm chỉ huy, và bảo tài xế thả anh xuống hầm tham mưu trưởng.

Joseph tới Điện Biên Phủ lần này không báo trước. Khi anh đập tay lên cây cột một bên cửa hầm rồi vén tấm vải bạt che cửa và thò đầu vào, Paul đang ngồi trước mặt bàn ngỗng ngang giấy tờ, ngược mắt lên, sừng sốt. Viên trung tá Pháp đứng bật dậy, chụp lấy bàn tay đang đưa ra của Joseph:

- Chúa ơi, tôi không tin nổi! Mắt tôi chắc đang quáng gà! Trở lại chỗ này vào lúc này, anh hoặc là người rất can đảm hoặc là một gã điên khùng ngoài sức tưởng tượng!

- Tờ Gazette quyết định họ cần có một bài phóng sự tại chỗ, nhìn từ dưới nhìn lên, ngay bên trong lòng chảo Điện Biên Phủ. Tôi lẽ làng chụp lấy cơ hội đó để tới đây uống thêm chút rượu cô-nhắc của anh.

Joseph vừa nói vừa toét miệng cười nhưng trong bụng ngỡ ngàng vì diện mạo của Paul. Trên đầu, phần lộ ra bên dưới mũ sắt, vòng băng quần quanh đầu bạc thềch, loang lổ và cẩu bần. Mắt Paul đỏ ngầu, mặt xanh mét mệt mõi. Cử động của Paul cứng nhắc, chậm chạp cho thấy rõ anh vừa trải qua hai tuần lễ căng thẳng quá sức. Paul đưa cho Joseph một cái mũ sắt và chỉ vào chiếc ghế:

- Anh tạm ngồi nghỉ mệt. Khi nào đi quanh nhớ đội thứ này lên. Lúc này trong lòng chảo, trâu cũng phải đội mũ sắt.

Nói xong, Paul cũng thả mình ngồi xuống với nụ cười mệt mỏi. Từ bên ngoài bỗng vang lên tiếng cắc bụp của các loại vũ khí nhẹ, nghe càng lúc càng rõ hơn, xen lẫn với tiếng các loạt đạn pháo nổ ầm ỹ. Joseph hỏi thăm dò:

- Tình hình coi bộ tệ hơn lần tôi ghé lại vừa rồi. Anh coi bộ cũng kiệt sức rồi đó Paul.

Người sĩ quan Pháp nhún vai:

- Có rán sức cãi lại anh cũng chẳng nói được nhiều, anh bạn ạ. Tình thế quyết liệt. Từ lúc mất Him Lam và Đồi Độc Lập, chúng tôi biết tại Điện Biên Phủ mình sẽ chẳng có chiến thắng thần kỳ nào. Đêm nào đối phương cũng rót trọng pháo xuống đầu chúng tôi, rồi tiếp liền đó là những cuộc tấn công "biển người", đông như kiến. Pháo binh của chúng tôi rõ ràng đã bị quét sạch. Việc phi trường Mường Thanh bị phá hủy hoàn toàn chỉ còn là vấn đề thời gian. Tới lúc đó, quân địch tha hồ muốn xử chúng tôi ra sao thì xử!

Paul ngừng nói, chỉ một ngón tay vào Joseph cảnh cáo:

- Tôi khuyên anh chớ ở lại đây lâu quá. Sẽ chẳng còn mấy chuyến phi cơ bay thoát được ra ngoài.

Joseph lắc đầu thất kinh:

- Đại tá De Castries tính đối phó ra sao?

Paul trả lời, mắt bối rối:

- Tôi e rằng đại tá De Castries xử lý mọi sự không được tốt lắm. Từ lúc bắt đầu bị tấn công, ông ấy hầu như chẳng ra khỏi hầm. Ông cũng không chủ tọa phiên họp các chỉ huy trưởng hàng ngày. Đại tá Pierre Langlais, sĩ quan dù người Bretagne, mới thật sự nắm việc chỉ huy. Chính ông ấy vạch kế hoạch phản công lên các cứ điểm C2, 505, 311 và Nà Ngọng, những đồi gần trung tâm chỉ huy nhất.

Ngừng nói, Paul chỉ tay lên tấm bản đồ treo nơi vách tường sau anh trên đó chu vi co cụm được khoanh lại bằng mực đỏ:

- Nhưng như anh thấy đấy, đối phương đang dồn chúng tôi ngày càng thu hẹp khu vực nhỏ nhoi của mình. Hễ chúng tôi cầm lại được cò Pháp lên ngọn đồi này, lập tức Việt Minh cầm cò của chúng lên ngọn đồi khác.

- Anh mất bao nhiêu người rồi?

Mặt Paul tối sầm:

- Có thể nói một ngàn người tử trận, người bị thương thì gấp đôi. Chúng tôi ước lượng quân địch bị giết nhiều tới gấp năm lần con số đó nhưng tướng Giáp nung nấu quân một cách có tính toán và hấn có quân số bổ sung vô hạn định. Vì gần như không còn dùng được phi đạo nên chúng tôi chỉ có thể điền khuyết số thương vong bằng lính dù nhảy thẳng xuống. Hầu hết lính người An-giê-ri và lính sắc tộc Thái đã đào ngũ và đang núp thật kỹ trong các hang hốc hai bên bờ sông. Chỉ có lính dù của Quân Đội Quốc Gia Việt Nam là bám trụ chiến đấu.

Paul so vai rồi rụt người xuống sâu hơn trong lòng ghế. Bên ngoài, tiếng động của một cuộc tấn công mới trên ngọn đồi gần bộ chỉ huy nghe càng lúc càng rõ dần nhưng Paul không thêm để ý tới sự việc đó. Anh nói:

- Joseph ạ, nếu tôi là anh, hẳn có chiếc máy bay nào sắp đáp được xuống tôi đông liền. Để tôi gọi sĩ quan phụ tá lấy xe díp chở anh đi một vòng thật lẹ cho có cái để viết. Xong anh về Hà Nội ngay. Lẹ chừng nào tốt chừng nấy.

Nhắc máy truyền tin, Paul gọi xe rồi cười mệt mỏi với người Mỹ:

- Mọi sự có thể rất tệ hại nhưng chẳng có lý do gì để một người bạn tốt bị kẹt lại đây như chuột mắc bẫy.

Joseph ngồi im lặng tần ngần vài giây. Anh lắng nghe tiếng ầm ì của trận đánh đang diễn ra ác liệt bên ngoài và hít một hơi thật dài:

- Cảm ơn Paul. Tôi rất cảm kích lòng sốt sắng giúp đỡ của anh. Nhưng tôi không chịu đựng nổi khi nghĩ anh phải ở lại đây, dưới cái hang hoả ngục này.

Người Pháp nhún vai không nói, tay lơ đãng lật lật xấp hồ sơ trên bàn rồi mắt ngược nhìn Joseph:

- Ông bạn ạ, trên thế giới bên ngoài mọi sự ra sao? Kể từ chuyến anh tới đây vừa rồi, có chuyện gì xảy ra cho anh không?

Joseph lưỡng lự và cảm thấy hoảng hốt, tự hỏi chẳng biết Lan có viết thư cho Paul kể chuyện gặp anh ở Đà Lạt hay không:

- Hầu hết thời gian của tôi chia đều, khi ở Sài Gòn khi ở Hà Nội. Tôi cố theo dõi tình hình chiến sự u u minh minh của đôi bên nhưng không thu lượm được mấy kết quả. Tôi rón tranh thủ nghỉ vài ngày ở Đà Lạt, nơi khách sạn Palace Lang-Biang. Lúc này, trên đó mọi sự đã thay đổi, nhưng khung cảnh vẫn đẹp tuyệt vời.

Paul lại băng quơ xóc xóc chồng hồ sơ:

- Tôi nghĩ lúc này Lan cũng đang ở Đà Lạt. Anh có gặp cô ấy đôi chút không?

Joseph thấy khó giữ cho giọng mình tự nhiên:

- Có. Khi nghe nói Lan có mặt trên đó, tôi ghé lại thăm để kể chuyện tôi có gặp anh. Tôi nói với cô ấy rằng dù tình trạng ở đây khó khăn, anh vẫn mạnh khỏe.

Paul gật đầu, không nhìn lên:

- Vậy cô ấy ra sao rồi?

Joseph do dự, cảm thấy tim mình đập nhanh hơn:

- Paul ạ, lúc nào cũng đáng yêu. Và có vẻ rất quan tâm tới anh.

Paul nhướng nhướng mắt nhìn Joseph nhưng ngay lúc đó, có người vén tấm bạt che cửa và viên sĩ quan phụ tá đi vào. Paul ngھnھn đầu, có ý lắng nghe tiếng súng trong khi khắp thung lũng đang yên lặng trở lại. Anh nói giọng nhanh nhẩu:

- Tốt nhất là anh đi xem một vòng lúc mặt trận còn tạm lắng. Khi anh về lại đây, mình sẽ uống rượu.

Cảm thấy nhẹ nhòм hẵn, Joseph theo sĩ quan phụ tá đi ra. Anh trèo lên bờ hào và leo vào xe díp, ngồi xuống kế bên ghế tài xế. Suốt một giờ tiếp đó, khi xe chạy quanh các vị trí phòng ngự còn lại, anh vui mừng vì phải tập trung tâm trí vào lời dẫn giải của viên sĩ quan trẻ. Khi Joseph về lại hầm tham mưu trưởng, Paul đã khui sẵn một chai cô-nhắc mới, đưa chai lên rót thật đầy hai ca thiếc. Paul đẩy một ca tới trước mặt người Mỹ, cười cam chịu và nói với giọng đượm vẻ mai mỉa:

- Nào Joseph, anh có cảm tưởng ra sao về căn cứ Điện Biên Phủ oai hùng của chúng tôi? Anh thấy đã xảy ra vài biến đổi kể từ chuyến tham quan vừa rồi của anh, phải không?

Joseph buồn bã gật đầu:

- Tình trạng đúng y những gì anh nói trước khi tôi đi ra ngoài. Trông nó chẳng còn chút hứa hẹn nào.

Paul thêm lần nữa mệt mỏi, ườn người trên ghế:

- Vậy ông bạn ạ, ta hãy uống cho những thời kỳ tốt đẹp hơn trong tương lai. Như thế tốt hơn cứ mãi miết chúi đầu vào hiện tại. Có một chuyến máy bay tải thương đang trên đường tới đây. Sĩ quan phụ tá của tôi sẽ chở anh ra gặp nó; hôm nay không còn chuyến nào khác nữa.

Joseph gật đầu cảm ơn. Cả hai cùng uống rượu và cùng im lặng nhìn nhau. Paul nâng cao rượu lên, chăm chú nhìn Joseph qua mép ca:

- Anh bạn Joseph của tôi, tôi không khỏi không cảm thấy rằng ngoài cái cơ sự tan nát này ra còn có một cái gì đó đang làm anh bứt rứt. Trước đây mình luôn luôn cởi mở với nhau nhưng sao lúc này anh dường như biến thành một con người khác. Không một lần nào nhìn thẳng vào mắt tôi, anh có thái độ lén lén lút lút.

Joseph nói thật lẹ:

- Chỉ vì trận giặc khốn kiếp này thôi Paul ạ. Có thể phóng viên chiến trường tuy không đánh đấm chút nào nhưng cũng khổ sở mệt mỏi vì chiến cuộc.

- Anh có chắc hoàn toàn như vậy không?

Joseph tránh cặp mắt của Paul:

- Chắc, tôi chắc chắn.

Paul tiếp tục nhìn chăm chắр Joseph. Dưới tia mắt ấy, Joseph cảm thấy mình cần cái nhắр nhòм. Rồi anh nghe tiếng của Paul, giọng rất điềm đạm:

- Ông bạn ạ, có thể cuộc sống trong cái hang thỏ lúc nhúc này làm lệch lạc khả năng đánh hơi của tôi nhưng theo con mắt của tôi, trông anh vờ vịt hơn bao giờ hết khi tôi hỏi anh về Lan. Có thể cô ấy đang làm điều gì đó tôi không được biết? Phải chăng cô ấy đang ngoại tình với ai đó?

Joseph vẫn đứng bên mép bàn, nhìn xuống Paul đang ngồi. Câu hỏi nửa đùa nửa thật ấy quất vào mặt anh như một lần roi, và anh quay nhìn chỗ khác. Anh hồi hải lục lọi tâm trí, tìm cho ra một lý do nào đó để nói lảng. Nhưng rồi nhận ra mình đang không trung thực với các cảm xúc của mình, anh chậm chậm quay lại, đối mặt với Paul thêm lần nữa. Joseph bắt đầu mở lời, giọng ngập ngừng nhưng rõ ràng cố gắng tự chủ:

- Paul này, việc sau cùng tôi muốn làm ở đây là nói với anh về chuyện đó. Thật ra Lan bắt tôi hứa đừng nói gì với anh cho tới khi xong trận Điện Biên Phủ. Nhưng Paul ạ, vì lúc này anh đã nói ra những gì anh suy nghĩ, có lẽ tốt hơn cho chúng ta khi anh biết được thực tế. Càng giữ không cho anh biết sự thật, tôi thấy tôi càng rất khổ tâm.

Người Pháp ngồi thẳng lưng lên ghế, mặt biến sắc:

- Anh đang nói tới chuyện gì vậy Joseph?

- Paul ạ, tới chuyện tôi, tôi yêu Lan. Tôi yêu Lan từ lúc tôi mới gặp cô ấy lần đầu tiên, cách đây gần hai chục năm.

Phản ứng duy nhất của Paul là nheo hai con mắt, ngoài ra, người anh vẫn ngồi bất động trên ghế.

- Tại Sài Gòn suốt một hai năm nay, thỉnh thoảng tôi âm thầm gặp gỡ cô ấy. Anh hiểu cho rằng tôi vô cùng phiền muộn vì những gì đã xảy ra.

Paul nhắc mũi sắt trên đầu xuống. Bàn tay ấn ấn lên lớp băng cứu thương cấu bắp, lem luốc, như thể nó đột nhiên làm anh đau đớn, nhưng vẫn không nói. Joseph tiếp tục, giọng cố rán:

- Chuyện đó không phải mới xảy ra gần đây. Lan và tôi từng là hai kẻ yêu nhau, cũng khá lâu trước khi anh thành hôn với cô ấy. Vậy đó. Mọi sự bắt đầu trước khi Lan đồng ý làm vợ anh. Tôi đã yêu cầu Lan kết hôn với tôi, trước khi anh cầu hôn, nhưng cô ấy từ chối.

Paul hỏi chậm từng tiếng:

- Hai người bắt đầu yêu nhau ở đâu vậy?

Joseph lưỡng lự, rồi hít vào một hơi thở nữa, thật dài:

- Tại Huế, trong thời gian có cuộc tế lễ ở đàn Nam Giao lần sau cùng. Lan xin tôi đừng kể cho anh nghe điều này nhưng tôi nghĩ anh nên nghe hết cả câu chuyện. Trước khi lấy anh, cô ấy đã sinh cho tôi một bé gái, con của tôi. Tôi không biết có nó trên đời này cho tới khi tôi trở lại Sài Gòn lúc chấm dứt cuộc thế chiến. Tôi chỉ biết khoảng nửa giờ trước lúc gặp anh ở Quân y viện Đồn Đất. Lúc ấy con bé tám tuổi và được gia đình của một người giúp việc bí mật nuôi dưỡng tại làng bên ngoại của Lan ở mạn bắc Trung kỳ.

- Hiện nay, nó vẫn sống ở đó?

Joseph lắc đầu:

- Trong khi anh dưỡng thương ở Đà Lạt, tôi lái xe cùng đi với Lan ra phương bắc kiếm nó. Chúng tôi tìm thấy nó kịp thời. Con bé hầu như sắp chết đói. Chúng tôi mang nó vào Sài Gòn. Từ đó nó được nuôi dưỡng âm thầm tại nhà của anh Tâm.

Paul và Joseph ngồi yên một hồi lâu. Cả hai im lặng nghe tiếng súng lại bắt đầu nổ ran bên ngoài. Đột nhiên, Paul nhìn Joseph chăm chăm, mặt sạm lại giận dữ:

- Thì ra suốt thời gian này, tại Sài Gòn, hai người vụng trộm với nhau sau lưng tôi!

Joseph gật đầu khổ sở:

- Paul ạ, tôi ghét việc lừa dối anh nhưng tôi không ngăn nổi mình. Lan và tôi không còn là tình nhân của nhau cho mãi tới khi chúng tôi gặp lại nhau tại Đà Lạt hơn mười ngày trước đây. Đó là lần thứ nhất, kể từ năm 1945. Trước đó, cô ấy lúc nào cũng kiên quyết tiếp tục chung thủy với anh. Nhưng giờ đây tôi tin chắc chúng tôi có thể sống hạnh phúc với nhau. Tôi muốn sửa sai quá khứ. Tôi đã yêu cầu Lan kết hôn với tôi. Và tôi cũng sẽ yêu cầu Tuyết sống chung một nhà với chúng tôi.

Bàn tay Paul đang đặt trên bàn bồng nắm chặt lại, các đốt ngón tay chột trắng bệch:

- Có phải cô ấy đã đồng ý rằng sẽ đi với anh?

- Cô ấy không chịu đưa ra quyết định nào cho tới khi...

Nói tới đây, giọng Joseph mắc nghẹn. Dưới tia mắt đau đáu của Paul, anh lại cảm thấy mình đắc tội:

- ...cho tới khi cô ấy gặp lại anh.

Paul chậm chậm đứng lên khỏi ghế. Vẻ mặt anh nhăn nhúm, co rút, thịnh nộ và lạnh lẽo:

- Anh có ý nói cho tới khi Lan biết được tôi ra khỏi chỗ này còn sống hay đã chết! Cả hai người đều chờ xem bọn cộng sản có quét sạch đường cho mình không, đúng không?

Giọng Joseph chột thấp xuống như thể nài nỉ:

- Paul ạ, chính anh đã nói với tôi rằng cuộc hôn nhân của anh từ lâu không mặn nồng. Anh không thấy sao, mọi sự đối với tôi thay đổi từ khi tôi biết ra tình trạng đó.

Paul nói qua hai hàm răng nghiến chặt:

- Lan là vợ tôi gần hai chục năm nay! Chúng tôi có một đứa con đã lớn. Không lẽ anh quên chuyện đó rồi sao?

Thấy vẻ mặt người Pháp sầm lại, Joseph cảnh giác lùi ra sau một bước:

- Không, tôi không quên.

- Lan yêu anh?

- Cô ấy không bao giờ cho phép mình nói ra điều đó vì lòng chung thủy đối với anh. Nhưng tôi chắc chắn Lan yêu tôi. Tôi nghĩ cô ấy yêu tôi từ đầu.

- Thế tại sao cô ấy kết hôn với tôi?

- Vì cha của cô ấy muốn như thế! Ông ấy muốn bày tỏ lòng trung thành với nước Pháp bằng con gái của mình, anh không thấy sao? Lan chỉ làm theo nguyện vọng của cha cô ấy.

Khi những lời đó vừa vọt ra khỏi cửa miệng, Joseph hồi hận ngay. Paul giật mình lùi lại, ngó Joseph bằng cặp mắt bắt đầu rực lên ánh ghê tởm. Trong một hồi lâu, không ai nói với ai. Ở bên ngoài hầm, tiếng súng nổ càng lúc càng dồn dập. Mắt không rời khuôn mặt Joseph, Paul cho tay xuống nấp bao súng lục. Anh bật khuy, báng súng lòi ra:

- Joseph, chắc chắn anh không tin nếu tôi kể với anh rằng sau chuyến ghé lại vừa rồi của anh, tôi cảm thấy tình bạn của anh là một trong vài cái đáng giá nhất còn lại trong suốt cuộc đời của tôi?

Joseph cảm thấy quả tim mình chới với và trương lên trong lồng ngực. Bất giác anh bước một bước tới sát người Pháp:

- Paul ạ, tôi xin lỗi. Tôi ân hận vô cùng. Tôi là một thằng khốn kiếp đến thế...

Paul rút súng, lùi một bước, chĩa mũi súng vào ngực Joseph:

- Đừng bước tới gần tôi! Sẽ không ai thắc mắc bằng cách nào một nhà báo Mỹ điên rồ lại để cho hắn ta bị giết trong thời điểm như thế này.

Joseph nhìn xuyên qua mũi súng:

- Paul, hãy để tôi ở lại đây. Hãy để tôi cùng nhìn cùng chịu với anh cho tới cuối. Chuyện đã tới như thế này, tôi không đành lòng đi khi anh còn ở lại đây. Với lại, ở đây có vô số điều cho tôi viết.

Ngực Paul phập phồng đứt đoạn. Anh bỗng sắc giọng, mỗi tiếng nói như một viên đá ném vào mặt Joseph:

- Tới lúc này anh còn nghĩ rằng có thể thanh lý được lương tâm của anh sao? Anh còn nghĩ rằng có một lối thoát danh dự dành cho anh sao?

Tiếng máy bay gầm rú khi lướt qua thật thấp bên trên hầm tạm thời át tiếng súng bên ngoài. Nghe tiếng gầm rú ấy, Paul dang thẳng cánh tay tới trước, kèm cứng. Với sự cân nhắc kỹ lưỡng và điềm tĩnh, anh nâng súng lên ngang đầu Joseph. Ngón tay Paul ngoéo dần trong ổ cò.

Ngay lúc đó, miếng vải bạt che cửa bị vạch qua một bên, viên sĩ quan phụ tá của Paul ào vào. Anh ta há hốc miệng chăm chăm ngó cấp chỉ huy, mấy giây sau mới lấy lại được bình tĩnh:

- Trình trung tá, máy bay tải thương vừa đáp xuống. Nếu Monsieur Sherman muốn về theo nó, phải đi lập tức.

Vẫn nhìn chăm chú vào mặt Joseph, Paul duỗi tay:

- Monsieur Sherman không chịu tuân lệnh tôi lên máy bay. Anh áp tải ông ta ra phi đạo, đi súng bắt lên tàu.

Viên trung úy trẻ lật đặt móc súng, đưa tay vẫy Joseph đi trước và nhảy lên trên bờ chiến hào. Năm phút sau, chiếc Dakota của Hội Chữ Thập Đỏ, không kịp chờ theo thương binh nào, chậm chạp cất cánh trên phi đạo lồi lõm và Joseph quay lại nhìn về phía cụm hầm của bộ chỉ huy. Anh thấy tám vải bạt che cửa hầm Paul bị vén qua một bên rồi Paul trồi người ra, mắt chớp chớp dưới ánh sáng ban ngày.

Paul không đội mũ sắt. Dù giữ cho thân mình đứng thật thẳng, vòng băng cấu bản quấn quanh đầu làm anh có vẻ dơ dáy và èo uột. Trong bàn tay phải của Paul, khẩu súng lục đóng đưa lỏng lẻo. Khi chiếc Dakota vọt thẳng lên, xuyên qua ánh chớp của đạn cối pháo kích, Paul ngược mắt trông rỗng nhìn lên bầu trời xám xịt. Chỉ khoảnh khắc sau, máy bay khuất bên kia đám mây thấp đang lơ lửng trên lòng chảo. Hình ảnh cuối cùng của Điện Biên Phủ Joseph mang theo là hình dáng tuyệt vọng và nhỏ dần của Paul đang đứng cô đơn chính giữa một căn cứ quân sự mà phần số đã được định sẵn.

- 10 -

Đúng một tiếng đồng hồ trước nửa đêm mùng 6 tháng Năm 1954, Ngô Văn Đồng kéo chiếc mũ trận bằng tre đan, trệt và mỏng mảnh xuống ngang mi mắt, rồi thận trọng nhô đầu lên trên mép giao thông hào dẫn thẳng tới mặt trước của cứ điểm A1 trong cụm cứ điểm A+ và C+. Với tư thế ngồi lom khom trong lòng chiến hào đầy bùn sinh lầy lội, miệng khô rang và ngang ngực ôm chặt khẩu các-bin cầm sẵn lưỡi lê, anh sẵn sàng vọt lên mép chiến hào ngay nghe khi nổ ra hiệu lệnh xung phong.

Cũng như các bộ đội thuộc Trung đoàn 59 thuộc Đại đoàn 312 của Quân đội Nhân dân Việt Nam, Đồng mang khẩu trang bịt kín miệng và mũi vì sợ hít phải vi trùng trong các giao thông hào nhảy nhua ngập ngựa bùn, nơi họ phải liên tục dẫm lên những xác chết đang thối rữa của đồng đội lẫn lính Pháp. Những hầm hố nối liền các giao thông hào và những lô cốt nơi binh lính hai bên quần thảo suốt năm mươi lăm ngày qua giờ đây nồng nặc mùi xác người, phân người lẫn mùi ối mưa, và trong cái nóng ban ngày, từng lớp ruồi nhặng giòi bọ bu đầy các thi thể thương sinh.

Dưới ánh sáng hoả châu lơ lửng do máy bay vận tải của Pháp vẫn từ Hà Nội lên thay nhau thả bằng dù, Đồng có thể nhìn rõ các đơn vị Việt Minh khác đang ào lên những chốt phòng thủ bên ngoài một cứ điểm nhỏ hơn trong cụm AC. Từ mấy đỉnh đồi phía trên, các toán lính Pháp cùng lính Lê dương co cụm và tuyệt vọng, đang ào ạt xả súng máy và bắn hàng loạt đạn súng cối xuống hàng hàng lớp lớp bộ đội nhưng vẫn không chặn nổi những người lính á đông đang cảm thấy chiến thắng trong tầm tay. Họ xung phong hết đợt này tới đợt khác, tràn qua thân thể đồng đội vừa ngã xuống và cố đè bẹp binh lính Âu Tây bằng sức mạnh quân số áp đảo.

Đội A1 nằm ngay trước mặt đại đội Đồng là pháo đài chính của cụm cứ điểm. Nó được trấn giữ bởi số lính còn lại của Tiểu đoàn Dù Thuộc địa Số 1. Đối phương lập bộ chỉ huy tiểu đoàn

trên đỉnh đồi, ngay trong ngôi nhà trước đây dành cho công sứ Pháp tại Điện Biên Phủ. Vì ngọn đồi này là cứ điểm chủ lực sau cùng của thung lũng vẫn còn trong tay quân Pháp nên mấy ngày vừa qua, công binh Việt Minh đã ra sức đào một đường hầm ngầm dẫn sâu vào bên trong sườn đồi. Sau đó, họ buộc cả ngàn ki-lô thuốc nổ lại với nhau, làm thành một quả bộc phá khổng lồ, rồi đặt sâu trong lòng đất, chỗ cuối đường hầm. Thời điểm bộc phá phát nổ được ấn định là 11 giờ khuya nay. Và trước đó nửa giờ, Đồng đã dẫn đại đội của anh thăm lặn di chuyển qua các giao thông hào đan nhau chằng chịt, tiến vào vị trí.

Trong số các bộ đội lúc này ngồi chung chiến hào với Đồng và đang hờm sùng chờ hiệu lệnh xung phong, chỉ còn sót lại vài người từng cùng anh tham dự những cuộc đụng độ ác liệt diễn ra suốt tháng Tư vừa qua. Khi chiếm xong cụm cứ điểm Nà Ngọng, lực lượng bốn đại đoàn tham chiến của tướng Võ Nguyên Giáp từ năm chục ngàn bộ đội sụt xuống còn ba chục ngàn. Giờ đây, nhiều bộ đội trong đại đội của Đồng là những thiếu niên mười sáu tuổi, mới được bổ sung tuần trước. Trong các buổi học tập chính trị nhồi nhét hằng ngày, chính trị viên phải liên tục nói cho họ in trí rằng binh đoàn mười ba ngàn quân của Pháp lúc này chỉ còn chưa tới một phần ba, và con số bốn ngàn quân thù sống sót ấy đều đang kiệt sức. Suốt mấy ngày vừa qua, người ta nói cả trăm lần với bộ đội rằng chiến thắng dứt điểm đang trong tầm tay. Thế nhưng khi bộ đội ngồi khom mình chung quanh Đồng dưới giao thông hào chờ quả bộc phá khổng lồ phát nổ, anh vẫn có thể cảm giác được sự sợ hãi và căng thẳng đang làm đánh mất và loạn nhịp thở của từng người lính trẻ.

Đồng cũng thế. Khác với các lần xung trận trước đây, anh đang rất kích động và căng thẳng. Những cuộc đánh giáp lá cà ác liệt diễn ra gần nửa tháng nay làm cả đôi bên, phía tấn công lẫn phía phòng ngự, đều chịu tổn thất kinh hoàng. Dù Đồng không cảm nhận thấu đáo nhưng cũng giống những bộ đội còn lại của quân Việt Minh, bản thân mỗi người quả thật sắp vượt quá giới hạn sức chịu đựng.

Kể từ đầu tháng Hai tới nay, họ ăn cầm hơi mỗi ngày khoảng vài ba nắm cơm tẻ nhạt và mỗi tuần một lần được nhai hơn chục hạt đậu phộng. Họ cũng đang sống với nỗi kinh sợ triền miên rằng nếu chỉ bị một vết thương nhẹ thôi, trước sau gì mình cũng chết. Phương tiện y tế tiền tuyến - chỉ năm sáu y sĩ và bác sĩ giải phẫu làm việc tât bật trong những túp lều lợp lá gồi cất lên vôi vã sâu trong núi - thô sơ gấp mấy lần bệnh viện dã chiến của Pháp dưới đáy lòng chảo lúc này không còn chỗ chứa những quân nhân Pháp thương vong hoặc đang hấp hối. Hầu hết bộ đội tử thương vì bị đạn bắn trúng đầu khi vừa nhô lên vành mép chiến hào. Riêng Đồng, ngoài vài mảnh đạn pháo mới ghim vào vai trái và đã được băng bó, anh chiến đấu suốt mà không bị trúng đạn. Và lúc này, anh biết đang tới giờ cực điểm của cuộc bao vây dài ngày nên tự nhiên quên hết mệt nhọc.

Trong khi nôn nao chờ tiếng nổ phát ra từ lòng đất làm hiệu lệnh tấn công, Đồng bất giác nghĩ tới lần đầu tiên trong đời mình đã ngồi chờ tấn công quân Pháp như thế này, tại Yên Bái. Anh nghiền chặt răng, người ớn lạnh khi hình dung rõ nét khung cảnh đêm đó: ngồi sát hai bên vai anh là cha và cậu em Học. Lúc này, chỉ còn một mình anh chờ giờ xung phong, trên vai mang theo ba cái chết của cha lẫn mẹ và em. Nhìn những đóm đèn hỏa châu leo lét đang từ từ rơi xuống cuối sườn đồi sau khi soi sáng mặt trận, Đồng mừng rỡ tưởng đó là ba linh hồn thân yêu ở thế giới bên kia. Bỗng dưng anh cảm thấy co giật nơi mi mắt. Anh đưa hai tay lên xoa mắt thật mạnh, như một cử chỉ thề hứa rằng đây sẽ là đêm anh xả thân chiến đấu, quyết liệt hơn mọi đêm về trước. Hương hồn của cha của mẹ của em đang cùng anh ra trận, đòi lại món nợ máu của gia tộc, và đang phù hộ anh sống sót tới tận cùng con đường chiến thắng.

Cuối cùng, trễ vài phút sau mười một giờ, quả bộc phá không lồ phát nổ. Từ đỉnh đồi tới chân đồi rung chuyển như động đất. Đất đen vọt thẳng lên trời và khói phun cao, như phụt từ một lòng giếng vĩ đại. Kế đó, đêm ngất ngư với tiếng ầm ầm dội như thác đổ, bùn và sỏi đá bắt đầu rơi như mưa rào xuống khắp phòng tuyến Việt Minh. Cơn mưa đất đá chưa kịp dứt, Đồng bật người phóng lên mép chiến hào. Thét lớn "Xung phong! Xung phong!" anh lao mình lên sườn đồi.

Chân phóng hết sức nhanh, miệng hô hết sức lớn, Đồng nghe mọi âm thanh phát xuất từ cơ thể mình hòa nhịp với tiếng chân chạy và tiếng gào xung phong của cả ngàn đồng đội. Tất cả phát xuất từ bầu máu nóng căm thù giặc tận xương tủy. Tất cả réo sôi ý chí quyết chiến quyết thắng. Tất cả biến mọi sự thành một trạng thái mê cuồng hiếu sát. Trượt chân rồi gượng, hết nhảy lại phóng qua những chiến hào lở lói, Đồng cảm thấy có một luồng sóng đang đẩy mình tới trước. Nó trào lên không ngừng và không cưỡng lại nổi. Đôi dép râu sút quai, tuột một chiếc. Đồng hất chân đá mạnh cho văng chiếc còn lại.

Thét lên mấy tiếng man dại và đặc thắng, Đồng thọc lưỡi lê lần lượt đâm chết tươi hai lính dù Pháp bị chấn thương trầm trọng, đang quẫy mình trong đám gạch đá ngổn ngang của một lô cốt vừa sập do cú nổ của quả bộc phá ngàn cân. Súng đại liên và trung liên còn lại của quân phòng ngự, từng khẩu rồi từng khẩu, nóng dần, nóng tới độ tay không sờ được không cầm nổi hoặc tắt tịt vì hóc đạn. Đồng và bộ đội diệt gọn vài lính Pháp sống sót sau tiếng nổ kinh hoàng, đang choáng váng cúi đầu sau bức vách phòng ngự làm bằng xác đồng đội tử trận trong những cuộc tấn công trước đó.

Khi đang chạy dọc một kẽ nứt sâu hoắm và đen sạm do quả bộc phá vừa nổ làm toang hoác một bên sườn đồi, Đồng bỗng dừng lại. Anh thấy năm sáu bộ đội trẻ vừa được tăng cường cho đơn vị mình rú lên rồi ngã vật xuống lòng hố vì trúng phải một loạt đạn súng máy từ ngôi nhà viên công sứ cũ bắn xuống. Dương hai con mắt đỏ ngầu thương hận, Đồng nhìn lên toà nhà kiên cố đang nằm quái đản trên đỉnh ngọn đồi.

Bỗng dung anh điên tiết với ấn tượng rằng toà nhà kiểu châu Âu đang án ngự đỉnh đồi quê hương kia là biểu trưng cho nền đô hộ khốn nạn của thực dân Pháp lên dân tộc. Không dừng chân suy xét lợi hại, Đồng phóng người qua mấy dãy chiến hào còn lại. Kế đó, anh lẻ lèng chạy xéo qua khoảng đất trống bọc quanh bộ chỉ huy Pháp. Áp sát vách toà nhà, rút lựu đạn cầm tay, Đồng lao mình xuống cầu thang dẫn tới một khung cửa le lói ánh đèn dưới hầm nhà. Ở đó, nghe có tiếng lính truyền tin Pháp đang khẩn trương gọi bộ chỉ huy tập đoàn cứ điểm, Đồng đứng lại, thu mình nép một bên cửa, nghe ngóng.

Hiệu thính viên gào lớn, lặp đi lặp lại và nhấn mạnh nhiều lần lời cầu viện khẩn cấp, để giọng nói của anh ta át tiếng súng đạn đang vang vào điếc tai long óc:

- Trình đại tá Devraux ngay. Rằng đồi A1 không còn giữ được lâu, cần tiếp viện lập tức. Trình với đại tá Devraux rằng chúng tôi cần tiếp viện gấp - ngay tức khắc!

Mất Đồng neho lại, ghim thật kỹ vào óc não cái tên đó. Rồi anh nhảy bật người, đá tung cửa, bắn ba phát vào máy truyền tin cho nó tan tành hết sửa chữa. Anh lính truyền tin Pháp trẻ tuổi, vành tai vẫn đeo ống liên hợp, giật mình quay lại đã thấy một mũi lê dí sát ngực mình.

Đồng gầm lên bằng tiếng Pháp:

- Ai là thằng "đại tá Devraux" mày vừa gọi? Hắn chỉ huy đơn vị nào?

Anh lính truyền tin hải hùng ú ớ. Đồng chí mạnh mẽ lê vào ngực anh ta:

- Mày không nói, tao giết. Tên đầu của thằng Devraux đó là gì? Hắn làm gì?

Người lính Pháp run lập cập, thì thào:

- Ông ấy là đại tá Paul Devraux... Ông làm tham mưu trưởng cho thiếu tướng De Castries.

- Hắn biết nói tiếng Việt không?

- Tôi không biết. Tôi có nghe nói ông biết rõ Việt Nam - ông ở xứ này mấy chục năm...

Trên bộ mặt bùn đóng thành từng bết của Đồng hai con mắt bỗng rực lửa. Với cử động toàn thân xóc tới, anh thọc lưỡi lê vô ngực chàng trai Pháp, lút cán.

- 11 -

Sáng hôm sau, khi ánh bình minh toả rạng bầu trời nặng màu chì bên trên lòng chảo Điện Biên Phủ, Đào Văn Lật tháp tùng một nhân vật khổ người tầm thước và chắc nịch, chân bước ngắn và lẹ, tướng Võ Nguyên Giáp, tới đài quan sát tiền phương được bố trí cẩn mật trên một mé núi cao. Như thường lệ, vị tư lệnh khó tính của Việt Minh nhất định phải kiểm tra tới hai lần những dữ kiện mới nhất ông vừa nhận được. Lật nhẩn nại chờ trong khi Võ Nguyên Giáp xoay xoay cặp ống nhòm đã chiến loại cực mạnh, rà soát khắp mọi ngõ ngách chiến trường để nhìn đi nhìn lại, nhìn thật kỹ tập đoàn cứ điểm tan hoang của quân Pháp.

Thậm chí bằng đôi mắt trần, Lật cũng có thể thấy rõ rằng những đợt xung phong ào ạt bằng bộ binh theo sau những loạt pháo kích phủ đầu diễn ra liên tục suốt đêm qua đã dồn binh đoàn Pháp tới thời điểm hoàn toàn sụp đổ. Khắp nơi hỗn độn tràn lan và chất ngất những dấu hiệu tàn phá.

Cơn mưa mùa ào ạt trước lúc rạng sáng làm ngập ngụa thêm các chiến hào phòng ngự. Nước tràn vào các lô cốt sâu cả thước. Cái hồ rộng mênh mông và sâu hoắm, hậu quả của quả bộc phá khổng lồ chôn trong đường hầm chân đồi A1, ngập nước tới một nửa. Trên đỉnh đồi, lá cờ đỏ sao vàng của Việt Minh từ bên trong bức tường đồ nát của tư thất công sứ cũ chia thắng lên trời, bay phấp phật trong gió. Rõ ràng quân Pháp không còn khả năng phản công tái chiếm cứ điểm A1, một vị trí trọng yếu nhìn xuống toàn cảnh trung tâm chỉ huy của họ.

Lật cũng có thể thấy khúc nước cạn của sông Nậm Rốm lúc này nghẽn đầy tử thi của cả hai phe. Dọc hai bên bờ, không còn chiếc xe vận tải hay xe cứu thương nào chạy. Dù máy bay Dakota cất cánh từ Hà Nội lên vẫn thả dù thực phẩm hành quân hằng ngày, không một lính Pháp kiệt sức và đói lả nào dám bò ra khỏi hố phòng ngự sên sệt bùn để lượm đồ tiếp tế. Đằng sau phòng tuyến của Việt Minh, nơi bìa rừng, lô nhô lính Pháp bị bắt đêm qua, hai tay bị trói quặt bằng dây rừng. Cả mấy trăm tù binh ngồi xếp hàng thành từng cụm, im lặng cúi mặt chờ giờ giải tới chỗ tập trung sâu trong rừng.

Nhìn xuống lòng chảo, Lật không thể tiếp tục giấu vẻ hào hứng đang long lanh trong mắt:

- Rốt cuộc, chúng ta có thể đặt vào lòng bàn tay các đồng chí đại biểu tại Hội nghị Genève đúng lá bài các đồng chí ấy đang cần để mặc cả, đúng vậy không đồng chí đại tướng? Chắc chắn lúc này nước Pháp chẳng còn lối nào thoát.

Hạ ống nhòm đã chiến xuống, Võ Nguyên Giáp gật đầu:

- Đúng thế. Thời điểm tới lúc chín muồi. Rõ ràng đang có dấu hiệu hoang mang tột độ trong hàng ngũ chúng nó.

Vừa nói Võ Nguyên Giáp vừa thêm lần nữa ngược mắt nhìn quá các đám mây đang bay theo chiều gió. Bên trên chúng thấp thoáng bóng Phi đội Hải quân Pháp vẫn thả bom xuống các giao thông hào có Việt Minh. Lật đoán hắn Giáp đang suy xét không biết vào giờ cuối này, các chiến đấu cơ khổng lồ của Mỹ có tham chiến để cứu vãn binh đoàn Pháp không.

Những tường thuật của báo chí phương tây trong mấy tuần lễ vừa qua cho thấy Pháp đang mưu tìm sự cứu viện khẩn cấp của Hoa Kỳ. Nhưng tại thủ đô Washington, cả tổng thống Eisenhower lẫn các nhà lãnh đạo quốc hội đều không muốn đi trước một bước bằng những cuộc không tập nặng nề xuất phát từ các căn cứ không quân ở Phi Luật Tân khi chưa có được sự ủng hộ hoàn toàn của Anh và các đồng minh hàng đầu trong Liên hiệp Anh.

Tuy nhiên, thủ tướng Anh Winston Churchill đã đích thân tuyên bố cương quyết chống lại sự can thiệp ấy vì một hành động như thế có thể châm ngòi cho một cuộc xung đột mới trên toàn thế giới. Và lúc này, các ngoại trưởng Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Trung Quốc và Nga đã bắt đầu hội họp ở Genève để thảo luận về hoà bình tại châu Á. Các phái đoàn dành hai tuần lễ vừa qua cho vấn đề Triều Tiên, nơi các bên tham chiến đã ký kết ngừng bắn vào tháng Sáu năm 1953, nhưng họ vẫn không đúc kết được một thoả thuận nào cho xứ sở đông á bị phân chia một cách cay đắng đó. Và theo nghị trình, hội nghị sẽ xoay qua thảo luận vấn đề Đông Dương kể từ mùng 8 tháng Năm, đúng vào ngày mai.

Lật nói giọng trấn an:

- Đồng chí đại tướng ạ, nếu Mỹ có ý định gọi máy bay tới oanh tạc các vị trí của ta, chắc chắn chúng đã làm ngay sáng nay. Theo ý kiến của các đồng chí cố vấn Trung Quốc, nếu Mỹ để qua tới ngày mai, khi ngồi vào bàn hội nghị với Liên Xô và Trung Quốc rồi mới đem bom đi thả, thì thật chẳng có ý nghĩa chút nào.

Trên vẻ mặt khắc khổ của Võ Nguyên Giáp nở một nụ cười xác nhận rằng người chính ủy bộ tư lệnh đã phát biểu chính xác tâm tư của mình. Ông thêm lần nữa nâng ống nhòm lên mắt, nói nhẹ nhõm, như thể đọc ý nghĩ của ông ra thành từng tiếng:

- Không có sự giúp đỡ từ bên ngoài, hầu như binh đoàn Pháp chỉ còn một chọn lựa độc nhất là đầu hàng.

Ông lại thận trọng rà soát tỉ mỉ khắp thung lũng. Cặp chân mày của ông nhíu lại, hằn nét suy nghĩ. Kế đó, ông cho ống nhòm vào hộp, đột ngột quay lưng lại với chiến trường. Ông mím chặt môi, gục gặc đầu rồi quay sang Lật, ông nói quả quyết:

- Chúng ta thực hiện quyết định tối hậu trong cuộc họp của các đồng chí cố vấn cùng bộ tư lệnh khuya qua: tấn công dứt điểm. Và đây là lệnh của tôi: "Bám sát quân địch!" Đồng chí cho truyền tin lệnh đó tới hết thầy các chính ủy đại đoàn và trung đoàn. Nói với các đồng chí

ấy rằng phải bao vây thật chặt khi bộ đội ta tiến sát vào nhằm tiêu diệt chúng. Không để bất cứ tên địch nào chạy thoát.

- Thật sung sướng được truyền đi mệnh lệnh dứt điểm trận đánh như thế.

Lật nói với vẻ mặt rạng ngời một nụ cười mãn nguyện khi cả hai quay về bàn doanh bộ tư lệnh ẩn sâu trong các hang đá bên cạnh một thác nước.

- Đồng chí đại tướng ạ, từ lúc xảy ra cuộc bỏ bom ở Vinh tới nay đã hai mươi bốn năm, tôi ngày nào cũng chờ đợi một bình minh như hôm nay. Suốt những năm dài ấy, hễ lúc nào thấy quyết tâm của mình dao động, tôi lại nhắm mắt tưởng tượng những hình ảnh kinh hoàng khi bọn Tây dội bom những nông dân đang tuần hành, trên tay không có vũ khí. Chừng nào còn sống chừng ấy tôi còn nhớ mãi về mặt kinh hoàng và tiếng gào rú hãi hùng của những người tử nạn đó.

Võ Nguyên Giáp dừng chân, vỗ vai Lật:

- Vào thời điểm này, hẳn ai trong quân đội ta cũng đang hồi tưởng và tưởng tượng những lần roi trong quá khứ - và những đau xót tiếc nhớ thuở trước giờ đây sống động trở lại, tươi rói. Anh có nhớ vợ tôi đã chết thảm trong một nhà giam của bọn Tây không?

Nhìn trân trối vị tướng tư lệnh, Lật tự hỏi phải chăng bằng trực giác, ông đang nắm bắt được những cảm xúc sâu xa và thiết thân anh cố không để lộ ra mặt. Lật nói với giọng đồng thuận:

- Có lẽ không thể tránh khỏi những hy sinh ghê gớm một khi đã quyết tâm cống hiến bản thân cho một nguyên cơ cao quý như chính nghĩa của chúng ta. Chính Hồ Chủ tịch là người đầu tiên làm cho tôi nhận ra điều đó. Nhưng ở đây, tại Điện Biên Phủ này, ta thấy rõ tất cả những năm dài đau thương ấy rất đáng giá.

Võ Nguyên Giáp gật đầu thừa nhận những tình cảm của Lật nhưng không trao đổi ý kiến. Mím cười tự tại, Lật đưa bọc giấy anh đang cầm trong tay lên:

- Nhưng cuối cùng, một chọn lựa dẫu sai lầm cũng có thể hữu ích. Nó giúp chúng ta hiểu rõ hơn bản thân và những người chung quanh. Nó còn dạy cho tôi về tầm quan trọng của sự tinh tế. Tôi e mình phải xin lỗi đồng chí về việc trưng dụng một chiếc xe đạp thô quý báu của chúng ta, để mang cái này và một máy hát từ Hà Nội lên đây. Nhưng tôi hy vọng đồng chí sẽ đồng ý rằng việc làm ấy đáng giá.

Võ Nguyên Giáp nhú mày, có vẻ sốt ruột:

- Chính xác nó là cái gì vậy, đồng chí Lật?

- Nó là đĩa hát "*Chant des Partisans*" - "*Bài Ca Người Du Kích*", do Edith Piaf hát. Tôi nghĩ chúng ta nên phát nó vào máy truyền tin, theo tần số điện đài chỉ huy của địch, trước giờ bắt đầu cuộc tấn công dứt điểm.

Một nụ cười ngưỡng mộ chậm chậm toả khắp khuôn mặt của Võ Nguyên Giáp. Lật nói tiếp:

- Bài ca này nói tới một đạo quân ngoại xâm dã man - những con quạ đen - đang bay trên khắp xứ sở, và kêu gọi nhân dân đứng lên đánh đuổi bọn chúng - đồng chí có nhớ không?

Giáp gật đầu. "*Bài Ca Người Du Kích*" đã trở thành một bài dân ca của nước Pháp trong những tháng khép lại cuộc Thế Chiến Hai và được nhân dân Pháp biết tới như một hành khúc của Kháng chiến Pháp chống bọn Đức Quốc xã. Nhìn mặt đồng hồ đeo nơi cổ tay trái, tổng tư lệnh Việt Minh tính toán tâm lý thật lẹ:

- Nửa giờ nữa bắt đầu cho phát thanh xuống lòng chảo - nó sẽ trùng với thời điểm xung phong tối hậu.

Ba mươi phút sau, Lật ngồi trước máy truyền tin, giám sát việc hiệu thính viên điều chỉnh cho máy hoà vào tần số điện đài chỉ huy của quân Pháp. Kế đó, anh lên giây thiều để máy hát chuẩn bị quay, rồi anh nói rất dịu dàng bằng tiếng Pháp vào ống liên hợp:

- Các cháu thân mến, khoan phá hủy máy truyền tin của mình. Cụ Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn tặng các cháu một bản nhạc: "*Bài Ca Người Du Kích*".

Trong các hầm hố đầy bùn và các lô cốt súng nước khắp trại quân co cụm, lính dù Pháp và lính Lê dương giật mình khi nghe một giọng nữ dòn dập, đầy âm hưởng, vang lên trong hệ thống truyền tin của họ, với tiếng tây ban cầm đệm theo, khích động dòn dập. Tiếng người nữ đệ nhất danh ca Pháp đã đi vào huyền thoại kháng chiến và âm nhạc: "*Đồng đội ơi, giờ đây tự do đang lắng nghe chúng ta...*"

Khi đĩa hát mòn vẹt và cũ kỹ ấy tiếp tục quay chậm chậm trên hang núi cao, Lật mỉm cười với hiệu thính viên, vỗ vai anh ta:

- Đồng chí ạ, hãy cứ chơi tới chơi lui trên tần số đó, chỉ một bản nhạc này thôi - cho tới khi xong trận!

Anh đứng lên, chuẩn bị ra khỏi hang nhưng chừng lại khi có tiếng gọi anh từ khu đặt dây máy truyền tin dã chiến. Ép ống nghe sát tai, anh nhận ra giọng của chính ủy Trung đoàn 59, một trong mười sáu người vừa mới mấy phút trước đây nhận được mệnh lệnh trận đánh sau cùng do anh truyền đi. Giọng ấy nói:

- Đồng chí Lật, một đồng chí đại đội trưởng trong trung đoàn tôi yêu cầu tôi chuyển tới đồng chí một lời thỉnh cầu. Đồng chí ấy muốn tình nguyện tham gia công tác cấm cò của ta lên nóc hầm của tướng Tây chỉ huy trưởng nếu đồng chí có ý định thành lập một toán xung kích đặc biệt.

Lật trả lời ngắn gọn:

- Có. Chúng tôi đang tập hợp một biệt đội tình nguyện. Đồng chí đại đội trưởng ấy tên gì?

Chính ủy Trung đoàn 59 nói:

- Tôi nghĩ đồng chí có biết anh ấy. Đồng chí và người của anh ấy từng kéo khẩu pháo chót lên núi. Tên đồng chí ấy là Ngô Văn Đồng.

Lật trả lời không chút đắn đo:

- Dĩ nhiên biết. Đồng chí Đồng là chiến sĩ dũng cảm nổi tiếng. Anh ấy rất xứng đáng với vinh dự đó.

- 12 -

Trong hầm tham mưu trưởng dưới mặt đất lòng chảo Điện Biên Phủ, đại tá Paul Devraux ngồi đưa mắt nhìn trống rỗng vào vách hầm phủ chiếc chiếu cói trước mặt bàn làm việc của mình. Dù cố không để ý tới nhưng giọng ấm áp xúc động của người nữ danh ca Pháp đang hát "*Bài Ca Người Du Kích*" qua hệ thống truyền tin chỉ huy vẫn làm anh không tập trung nổi tâm trí để chú ý cách riêng vào bản báo cáo buổi sáng về tình hình mặt trận địch.

Khuôn mặt Paul mướt mồ hôi, hốc hác và hằn sâu nét mệt mỏi. Cứ một hai phút, với vẻ khích động, anh lại đưa tay lên ngang lông mày chà xát vòng băng quấn quanh trán.

"Giờ đây, quân thù sẽ biết ngay lập tức giá máu và giá nước mắt của chúng ta!

Vùng lên các bạn ơi, từ những thành thị tan hoang, vùng lên từ những ngọn đồi...

Đêm nay tự do đang lắng nghe chúng ta!"

Qua liên lạc vừa rồi với các chỉ huy trưởng mấy cứ điểm chưa bị đối phương tràn ngập, Paul biết rằng bài ca xúc động này đang có tác dụng như thôi miên các quân nhân của binh đoàn. Trong lòng chiến hào, lính dù Pháp và lính Lê dương mụ mẫm tâm thần, thậm chí còn quần trí hát theo đĩa nhạc. Trên các ngọn đồi thấp thuộc cụm cứ điểm A+ và C+, bài ca ấy rền vang trong tai những người lính Pháp sau chót đang chống trả, trong khi từng đợt xung phong của Việt Minh tràn qua các chiến hào và càn lên các lô-cốt theo với tiếng gió mùa thổi phàn phật. Từng chót rồi từng chót và rồi cả những pháo đài nhỏ kế tiếp nhau sụp đổ bất chấp sự chống trả rất can trường, một mất một còn, của quân phòng ngự. Và tới thời điểm này, vòng đai phòng thủ ở khu trung tâm bị thu hẹp lại, còn nhỏ hơn chu vi một sân vận động bóng đá.

Đang nghe hát, Paul bỗng nhóm chân vì có tiếng kêu lè xè của chiếc máy truyền tin dã chiến đặt sát bên khuỷu tay. Liếc xuống đồng hồ tay, anh thấy gần mười giờ. Không dừng lại để nhắc ống nghe, anh cầm xấp hồ sơ trên bàn lên, lật đặt chạy ra giao thông hào dẫn tới hầm chỉ huy trưởng.

Trên trụ cửa hầm, người ta mới gắn một tấm bảng nhỏ ghi rõ cấp bậc của De Castries lúc này là thiếu tướng. Ông vừa được những thượng cấp bắt lực ở Hà Nội thăng quân hàm mấy hôm trước, cùng với hết thảy các chỉ huy trưởng đơn vị ở Điện Biên Phủ. Thế nhưng các cầu vai mới toanh và sâm-banh thả dùm xuống cho họ uống mừng cấp bậc mới, mịa mai thay, lại rơi vào khu vực chiến hào của đối phương.

Vô tới trong hầm, Paul, lúc này là đại tá thực thụ, thấy De Castries ngồi thờ thẩn với điều thuốc lá ngậm hờ hững trên miệng. Mặc quân phục màu nâu, đội mũ nhà binh bằng vải mềm màu nâu đỏ không vành và có lưỡi trai, kiểu đặc biệt của Trung đoàn Ma-rốc ông từng làm chỉ huy trưởng, De Castries chào viên sĩ quan tham mưu trưởng của mình bằng một cái gật đầu lơ đãng.

Mắt nhìn xuống bản ghi nhận tình hình mặt trận, Paul báo cáo:

- Lúc này địch tập trung hai Sư đoàn 312 và 316 ở cạnh sườn phía đông của ta, cùng với hai trung đoàn tăng phái của Sư đoàn 308. Chúng chỉ giữ lại một trung đoàn đối diện cạnh sườn phía tây của ta. Tổng cộng dường như địch có khả năng sử dụng khoảng ba mươi lăm ngàn quân. Pháo binh địch hiện vẫn là mục tiêu cho không lực ta. Lúc này, có bằng chứng rõ rệt rằng địch đang bố trí và sẽ dùng nhiều hỏa tiễn mới, loại Catiusa của Nga, để phóng vào chúng ta.

Nét mặt và giọng nói của De Castries mang vẻ cam chịu:

- Còn sức mạnh của chúng ta ra sao? Nghĩa là, nếu dùng chữ "sức mạnh" đúng với ý nghĩa của nó.

- Tôi đa bốn ngàn người còn khả năng chiến đấu.

Paul ngừng nói, trở mu bàn tay lên chậm chậm quét ngang khuôn mặt đầm mồ hôi. Đầu anh nhúc nhúc như bị nện búa, mắt thấy lập lờ chớp nháy và thị giác thỉnh thoảng mờ hẳn:

- Nhưng ngay cả lính dù và lính Lê dương gan góc nhất cũng không thể chiến đấu lâu thêm nữa trong tình trạng thiếu ngủ thiếu ăn. Tóm lại, có lẽ ba đại đội Khinh binh Ma-rốc sẽ không chiến đấu nữa; các tiểu đoàn lính sắc tộc Thái cũng vậy. Chỉ có các đơn vị nhảy dù người Việt của Quân đội Quốc gia vẫn cố cầm cự. Ngoài ra, chỉ còn hai đại đội của Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 2 Dù Lê dương cùng hai đại đội của Tiểu đoàn 8 Dù Xung Kích Pháp...

De Castries vẫy tay ra hiệu Paul dừng lại, với ngụ ý anh nên để lại xấp hồ sơ trên bàn cho ông đọc sau. Ông nói như lầm bầm:

- Với tất cả những gì hiện có, chúng ta phải chiến đấu bằng mọi giá để giữ vững bờ sông phía tây, bằng không, chúng ta không còn thức ăn và nước uống. Những đơn vị nào còn khả năng đột kích nên chuẩn bị khởi sự bung ra đêm nay.

Cảm thấy người xây xẩm lão đảo, Paul đưa tay chống lên mặt bàn, giữ cho mình đứng vững:

- Trình thiếu tướng, tôi e rằng hiện có nhiều người không còn đủ sức khoẻ để chiến đấu phá vòng vây và băng rừng - nếu giả dụ chúng ta còn cầm cự nổi tới lúc trời tối. Thiếu tướng thấy, trong một giờ đồng hồ vừa qua, ta thất thủ thêm ba đồi trong cụm cứ điểm Elaine.

De Castries ngược mắt nhìn thật lệ tham mưu trưởng:

- Anh cảm thấy trong mình không được khoẻ?

Trước mắt Paul, bộ mặt của thượng cấp hình như rạn ra từng mảnh. Anh lắc lắc đầu để nhìn cho rõ:

- Trình thiếu tướng, cũng như những người khác, tôi nghĩ mình thiếu ngủ quá, chỉ vậy thôi.

De Castries nói trầm giọng:

- Có lẽ còn hơn thế nữa. Trông anh như thể đang sốt. Anh về hầm, rán ngủ một giờ. Tôi sẽ sai người qua đánh thức nếu có việc cần kíp.

Về lại hầm, Paul ngã người xuống giường xếp, kéo mền lên đắp và nằm run lập cập. Anh gần như rơi ngay vào một giấc ngủ lơ mơ và nhọc nhằn. Trong khi bình bồng giữa trạng thái chập chờn mê mụ nửa ngủ nửa thức, những ý nghĩ từng bị anh phần đầu nén kín kể từ lúc Joseph ra đi, giờ đây tràn ngập trở lại tâm trí anh.

Trong tám tuần lễ liên tục, đây là khoảnh khắc đầu tiên Paul thoát khỏi tình trạng căng thẳng thần kinh quá độ trong việc phụ tá chỉ huy công cuộc phòng ngự đầy tuyệt vọng tại lòng chảo. Vì thế, đây cũng là lúc anh ném trải thêm lần nữa nỗi đau đớn dữ dội trong cơn cuồng nộ hiều sát từng siết chặt anh lần đầu khi tâm tư anh bắt đầu thấm thía ý nghĩa những lời thú tội của Joseph.

Tuy đã từ lâu, tình vợ chồng của Paul và Lan không mặn nồng nhưng sự việc nàng, dù bất chợt hoặc hữu ý, không giữ lời thề chung thủy, lại còn phản bội với một kẻ anh hằng cảm mến sâu xa, đã làm anh choáng váng tột độ. Rồi cơn cuồng nộ ban đầu ấy về sau hạ hỏa, hóa thành một tâm trạng u uất mịt mù. Từ đó, hình ảnh không chịu đựng nổi về những cuộc gặp gỡ vụng trộm của Lan và Joseph ám ảnh tâm trí Paul suốt ngày đêm. Và lúc này, trong cơn mê hầm hập sốt, anh thấy chập chờn không biết bao nhiêu lần cả hai đang lỏa thể, đắm đuối và quần quai trong vòng tay nhau.

Thân thể hư hao vì thấm thía cảm giác bất lực và mất mát, Paul đâm ra thờ ơ với sự an nguy của bản thân từ lúc nào không biết. Mấy ngày vừa qua, khi con số thương vong của sĩ quan trong binh đoàn lên cao, anh tình nguyện đích thân chỉ huy cuộc phản công lên cụm đồi cứ điểm Huguette. Sự liều lĩnh xem thường mạng sống của Paul đã chặn được phần nào cơn thủy triều đang dâng trên chiến địa và mang về cho đơn vị một chuỗi chiến công đáng kinh ngạc.

Cuối cùng, tình trạng quay trở về hành động ấy khôi phục trong Paul niềm tin rằng mình có khả năng làm lại cuộc đời. Rồi dần dà, trong anh phát sinh một quyết tâm mới mẻ và kiên cường rằng dù có xảy tới điều gì đi nữa, mình phải sống sót trong cơn nước lũ đang cuốn phăng Điện Biên Phủ. Và mình phải trở về Sài Gòn.

Ở đó, anh sẽ đối mặt với Lan và Joseph. Anh sẽ làm cho Lan thấy vẫn còn một tương lai cho cả hai vợ chồng và đưa con trai, cho dù tương lai đó ở Pháp. Nếu cuộc hôn nhân được cứu vãn, nếu anh và Lan thoát khỏi tình trạng nứt rạn và liêu xiêu bởi chiến tranh và chính trị, anh sẽ thấy quả thật mình hợp tình hợp lý. Ít ra mình cũng chứng minh được rằng những thiên hướng của mình, ngay từ đầu, không sai lầm chút nào, và rằng từ nay, chắc chắn mình có khả năng làm lại và thế nào cũng sẽ đạt kết quả.

Cái làm cho Paul đau nhức không phải bởi vết thương trong các cuộc đụng độ dữ dội mấy ngày vừa qua nhưng bởi vết thương cũ trên đầu, xảy tới trong buổi sáng xuất kích với Joseph. Nó khiến anh càng ngày càng cảm thấy khó ở. Bác sĩ giải phẫu của binh đoàn rút cuộc đã phát hiện một miếng lựu đạn nhỏ li ti không đáng để ý, vẫn còn nằm trong xương sọ của anh. Dù người ta có gấp được nó ra, Paul vẫn tiếp tục bị nhức đầu tới độ mất đồ đom đóm. Nhưng quyết tâm sống sót và ý chí thực hiện các dự tính mới, giúp anh giấu được những người chung quanh cơn đau nhức đang hành hạ mình.

Vì lúc này bệnh viện đã chiến ngằm dưới đất và các giao thông hào chung quanh nó đầy ứ hàng trăm thương binh với một nhóm y sĩ giải phẫu lã người vì mỗ xẻ, giữa hàng đồng ghê rợn tay chân bị cắt bỏ, Paul chỉ còn một chọn lựa là đành phải tiếp tục phần vụ tham mưu trưởng của mình. Đương cự với cơn sốt bắt đầu hoành hành từ hai ba ngày nay, Paul chúi mũi

vào công việc với một hy vọng mới. Anh kỳ vọng rằng nhờ thể mình sẽ tổng khứ được con sót, nhưng giờ đây, nằng run lầy bầy trong chẵn, anh biết mình đang thua cuộc đấu.

Khi tiếng hát của người nữ danh ca kể lể và lặp đi lặp lại hình ảnh "bầy quạ đen đang làm u ám các cánh đồng" và "tiếng quê hương đang rên siết trong xiềng xích", Paul bắt đầu có ấn tượng mình đang nghe trong hầm tràn ngập tiếng đập cánh báo hiệu điềm xấu cùng tiếng xích sắt đang kêu lách cách. Và khi cảm thấy có bàn tay ai đó thỉnh thoảng vuốt vai mình, anh bất giác thét lên, ngồi bật dậy, cảnh giác.

Viên sĩ quan phụ tá thăm thì:

- Trình đại tá, đã hơn ba giờ chiều. Bọn Việt bắt đầu vượt sông. Tướng De Castries triệu tập họp khẩn cấp các chỉ huy trưởng cao cấp của binh đoàn.

Cám ơn viên sĩ quan thuộc quyền, Paul vội vã dập nước lên mặt rồi đi loạng choạng men theo giao thông hào tới dự cuộc họp bộ chỉ huy.

Tiếng đạn pháo rít trên đầu và tiếng bộc phá nổ ngay trên hầm chỉ huy trưởng làm mặt đất như gầm rú và rung chuyển liên tục khiến rất khó thảo luận. Nhưng cảnh tượng những bộ mặt căng thẳng phờ phạc của các chỉ huy trưởng khác trong binh đoàn cũng đủ nói cho Paul biết, ngay từ lúc mới bước vào, rằng trong khi anh ngủ, tình hình suy sụp không cách gì cứu vãn.

Đại tá Langlais nói với giọng ảm đạm:

- Chúng ta không còn chọn lựa nào khác. Ở đây, ngay cả vị trí chính này, cũng sẽ không còn giữ nổi cho tới khi đêm xuống. Điều đó có nghĩa không thể nào tổ chức được cuộc đột phá vòng vây. Thương binh và các đơn vị hết đạn sẽ bị tàn sát nếu chúng ta không báo cho đối phương biết rằng chúng ta có ý định chấm dứt ngay việc chống cự.

Paul đưa tay áo trần lên quệt mặt, mơ hồ lắng nghe lời thảo luận đầy bút rút về viễn ảnh cay đắng dường nào của sự thất trận mình sắp phải đối mặt. Khi cuộc họp giải tán, tướng De Castries ra hiệu cho anh đứng lại chờ:

- Anh còn đủ sức khoẻ để xử lý tình hình tổng quát giờ chót không?

Ông hỏi với giọng cam chịu. Paul gật đầu.

- Tốt - vậy chuyển ngay quân lệnh này tới các đơn vị: "Thừa lệnh thiếu tướng chỉ huy trưởng, cuộc ngưng bắn sẽ có hiệu lực vào lúc năm giờ chiều nay ngày 7 tháng Năm năm 1954. Phải phá hủy mọi thiết bị và quân dụng để không có gì rơi vào tay quân địch!" Thế thôi.

Paul bắt đầu đưa tay lên theo tư thế chào đúng quân cách và chung cuộc nhưng De Castries mặt trắng bệch đằng sau cặp kính dâm ông vẫn đeo suốt cuộc họp, quay lưng lại, không để ý nữa. Tới khi Paul sắp sửa nghiêng mình lách qua màn cửa, ông nói, điềm tĩnh, không ngoái lui:

- Ông bạn ạ, đừng quên đốt chiếc mũ bê-rê đỏ trước khi chúng nó vô tới đây, nhớ không? Những người khác đều làm như vậy, và việc đó có thể cứu họ thoát chết. Đối phương có lý do chính đáng để chẳng yêu thương gì lính dù.

Trong một thoáng, Paul sững người nhìn chăm chăm vào lưng vị chỉ huy trưởng nhưng De Castries vẫn không quay lại đối mặt anh. Rồi Paul lật đật đi ra, không nói một lời. Kể từ khi thức dậy sau giấc ngủ chập chờn, cơn sốt của anh hình như có giảm. Nhưng sau khi về lại hầm và truyền mệnh lệnh ngừng bắn cho mấy đơn vị ít ỏi đang cầm cự bên ngoài, anh bắt đầu run cầm cập; mồ hôi lại tuôn đầm dề.

Cố tập trung chú ý vào đồng giấy tờ bụi bặm trên bàn, Paul thấy mình đang đọc lại lời tuyên dương được Hà Nội gởi tới mười ngày trước đây khi toàn thể binh đoàn được tướng thưởng Chiến công Thập tự Bội tinh, rằng: "Lòng dũng cảm của họ sẽ mãi mãi là gương mẫu". Nhưng khi nhìn hàng chữ ấy, Paul lại thấy chúng nháy múa trước mắt. Anh chụp tờ tuyên dương, vừa lăm bắm chữ thề trong cổ họng vừa vo tròn thành một trái banh.

Bản "Bài Ca Người Du Kích" đang êm ái và miên man cất tiếng trong ống liên hợp máy truyền tin lúc này thường bị gián đoạn bởi giọng thảng thốt của lính dù và lính Lê dương. Họ báo cáo đang phá hủy vũ khí và máy truyền tin vì quân địch áp rất sát. Vũ khí bộ binh bị dí mũi súng xuống đất rồi bóp cò cho toác nòng. Lựu đạn được ném vào các pháo khẩu trên xe tăng và vào các cơ phận trọng pháo để làm chúng không sử dụng được nữa. Công điện từ các vị trí còn giữ được ưu thế báo cáo bộ đội Việt Minh bắt đầu tràn qua chỗ cạn nước trên sông Nậm Rôm và rằng lính An-giê-ri, lính Ma-rốc trước đây đào ngũ núp trong các hang hốc dọc bờ sông giờ đây phát lá cờ trắng đầu hàng làm bằng những mảnh vải dù rơi rải rác.

Vừa nghe báo cáo Paul vừa bóp chặt hai nắm tay lại rồi chậm chậm thả ra, buông dọc hai bên thân mình. Kế đó, anh vội vàng lục lọi trong đồng giấy tờ và biểu đồ cho tới khi mò ra tấm bản đồ nhỏ bằng lụa vùng tây bắc Bắc Việt, vẽ chi tiết những hẻm núi hẹp dẫn sang Lào. Cởi chiếc giày trần bên trái ra, anh cẩn thận quần bản đồ vào bắp chân, kéo bít tất phủ lên trên. Rồi anh nhét vào ống giày bên phải chiếc la bàn nhỏ.

Cử động rần rức đó làm Paul lại cảm thấy hoa mắt, phải thả người ngồi xuống cho qua cơn chóng mặt. Vẫn run lẩy bẩy, anh đốt các sỏ tay cá nhân trong một cái soong thiếc rồi cho thêm vào ngọn lửa ấy một bó thư của Lan, từng tờ, từng tờ một. Trong khi lửa liếm những trang thư, về mặt Paul đánh lại quả quyết. Thậm chí khi cảm lên tấm ảnh của vợ đang tươi cười, ánh mắt sốt bùng bùng của anh chỉ đậu lại trên gương mặt xinh đẹp ấy trong vài giây rồi anh cho luôn vào lửa.

Khi ngọn lửa sắp tàn, ánh mắt Paul rơi đúng chiếc mũ bê-rê đỏ nằm trên bàn, bên cạnh soong thiếc. Nhớ lại lời thúc giục sau cùng của chỉ huy trưởng, Paul đưa tay chạm vào mũ, nhưng anh rút tay. Đứng dậy, anh cẩn trọng đặt chiếc mũ bê-rê lên đầu và bất giác kéo lệch nó nghiêng một bên mắt theo kiểu cách ngang tàng anh thường đội.

Paul nghe bên ngoài có tiếng người nói lớn, rì rào và hoang mang. Rồi vài tiếng nói rời rạc bằng tiếng Pháp: "Chúng nó tới!" Một loạt đạn vang lên lạc lõng. Tiếp theo, có tiếng chân dép chạy rầm rập trên nóc hầm. Paul rút súng lục, bước tới máy truyền tin. Sau khi xả hết kẹp đạn vào dải nút trắng, anh trở ngược nòng, dùng báng súng đập tan máy.

Vào khoảnh khắc đó, ngay bên trên hầm của Paul, Ngô Văn Đồng kẹp dưới nách trái lá cờ Việt Minh cuộn lại, đang chạy giữa một biệt đội mặc quân phục màu xanh lá cây vui mừng tỏ mở. Quanh cổ Đồng quàng sợi dây đeo khẩu tiểu liên xung phong của Nga gắn sẵn băng đạn cong. Bàn tay phải anh nâng súng lên chĩa ra phía trước trong tư thế sẵn sàng nhả đạn. Vọt lên mái thép cong queo và các bao cát lở chỗ vết đạn, Đồng cầm ngọn cờ Việt Minh xuống mặt

cát. Rồi anh dựng lên, giữ chặt trong khi đồng đội chêm bao cát và đồ dẫn dưới gốc cọc để giữ cho lá cờ đứng thật thẳng.

Lúc lá cờ đứng vững vị trí, ba bộ đội Việt Minh ở lại bảo vệ cờ, trong khi chỉ huy trưởng biệt đội dẫn Đồng và các bộ đội còn lại nhảy xuống giao thông hào dẫn tới hầm chỉ huy trưởng bên dưới. Khi bộ đội ào vào, thiếu tướng Christian Marie Ferdinand de la Croix de Castries đứng chờ sẵn trong bộ quân phục trắng nếp với đầy đủ mấy hàng tua huân chương. Thấy đối phương chĩa mũi súng tiểu liên ngay ngực mình, ông nói thật lẹ:

- Đừng bắn!

Vài giây sau, De Castries bị đẩy ra giao thông hào và lúi lũi bờ hào dưới ánh sáng ban ngày, bởi một đám quân thù chen chúc nhau, còn Ngô Văn Đồng tách riêng ra. Túm vai viên trung úy Pháp trẻ tuổi, anh chĩa súng bắt anh ta đứng lại chờ cho tới khi các bộ đội khác trong biệt đội xung kích đi khỏi tầm nghe.

Rồi Đồng gần giọng:

- Thăng tham mưu trưởng Devraux ở đâu? Vị trí của hắn ở đâu?

Viên trung úy kinh hoàng, không nói lời nào, ngập ngừng đưa tay chỉ dọc giao thông hào. Lập tức Đồng lúi trong túi dệt bên thắt lưng ra một quả lựu đạn và lao mình tới.

Bên trong hầm, Paul đang đứng lom khom bên máy truyền tin vỡ nát, cố gượng người trong một cơn choáng váng mới ập đến. Và lúc ấy, anh nghe có tiếng động nơi cửa hầm sau lưng mình. Chậm chậm Paul quay người lại, lờ mờ nhận ra một bộ mặt á đông, đầu đội mũ trận bằng tre đan có gắn phù hiệu đỏ với ngôi sao vàng.

Về phần mình, trong một thoáng, Đồng ngờ ngợ nhìn chăm chặp viên sĩ quan Pháp kiệt sức và bệnh thấy rõ, quanh đầu quấn một vòng băng băng bấu thiêu sát dưới chiếc mũ bê-rê đỏ đội lệch. Kế đó, Đồng bước tới gần hơn, tay trái vẫn nắm chặt quả lựu đạn, và nhận ra Paul. Dù râu ria lởm chồm hai ngày chưa cạo, Paul càng lớn tuổi ngoại hình càng mang những nét giống cha, Đồng hít vào một hơi thật lẹ rồi thở hắt ra:

- Devraux, mày đang ở trong tay Quân đội Nhân dân Việt Nam. Lúc này mày phải tuân lệnh tao.

Paul nheo mắt, cố tập trung tia nhìn vào bộ mặt người bộ đội Việt Minh. Khi nhận ra rõ ràng, anh chậm chậm lắc đầu, hoang mang:

- Đồng, ai sai anh tới đây?

Người Việt Nam đánh mặt lại, uất hận:

- Người mẹ đã chết của tao, người cha đã chết của tao - và Học, thằng em đã chết của tao. Quì xuống! Tao sắp giết mày!

Bên ngoài hầm, sự yên lặng đột nhiên phủ khắp Điện Biên Phủ lần đầu tiên kể từ hai tháng nay. Trong trạng thái mất loá vì cơn đau Paul tự hỏi phải chăng cái mình đang thấy chỉ là

ảo giác. Anh cảm thấy thân thể lại bắt đầu lão đảo, phải níu vào xà gỗ trần hầm để giữ cho khỏi té.

- Đồng ạ, anh đã thắng trận. Các anh xứng đáng với chiến thắng của mình. Cái đó chưa đủ cho anh sao?

- Nó không đủ cho cả nhà đã chết của tao. Quì xuống!

Paul buông tay khỏi xà gỗ và cất chân bước loạng choạng về phía người Việt Nam, hai bàn tay vẫn buông thõng hai bên người.

- Đồng ạ, cuộc chém giết xong rồi. Lúc này hết thấy chúng ta phải bắt đầu thu dọn chiến trường. Tôi là tù binh của anh - nhưng tôi sắp nhập bọn với các tù binh khác.

Đồng đứng chận lại. Mắt đỏ lửa. Đường gân xanh hai bên cổ sần cứng. Tiếng anh gầm lên nghèn nghẹt giữa hai hàm răng siết chặt:

- Tầm bậy! Ai cho mày sống mà làm tù binh? Mẹ tao, em tao, cha tao sa vào tay cha con mày, tại sao lại còn bị chúng mày giết? Tao bảo lần chót. Quì xuống!

Paul vẫn lão đảo bước. Dù vẻ mặt bắt đầu bồn chồn và căng thẳng, tới khoảnh khắc sau cùng Đồng bước sang một bên. Paul tiếp tục nghiêng người chậm chậm đi ngang qua Đồng, tới cửa hầm. Khi Paul đưa bàn tay lên sắp lùa tấm bạt qua một bên, người Việt Nam lại gầm lên, hét anh đứng lại.

Paul lại càng không thêm để ý tới lệnh đó. Và Đồng khai hỏa. Với vẻ mặt méo mó quần quai, người Việt Nam ngoéo chặt ngón tay vào cò súng tiểu liên trong vài giây. Và người sĩ quan Pháp té chúi nhủi vào vách hầm rồi úp mặt xuống mặt đất đầy bùn, không một tiếng kêu và không bao giờ còn cử động.

- 13 -

Vào sáng Thứ Sáu đầu tiên của tháng Bảy, ngồi bên bàn điểm tâm nơi vườn hoa lát gạch bên trong khu vực lộ thiên của Khách sạn Palace Continental ở Sài Gòn, Joseph cố tránh không nhìn xuống đồng hồ đeo tay. Thông thường, mỗi khi ngắm vẻ tươi tắn của mấy bụi hoa thơm ngát và đường nét trang nhã trên các bức tượng dựng xen kẽ nhau trong khu vực bày bàn ăn, anh cảm thấy lòng dịu lại. Nhưng giờ đây, sau một đêm trằn trọc trong phòng ngủ trần cao vời vợi của khách sạn, lần đầu tiên anh cảm thấy buồn ngủ lạ thường dù trời vừa rạng sáng. Cảm giác đó có thể là kết quả của việc không quen thức dậy trễ cùng với tâm trạng bồn chồn nôn nóng sáng nay.

Người hầu bàn tới gần. Joseph gọi dâu tây với bánh mì nhỏ và cà phê như thường lệ. Nhưng khi chiếc đĩa nhỏ đựng loại trái cây màu đỏ thắm ấy vừa được đặt xuống trước mặt, hình ảnh của chúng làm loé lên trong tâm trí anh các vườn rau bậc thềm ngay gần, được chăm sóc cẩn thận trên cao nguyên Đà Lạt nơi chúng được trồng. Và anh cảm thấy mình chẳng thể nào nuốt trôi, dù chỉ một quả.

Kể từ ngày Joseph và Lan trải qua những giờ phút thăm thiết bên nhau trên Đà Lạt tới nay đã gần bốn tháng. Và vì sáng nay là thời điểm chấm dứt mấy tuần lễ khắc khoải trông ngóng, lần

đầu tiên Joseph bắt giắc tự hỏi, với lòng nhói nhói e sợ, rằng làm sao mình chịu đựng nổi một cuộc sống không có Lan nếu sáng nay, ngược với mọi kỳ vọng của anh, nàng quyết định không chịu kết hôn với anh.

Sau đêm đậm đà bên hồ Xuân Hương, cả Joseph lẫn Lan đều đồng ý tránh không gặp nhau thêm trong thời gian chiến cuộc diễn ra ác liệt tại Điện Biên Phủ. Kể đó, sau khi hay tin Paul bị hạ sát đúng buổi chiều tập đoàn cứ điểm ấy hoàn toàn thất thủ, Joseph chờ thêm một tháng nữa mới liên lạc lại với Lan. Anh biết nếu làm đám cưới tại Sài Gòn, Lan phải theo đúng phong tục của người Việt qui định việc tái giá của quả phụ chỉ hợp cách sau khoảng thời gian cư tang ba năm. Về phần Lan, nàng nói với Joseph rằng nàng cần ít nhất bảy tuần cúng cầu siêu cho vong hồn Paul, sau đó mới có thể thảo luận với gia đình về vấn đề đó. Nàng và cha nàng sẽ nói cho anh biết ý kiến dứt khoát sớm nhất vào đầu tháng Bảy này.

Từ Hồng Kông, Joseph đi bằng phi cơ tới Tân Sơn Nhứt tối qua, để lại Tempe với vẻ mặt trắng bệch nhưng trầm tĩnh cứng cõi. Nàng đang chuẩn bị thu xếp hành lý trở về quê nhà của mình ở Baltimore. Dù Tempe rúng động thấy rõ khi Joseph bất ngờ yêu cầu chấp thuận li dị, nàng phấn đấu lướt qua và lấy lại được sự tự chế của mình. Sự trầm tĩnh của Tempe, thay vì giúp cho Joseph cảm thấy dễ dàng hơn khi ra đi, lại bằng cách nào đó làm tăng mặc cảm phạm tội và khổ sở vốn triền miên dày vò Joseph kể từ hơn ba tháng trước, khi anh đặt chân lên chiếc phi cơ ra khỏi lòng chảo Điện Biên Phủ.

Trong nhiều đêm mất ngủ tiếp theo sau chuyến cuối cùng ghé lại căn cứ quân sự suy sụp đó, Joseph không thể nào gạt khỏi tâm trí hình ảnh Paul đứng hiu quạnh bên ngoài hầm trú ẩn khi chuyến Dakota chót của Hội Chữ Thập Đỏ đưa anh lên thật cao, khuất sau những đám mây đang bay vùn vụt theo gió mùa. Rồi sau khi binh đoàn thất trận được vài ngày, lúc họ và tên của Paul xuất hiện trên danh sách quân nhân tử trận của Hội Chữ Thập Đỏ, Joseph cảm thấy đau đớn khủng khiếp. Anh nằm liệt giường suốt mấy ngày.

Suốt hai tuần lễ kế tiếp, ngày nào Joseph cũng uống cho say, với một lượng rượu còn nhiều hơn thuở làm phi công thời chiến. Trong lơ mơ men rượu, anh gạt khỏi trí óc bất cứ ý nghĩ chớm xuất hiện nào có liên quan tới tương lai. Tới khi cơn đau đớn và nỗi sầu hận lên tới đỉnh điểm, bắt đầu từ từ lắng xuống để chui thật sâu vào bên dưới lớp lớp tiềm thức, Joseph cảm thấy tâm hồn bắt đầu nguôi ngoai. Sau đó, anh phấn chấn trở lại với niềm tin mỗi lúc một mãnh liệt rằng có lẽ từ đầu chí cuối, định mệnh nhất quyết run rủi cho anh thành hôn với Lan. Theo anh, dù gì đi nữa đó là một thực tế đang đòi phải có giải pháp thích đáng, và rốt cuộc dường như mọi sự đã được an bài. Và dần dần, Joseph tin tưởng rằng việc đem Lan và Tuyết đi khỏi Sài Gòn, càng sớm càng tốt, là giải pháp độc nhất để cả ba bỏ lại sau lưng những thảm kịch kinh hoàng của một thời quá khứ.

Tối qua, vừa tới khách sạn Continental, Joseph nhận được mảnh giấy báo tin rằng Lan đang chờ và hẹn sẽ gặp anh nơi tầng trệt của khách sạn này sáng nay lúc mười một giờ. Vì thế, chưa ra khỏi giường, Joseph đã cảm thấy bồn chồn, cứ vài phút lại nhìn kim đồng hồ đeo tay.

Cảm thấy thời gian lơ dờ trôi qua quá chậm và để làm lòng mình vui bớt nôn nóng, Joseph cầm lên tờ báo đặt sẵn trên bàn ăn, tờ Journal de Saigon - Sài Gòn Nhật báo, một tạp chí viết bằng tiếng Pháp, thường được các ký giả ngoại quốc vừa đặt chân tới Việt Nam lật ra để theo kịp các biến cố.

Nội dung bản tin chính nơi trang nhất bao gồm các chi tiết về phong trào cải cách ruộng đất và đấu tố địa chủ được phát động từ tháng Tư năm 1953 tại một số thí điểm ở miền bắc và liên khu 5 Nam Ngãi Bình Phú, thể theo yêu cầu của các cố vấn Trung Quốc. Lúc này, nó được tiến hành tổng quát tại nhiều nơi trên nửa nước Việt Nam phần phía bắc do cán bộ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những đảng viên Đảng Cộng sản đã ra sinh hoạt công khai cách đây ba năm, dưới danh xưng Đảng Lao Động. Đó là một cái tên do chính Stalin đề nghị, sau khi chấp nhận tiếp kiến Hồ Chí Minh và cho Pắc Bó lập quan hệ ngoại giao bình thường với Mát-cơ-va. Theo báo ấy, từ năm 1951, Việt Minh đã cử cán bộ sang Trung Quốc tập huấn cải cách ruộng đất theo đúng đường lối và phương pháp của Mao Trạch Đông. Khi họ về nước, chiến thuật khủng bố và giết chóc được áp dụng rộng rãi nhằm chống lại những thành phần bị qui kết thuộc giai cấp địa chủ. Cho đến nay, có tường trình rằng số người bị giết đã lên tới hàng trăm, trong đó có rất nhiều người từng hiền của cải tích cực ủng hộ kháng chiến, thậm chí có con là cán bộ quân sự cao cấp trong hàng ngũ Việt Minh. Điển hình là bà chủ đồn điền Cát Hanh Long ở Thái Nguyên.

Joseph thờ dài nhớ lại những điều mình đã ghi nhận khi làm phóng viên thời chiến tranh Quốc Cộng ở Trung Hoa. Những phương pháp có mục đích tối hậu là quốc hữu hóa đất đai, tẩy nã văn hóa, thiết lập và củng cố chính quyền gọi là vô sản của vị chủ tịch đảng Cộng sản Trung Quốc ấy đã đưa tới cảnh con người hủy diệt nhau tàn bạo hơn cả thiên tai và mãnh thú vì có tính toán và thâm hiểm. Ở tổng xã nào cũng có cảnh con giết cha, vợ giết chồng, anh em họ hàng giết nhau. Các cán bộ quân sự và chính trị bị qui là con cháu địa chủ, từng đóng góp xương máu cho thời kỳ chiến tranh của đảng, nay bị tước đoạt công trạng, trở thành những con cá nằm trên tấm thớt của những đảng viên tham tàn. Trong bối cảnh đó, căn bản tín ngưỡng, đạo lý và thuần phong mỹ tục ở làng xã vốn là đơn vị tạo thành sức mạnh của dân tộc, cùng với sự tín nhiệm và bao dung giữa người và người vốn là nền tảng của xã hội, cũng như cuộc sống phong phú tâm linh thanh đạm vật chất và tình nghĩa đồng bào của người á đông suốt mấy ngàn năm nay, đều bị đảng cộng sản phá hoại tới tận nền móng. Rốt cuộc, một khi tình làng khô héo, nghĩa nước cũng phai tàn và xã hội trở thành một lò lửa trên đó người thiêu nướng người đủ mọi hình thức.

Đặc biệt từ đầu, đảng cộng sản với chủ lực gồm những cá nhân bên ngoài có vẻ hiền lành chất phác, nhưng một khi ngồi với nhau thành guồng máy, dù chỉ ở cấp tiểu tổ, họ trở nên hiểm độc và tàn bạo. Họ từng thoải mái sử dụng những phần tử bất hảo làm nắm đấm trong cuộc lùng và diệt đối thủ từ lúc khởi đầu cuộc cách mạng mùa thu 1945, tại các thành phố lớn như Sài Gòn, Hà Nội và Huế cũng như tận các thôn làng heo hút. Sau đó, trong chín năm chống Pháp và vận động quần chúng nông dân, đảng trở thành một tổ chức khủng bố chuyên nghiệp. Lòng trong tuyên truyền sách động, chiến thuật chủ yếu vẫn là uy hiếp tâm lý và thể lý của dân chúng: khủng bố khắp nơi, mọi lúc và đủ mọi hình thức.

Là những kẻ đấu tranh chủ yếu bằng khủng bố nhân dân và hủy diệt đối phương, khi tiếp nhận chính quyền, đội ngũ lãnh đạo ấy chỉ thay đổi y trang trên phong màn mới trong khi tâm chất của họ vẫn y nguyên. Như thế, tình trạng trấn áp những người dân bất mãn, khác chính kiến hoặc không chung quyền lợi với giai cấp thống trị mới là điều không tránh khỏi, thậm chí sẽ diễn ra ở mức độ toàn diện, thô bạo và độc hiểm hơn trước đây. Những hành động tham lam, nông cạn, giáo điều và trả hận của những kẻ có tâm chất khủng bố đó sẽ đưa tới đau thương tan nát cho vô vàn con người, gia đình và dòng họ. Rồi hận thù lại tiếp tục truyền hạt giống độc địa xuống nhiều thế hệ và lan tràn khắp Việt Nam, một xứ sở Joseph đã và đang gắn chặt mình vào định mệnh của nó với những hệ lụy đầy thương cảm.

Tới nay, Hội nghị Genève về Đông Dương của các nhà lãnh đạo thế giới thảo luận suốt hai tháng nay vẫn chưa đưa ra được một hiệp định chính thức. Nhưng rõ ràng chiến thắng Điện Biên Phủ của lực lượng Việt Minh đã buộc Pháp, kể từ thời điểm binh đoàn của họ bại trận, phải bắt đầu mưu tìm ngày đình chiến. Nắm được tình hình đó, cộng sản dùng võ lực để áp đặt nhanh chóng các chính sách khủng bố tàn độc tại những vùng đất rộng lớn nằm trong tầm kiểm soát của họ, cách riêng ở miền bắc.

Cũng đăng trên trang đầu của tờ Journal, một bản tin riêng biệt kể lại làm thế nào thậm chí tại đồng bằng sông Cửu Long ở miền nam, Việt Minh cũng đang mỗi ngày một tự tin hơn vào sức mạnh của họ. Đêm qua, một chương trình phát thanh bí mật loan tin rằng hiện ở những vùng xa khuất của đồng bằng sông Cửu Long, trong các khu vực giải phóng hoặc xôi đậu, cán bộ cộng sản đang thăm dò phản ứng quần chúng để có thể phát động phong trào cải cách ruộng đất. Nó sẽ được tiến hành theo từng giai đoạn một, nhằm triệt hạ các địa chủ, bá hộ, mặc dù hiện nay có vẻ Hội nghị Genève đang kết thúc bằng giải pháp Việt Nam dường như sẽ bị chia thành hai quốc gia với cộng sản cai trị miền bắc và những người không cộng sản cai trị miền nam. Cho tới bây giờ, trong ký ức của nhiều người nam bộ, vẫn còn tươi rói cảm giác kinh hoàng trước những hiện tượng sắt máu xảy ra trong cuộc Nam kỳ Khởi nghĩa năm 1940 và sau đó, ba năm giai đoạn đầu cuộc kháng chiến ở nam bộ, từ 1945 tới 1947.

Joseph cố ép cho mắt mình đọc cho hết các bản tin mới ấy nhưng anh thấy không tập trung nổi vào các chi tiết. Công việc chính của chuyến anh tới Sài Gòn lần này là nhằm chuẩn bị một phóng sự về tâm trạng của thực dân Pháp tiếp theo sau cuộc bại trận nhục nhã tại Điện Biên Phủ. Nhưng vì lòng quá lo nghĩ nên sau vài phút rà soát cặn kẽ nội dung tờ báo, Joseph bứt rứt đứng lên rời bàn ăn. Đi xuyên qua tầng trệt của khách sạn, anh bước xuống đường Catinat với lời hứa thầm rằng sẽ dành riêng chiều nay để bắt tay vào việc chuẩn bị bài báo.

Joseph đi lang thang vô định suốt nửa giờ, đắm mình trong miên man suy nghĩ. Nhưng dù trí óc để tản đâu đâu, anh cũng không thể không thấy ngay trước mắt mình thành phố Sài Gòn từng quen thuộc với anh suốt gần ba mươi năm qua, lúc này thay đổi rất nhiều.

Từ năm 1945 đến nay, trong tám năm trời chiến tranh, ba chục ngàn tây thuộc địa người Pháp, những kẻ ngay sau Thế Chiến Hai tự tái lập mình lên làm chủ nhân ông của Sài Gòn, đang có tình làm ra vẻ không quan tâm tới thời cuộc. Việc trong khi ngồi nhâm nháp cà phê với hai con mắt lăm lét nhìn ra ngoài coi chừng bộc phá hay lựu đạn, bị đánh giá là có "tác phong xấu". Người ta lúc nào cũng cố ý gạt qua một bên, kiêu từ hoặc xem nhẹ việc thảo luận với nhau về Việt Minh, đồng thời, coi các phong trào chống Pháp chỉ là tạp nham, chuyện nhỏ, không thích đáng với cuộc sống đô thị Sài Gòn. Nhưng rồi với biến cố Điện Biên Phủ, hết thấy những thái độ vừa kể thay đổi hẳn.

Khoảng mười ngàn tây thuộc địa đã lên đường bỏ lại Sài Gòn. Hiện nay, vị chủ nhân lúc nào cũng thích bông đùa và thích làm dáng của khách sạn Continental không còn đích thân ra tận tầng trệt chào hỏi khách tới uống cà phê, với vẻ hoa hoè thường lệ. Thay vào đó, Joseph thấy mặt ông nhân nhưu hẳn khi cúi xuống ghé sát một bộ mặt khó đăm đăm khác mà Joseph nhận ra đó là của viên thủ quỹ khách sạn.

Tại quán Cái Chùa - tiệm Café de la Paix - nơi tụ tập những tây thuộc địa kỳ cựu, và tại Bodéga, nơi chủ nhân và những người hầu bàn thường thoải mái rôm rả nói cười, lúc này tùm tùm thành từng nhóm nhỏ, mặt đầy lo lắng với mắt nhìn lén lút và miệng dè dặt.

Thông thường, bản doanh Sở Liêm Phóng ngay đầu đường Catinat với những cửa sổ song sắt nặng nề, hoạt động rộn rịp. Nhưng lúc này, khi Joseph đi ngang, dường như nó đứng im với vẻ tịch mịch bất thường, ra vào chỉ có vài ba người Pháp hoặc người Việt. Sự yên tĩnh vô hình chung đó cho Joseph có cảm tưởng đã tới lúc nó bỏ rơi những trận chiến bí mật và âm u từng được nó tiến hành trong một thời gian rất dài.

Trong dáng điệu của từng người Pháp Joseph gặp trên đường phố, đều mang ít nhiều dấu vết lo sợ. Ngược lại, Joseph thấy những toán người Mỹ càng lúc càng đông, từ Đại sứ quán Hoa Kỳ hoặc các cơ quan khác của chính phủ Mỹ, bước ra đường chân đi ung dung tự tại, không thêm đề ý tới tâm trạng của người Pháp. Với tiếng cười thoải mái và miêng cười tự tin, người Mỹ đang biểu lộ một niềm tin thiên cận và tự mãn rằng chỉ có người Pháp là đáng qui trách cho sự thất bại của Pháp tại một xứ sở chậm tiến như Việt Nam. Bằng thái độ ấy, họ có vẻ muốn nói lên một cách rõ ràng rằng nếu họ, những người Mỹ, tham dự cuộc chiến này, kết quả chắc chắn phải khác hẳn.

Khi bước đi trong nhiệt độ ban ngày càng lúc càng nóng, Joseph bắt đầu tự hỏi phải chăng xứ sở của anh đang chấp nhận, tới một mức nào đó, lối lập luận đơn giản và đầy nguy cơ ấy. Trong thời gian Hội nghị Genève lề mề kéo dài, quân đội Liên hiệp Pháp vẫn giữ vững vị trí tại vùng châu thổ sông Hồng, cao nguyên miền trung cùng với Nam Việt. Rõ ràng người Pháp vẫn muốn tiếp tục cuộc chiến tranh mà về mặt tâm lý, nó đã sụp đổ tại Điện Biên Phủ. Tại lòng chảo đó, không phải chỉ tình cảnh tử trận hoặc bị thương của con số hơn năm ngàn người, phim thời sự của Nga còn cho thấy khoảng mười ngàn người bị bộ đội Việt Minh giải vào trại tù binh với hình hài hốc hác như những bộ xương bê bết bùn. Và hình ảnh đó làm choáng váng nước Pháp và thế giới.

Tại chính quốc, trước đây người Pháp thường dùng dung với cuộc chiến Đông Dương xa lắc xa lơ. Lúc này, sự đột ngột thay đổi ý kiến của công chúng do hậu quả trận đụng độ ở một thung lũng heo hút tận tây bắc Bắc Việt mang ý nghĩa chắc chắn rằng, rốt cuộc nước Pháp sẽ buộc lòng buông bỏ những tàn dư của chế độ thực dân tại vùng đất này.

Thế nhưng ở Genève, trong khi các ngoại trưởng Liên Xô, Anh, Trung Quốc và Pháp thảo luận về tương lai của Đông Dương, vị ngoại trưởng chống cộng kịch liệt của Hoa Kỳ, John Foster Dulles, ngay từ lúc bắt đầu tiến trình thảo luận, lại dứt khoát không dích thân tham dự. Ông chỉ để phụ tá của mình giữ vai trò quan sát. Thái độ đó cho thấy Hoa Kỳ không sẵn lòng ưng thuận việc nhường đất tại Đông Dương cho cộng sản. Và qua mức độ hiện diện ngày càng tăng của Hoa Kỳ tại Sài Gòn, Joseph nhận ra tín hiệu Washington đang dự tính tiếp nối cuộc chiến tại vùng đất lúc này dân chúng Pháp muốn bỏ mặc.

Trong thời gian binh lính phòng ngự Pháp và Việt quốc gia anh dừng chiến đấu tại Điện Biên Phủ để chặn đứng các đại đoàn Việt Minh đông đảo, Joseph thường nhớ lại làm thế nào anh và một nhóm ít ỏi nhân viên OSS đã huấn luyện các du kích quân hạt nhân xộc xệch, những kẻ chỉ trong vòng chưa tới chín năm, nhanh chóng phát triển thành một lực lượng bộ đội khổng lồ.

Joseph cũng thường tự hỏi sự thể sẽ chuyển biến ra sao nếu thuở đó chính phủ Mỹ phúc đáp những lời đề nghị có vẻ thành thật do Hồ Chí Minh đưa ra, đồng thời bắt đầu tin cậy và triển khai sự thiện chí được OSS sở đắc ấy. Giả dụ thuở đó, tổng thống Truman hồi âm một lá trong khoảng nửa tá thư Hồ Chí Minh đã viết để mưu tìm sự giúp đỡ của Hoa Kỳ, chống lại những toan tính của người Pháp nhằm hủy diệt cuộc cách mạng của ông ta - biết đâu giữa Mỹ và Hồ Chí Minh đã có được một loại tình hữu nghị nào đó. Khi Trung Hoa rơi vào tay cộng

sản năm 1949, biết đâu tình hữu nghị ấy có thể quyến dụ được Hồ Chí Minh và những kẻ đi theo ông xa lánh Liên Xô và Trung Cộng, như Tito đã làm tại châu Âu. Và hiện nay, lúc cuộc Chiến Tranh Lạnh ngày càng gia tăng xung động, tương lai của đất nước này sẽ ra sao một khi Hồ Chí Minh đã tuyên bố rõ ràng rằng vận mệnh của Việt Nam gắn liền với vận mệnh của Liên Xô và Trung Cộng?

Lúc này, những phỏng đoán để tìm cách trả lời các vấn nạn đó như thế rõ ràng là vô ích. Hiện có cơ hội mạnh mẽ để chính quyền Hoa Kỳ tiến hành việc điều chỉnh những sai lầm thuở trước, nhưng bằng cách mưu tìm một cuộc đối đầu trực tiếp hơn với Hồ Chí Minh! Trong những ngày thân hữu ngắn ngủi giữa Hồ Chí Minh và Joseph, ông đã thuyết phục anh rằng ông và những người do ông lãnh đạo quyết tâm sửa sai những bất công có thật và cực độ mà nhân dân đã phải chịu trong thời Pháp đô hộ. Joseph hiểu rõ rệt rằng cảm giác sâu xa về những thống khổ truyền kiếp là động cơ quyết liệt cho việc mưu tìm chỗ dựa, chọn lựa phương thế và hình thành sức mạnh của họ. Như thế, đối với Joseph, hành động lao mình một cách bất cẩn vào vũng xoáy chính trị phức tạp nhằm đối đầu với Nga Hoa, như ngoại trưởng Mỹ có vẻ đang nhất quyết, dường như là một cuộc mạo hiểm đã bị kết án rằng sẽ thất bại.

Những hồi ức âm ỉ chôn vùi trong tâm trí khi Joseph đi dạo chỉ khiến anh thêm phần tin tưởng mãnh liệt rằng mình phải đem Lan và Tuyết, nhanh hết sức có thể được, vượt thoát những nguy cơ cụ thể đang nằm trước mặt. Thành linh bị những ý nghĩ ấy không chế, đang soãi bước Joseph bỗng chừng lại, quay ngoắt đi trở về khách sạn Continental.

Nhưng khi anh về tới, nơi tầng trệt khách sạn vẫn chưa có dấu vết nào của Lan dù đã quá mười một giờ. Joseph sốt ruột chờ thêm năm phút rồi lên vào phòng giải khát của khách sạn, cố nói với người gác-dan cho anh dùng máy điện thoại đặt sau quầy. Anh hồi hộp lắng nghe tiếng chuông reo hơn một phút mới có người trong nhà Lan nhắc ông nghe. Và anh hết sức thất vọng vì kẻ trả lời là một người giúp việc trong nhà. Với giọng Pháp lơ lơ, tiếng mất tiếng còn, chị cô giải thích rằng Madame Devraux đã ra khỏi nhà trước đó ít lâu để ghé lại nhà thân phụ có chuyện gấp. Chị chuyển lời Lan xin lỗi và nhắn lại nếu anh có điện thoại đến, hãy nói với anh rằng trong khoảng hơn mười một giờ rưỡi Mademoiselle Lan sẽ tới khách sạn Continental.

Không chịu đựng nổi việc đứng chờ lâu thêm nơi tầng trệt khách sạn, Joseph bước xuống đường Catinat và thêm lần nữa cất chân đi dạo. Lần này anh đi về phía bên tàu nơi bờ sông Sài Gòn. Tới cuối đường Catinat, anh đi thật lẹ qua các quán rượu nhỏ hẹp và diêm dúa của người Corse với âm thanh ồn ào vang ra làm náo động vỉa hè, rồi băng qua đường, anh tới kẻ đá kiên cố bên bờ sông.

Dựa lưng vào một cột trụ buộc dây tàu, Joseph đứng ngắm những con thuyền tam bản lũ lượt ngược xuôi giữa các tàu buôn vượt đại dương, với hi vọng hoạt động sông nước có thể làm lòng mình lắng dịu. Nhưng cảnh tượng rộn ràng náo nhiệt của tàu thuyền và sông nước thay vì giúp tâm tư Joseph thư giãn lại khiến anh nhớ tới Hồng Kông. Rồi dù không nghĩ đến, Joseph lại thấy hình ảnh bộ mặt trắng bệch và ngoan cường của Tempe. Nàng hiện lên trong tâm trí anh, như từ dưới mặt nước ngó lên và nhìn chăm chú vào mắt Joseph khiến anh dù cố hết sức cũng không thể gạt bỏ.

Trong ngôi nhà của Joseph và Tempe ở mồm Peak, Hồng Kông, nàng đứng dựa lưng về phía cửa sổ khi anh báo cho nàng biết cái tin kinh khủng đó. Trong lâu thật lâu Tempe mặt trắng bệch nhưng kiên quyết không hé miệng, cứ để mặc Joseph tiếp tục nói, càng nói càng lắp bắp

cho tới khi anh thấy mình lạc lõng đuối sức. Những biện minh từng được Joseph nghĩ ra hoặc viện dẫn đều yếu ớt vì tận trong thâm tâm, anh biết rằng điều mình đang làm là một báo đáp tồi tệ cho lòng chung thủy và tình yêu Tempe dành cho anh từ trước tới nay.

Cuối cùng, Tempe mở miệng, có vẻ chưa xót hơn giận dữ:

- Té ra cậu bé thuở nào tròn xoe mắt nơi nội điện đặt ngai vua Khải Định cho tới lúc này vẫn đi tìm một vương miện nam ngọc khác, phải không Joseph?

Tempe nói lời ấy với giọng thì thầm run run. Trong một thoáng, mặt nàng sắp co rúm nhưng rồi nàng lấy lại vẻ điềm tĩnh:

- Có phải anh luôn luôn cảm thấy em không làm anh mãn nguyện? Có phải vì em quá bình thường, cụ thể, còn anh, anh luôn luôn khao khát cái ngoại lai huyền ảo, cái không thể nào với tới? Có lẽ anh không đè nén nổi khát vọng đó. Có lẽ nó nằm ngay trong bản tính của anh. Rồi anh biến cơn mộng lãng mạn giữa trưa đó thành một mớ hổ lốn của tình yêu và ân phúc, đam mê và trách nhiệm? Tới một lúc khá lâu trước khi thành người lớn, hầu hết các cậu bé đều vứt bỏ mọi truyện thần tiên để cố sống theo cuộc đời thực tế - nhưng có thể mẹ anh quên dạy anh điều đó hay có dạy mà anh không nhớ!

Rồi vì sắp ứa nước mắt, Tempe bật cười thành tiếng nghẹn nghệt trong cổ họng. Và thật kỳ cục, âm thanh ấy làm Joseph nhớ lại những tiếng nức đầy nhục cảm lúc nào cũng thoát ra trong cổ họng nàng những khi cuộc làm tình của hai người lên tới cực điểm. Tuy không hoàn toàn ý thức nhưng Joseph thường cảm thấy âm thanh đó lúc nào cũng mon man kích thích mình. Rồi bỗng dung nổi giận một cách phi lý, Joseph quay mặt chỗ khác để cố dẫn lòng xuống bằng cách tập trung mắt nhìn vào những chiếc thuyền mảnh và thuyền tam bản lũ lượt xuôi ngược ở chón xa xa.

Tempe bước lại gần anh, giọng êm ái:

-Joseph ạ, có phải mười ba năm trước anh cố tình nói dối em? Anh có nhớ trên chuyến tàu trở về nhà sau buổi lễ khánh thành khu vực triển lãm mới chấp thêm trong nhà bảo tàng không? Hôm đó em hỏi rằng anh có ăn nằm với cô tiểu thư con quan ấy chưa? Em còn nhớ, rất rõ từng tiếng. Anh trả lời với giọng như thể anh hay cô ấy bị sỉ nhục, rằng: "Không. Không có. Các gia đình quan lại người An Nam rất nghiêm khắc về các sự việc thuộc loại như vậy". Trong khi anh nói như thế, đứa con gái của cô ta sinh ra cho anh đã bốn tuổi, phải không? Kể từ giờ phút đó, anh du mình vào cuộc sống dối trá. Nếu hôm đó anh kể hết sự thật với em, anh thành thật với em, chưa chắc chúng ta bị lâm vào tình huống hôm nay.

Xoay mình lại đối mặt Tempe, Joseph chống chế một cách tuyệt vọng:

- Chín năm sau khi xa cô ấy anh mới biết ra mình có con. Em có hiểu như vậy không? Trước đó, anh cố yêu cầu cô ấy thành hôn với anh. Ban đầu cô ấy có vẻ đồng ý. Nhưng sau đó hai tuần lại chấp nhận lấy người khác. Lúc ấy anh hoài nghi không biết cô ấy có quả thật chân tình với anh không.

Tempe cắn môi, gật đầu thật lẹ:

- Và anh quay về xứ sở Hoa Kỳ tìm kiếm một nơi ẩn náu để an ủi mình. Lúc ấy, tận trong thâm tâm mình, em cũng biết có điều gì đó không ổn khi anh muốn làm đám cưới thật gấp,

nhưng em nghĩ mọi sự rồi cũng sẽ đâu vào đó. Joseph ạ, em đã cho anh những gì anh muốn và những gì anh cần - hai đứa con trai kháu khỉnh và một người vợ hết lòng! Một người đàn ông nhiều nghị lực thì đã vì thực tại trước mắt mà để quá khứ lại đằng sau.

Nàng lắc đầu thương xót:

- Nhưng chẳng may người đàn ông đó không phải là anh. Anh mê mãi những bức hình trong sách sử ký và phiêu lưu ký. Anh triền miên khao khát những huyền ảo đầy ma lực của một phương đông đã hớp hồn anh lúc anh mười lăm tuổi. Giờ đây tuổi đã trung niên nhưng anh không thể nào chịu đựng nổi việc mình không còn tiếp tục đi tìm lại cái lâu đài được anh xem là hoa lệ, phải vậy không. Cho dù trước cổng "lâu đài hoa lệ" ấy đang chất một đống ba cái chết: của một tình bạn, của một người bạn, và của một tình vợ chồng mười tám năm!

Lúc ấy Joseph nhắm mắt lại để cảm thấy bớt đau và khỏi thấy vẻ chiếu cố không chịu nổi trên mặt Tempe. Anh thì thầm:

- Tất cả chỉ do bởi việc anh tình cờ trở lại Sài Gòn, biết ra mình có con gái, thấy rõ trong anh mối tình ấy không chút phai nhạt và cũng vì những cái đó, cô ấy không thể sống mặn nồng với chồng. Em hiểu cho anh! Tất cả chỉ là hệ quả của một khởi đầu có tính ngẫu nhiên của định mệnh.

- Joseph, đó cũng chỉ là biện minh. Nhưng em nghĩ rằng việc anh trở lại xứ đó không hoàn toàn do bởi tình cờ.

Nghe vậy, mắt Joseph mở lớn kinh ngạc:

- Em có ý nói gì?

Tempe lắc đầu bối rối:

- Em không biết. Nhưng có điều gì đó không tránh nổi về hết thấy cái chuyện đó. Em nghĩ là em hoàn toàn hiểu rõ rằng anh hẳn sẽ làm một cái gì đó đại loại như thế. Nếu không ở Sài Gòn và không phải với vợ của viên sĩ quan Pháp đó thì sẽ ở Trung Hoa, hoặc với một phụ nữ Ấn Độ nào đó. Anh sẵn sàng đem hết linh hồn mình dặt vào bàn tay một thần nữ mà anh nghĩ có khả năng phục sinh và cứu khổ cứu nạn!

Tempe nói câu đó trong khi cầm trên tay ly rượu vang Pháp. Trong một thoáng Joseph nghĩ có thể nàng đang vượt quá cá tính trung dung, uống một hơi tới đáy ly rượu. Nhưng rồi nàng thờ dãi, bàn tay run lẩy bẩy cố sức từ từ đặt ly xuống bàn như trong một khúc phim quay chậm, và bước ra khỏi phòng. Người nàng hơi cúi, hai tay ôm lấy mình nhưng mắt vẫn nhìn thẳng tới trước.

Một tiếng đồng hồ sau, lúc Joseph từ giã ra sân bay, Tempe điêm trang thật tươi tắn. Nàng lặng lẽ đưa anh một tờ giấy trắng vuông vắn với những dòng chữ nét đều đặn, có đôi chỗ bôi đi xóa lại. Trong đó, nàng tỏ ý xin lỗi vì những câu nói vừa rồi có xúc phạm đến anh hoặc Lan. Nàng viết dù đã sống với nhau mười tám năm nàng vẫn không muốn và không thể nín kéo kẻ xem nàng là một chứng ngại tình cảm. Nàng chấp nhận thực tế ấy và tiến hành thủ tục li dị; anh nên dành cho nàng quyền bảo dưỡng hai con để nàng đem chúng về quê ngoại ở với nàng. Nàng chúc anh ra đi bình an trong Thánh ý Quan phòng. Chờ Joseph đọc xong và gạt đầu, nàng đứng nhìn anh lên đường. Mối Tempe mím chặt, mặt xanh xao nhưng vẫn hoàn

toàn tự chủ. Trên tất cả mọi sự, nàng nhất quyết không để nhỏ giọt nước mắt nào trước mặt Joseph và thậm chí, cho cả Joseph từ nay và về sau.

Và lúc này, khi nhớ lại sự ngoan cường ấy của Tempe, Joseph hồ thẹn tới độ anh không thể đứng lâu thêm trên bến cảng. Quay lưng với mặt nước, nhìn sang mặt tiền của quán cà-phê La Rotonde rồi nhìn dọc theo đại lộ Catinat, Joseph thấy mình đang thêm lần nữa thấy lại quang cảnh lần đầu tiên tới Sài Gòn khi con tàu Avignon chạy men theo lòng sông này ba mươi năm trước. Cũng vẫn hàng cây làm nơi nghỉ trưa cho các cu-li nhai trầu bồm bồm thuoả ấy lúc này vẫn trải bóng trên những đường phố nóng nực. Cũng vẫn hai ngọn tháp song đôi của nhà thờ chánh toà nhô lên thật cao, trông rõ mồn một trên các mái nhà. Đột nhiên, Joseph nghe trong lòng mình trào dâng mối thương thân và thương cảm cho hết thấy những người có liên hệ tới anh.

Làm thế nào một cậu bé thơ ngây mười lăm tuổi, kẻ từng hiểu lầm những con người mệt lã kia là nạn nhân của một cuộc tàn sát, lại được người ta kỳ vọng rằng có thể ứng xử nổi những phức tạp đa đoan của một cuộc đời tiếp liền sau tuổi thơ đó? Người nào và bằng cách nào chuẩn bị cho đứa bé ấy có thể đối phó với hết thấy những cam bẫy khủng khiếp nằm trên con đường nó sẽ đi? Tempe bao giờ cũng tự chủ, trung dung, minh bạch, đúng với kỳ vọng của vị mục sư thân phụ nàng đã đặt vào cái tên cho nàng. Làm sao anh có thể kể hết với Tempe trọn vẹn câu chuyện có liên quan tới cha anh, mẹ anh, Guy và đêm rừng mưa bão làm mọi sự quay cuồng đảo lộn. Sóng phản bội đứa trẻ thơ trong mình hay trung thực với nó, phải chăng đều đưa tới hậu quả phức tạp và đáng trách. Tại sao diễn tiến của một đời người không khác chút nào diễn tiến của một tổ chức của con người: khởi đi với mơ mộng lý tưởng và hoài bão trách nhiệm, để rồi rơi vào tình trạng lạc lối vong thân, cuối cùng nếu không gây tổn thương thì may ra, chỉ còn đủ năng lực duy trì cái sống hiu hắt. Như thế, ai dám bảo con đường loài người đi ngày càng tốt đẹp khi các dân tộc phải kinh qua sa mạc chiến tranh và vũng lầy chính trị với nhiều tan nát của gia đình, xiêu lạc của tình yêu và khổ nạn của tuổi trẻ. Để rồi cuộc, như một chuyện thần thoại: tảng đá sau khi được vác nhọc nhằn lên đỉnh núi lại lăn ngược trở lại chân núi, và người vác đá lại tiếp tục cam chịu vác lên đỉnh, rồi đá lại lăn xuống, rồi người cứ vác đá cứ lăn tới thiên thu bất tận.

Trên đường thả bộ về lại khách sạn Continental, những ý nghĩ âm thầm ấy mãi miết quay cuồng trong tâm trí Joseph. Khi sắp bước hẳn vào tầng trệt khách sạn, anh đột nhiên thấy Lan đang đi dưới hàng me về hướng anh. Lan mặc áo dài lụa trắng hoa văn gọn sóng, hai tà áo như hai cánh bướm vờn quanh chiếc quần trắng. Trên mái tóc thay vì đội khăn tang, nàng chít chiếc khăn lụa xanh nhạt, trông rất giống màu sắc và kiểu khăn đêm tế lễ ở đàn Nam Giao. Và trong khi đi, nàng tíu tít trò chuyện với ai đó đi bên cạnh.

Phải mất một hai giây Joseph mới nhận ra người ấy là thân phụ của Lan. Tuổi gần bảy mươi, hồng hào phượng phi nhờ những năm tháng sống an lành sung túc, Trần VănHiếu lúc này diện bộ vét-tông theo kiểu doanh gia phương Tây, may bằng vải lanh nhạt và đắt tiền, thay cho chiếc áo bào quan lại. Bên trên bộ mặt đầy đặn, tóc ông bạc và hớt gọn gàng. Bộ mặt ông vẫn mang vẻ sắc sảo và đầy cảnh giác như thuở nào nhưng vì mãi tập trung tinh thần vào những gì con gái nói nên ông không nhận thấy Joseph đang từ đám đông người trên thềm cao bước xuống và sắp đi về phía mình.

Thấy Lan nâng khuỷu tay cha, Joseph giật mình. Anh nhớ lại rõ ràng, không thiếu một chi tiết, cảnh nàng ngồi im lìm bên cha với thái độ từ khước anh khi anh từ Hà Nội vào lại Sài

Gòn mười tám năm trước. Kể từ lúc đó tới nay, đây là lần đầu tiên Joseph trông thấy hai cha con nàng bên nhau, và điều đó làm tâm thần anh chói với.

Kể đó, nhận thấy cả hai đang trò chuyện có vẻ tương đắc và vui vẻ, Joseph tin chắc rằng, rốt cuộc, Lan hẳn đã có quyết định có lợi cho anh. Không kèm chế nổi lòng nôn nóng, Joseph bước theo tầng cấp khách sạn xuống vỉa hè để đón cả hai. Và anh suýt ngã vì cú húc của một thiếu niên Việt Nam đang lóng ngóng chạy vội vã dọc theo mé trong vỉa hè.

Cậu thiếu niên ấy trượt chân rồi gượng người lại. Con mắt phóng viên của Joseph tự động dán chặt vào chiếc áo bà ba nâu rộng thùng thình, quần màu lam lem luốc và đôi dép râu mòn vẹt nó mang dưới chân. Thêm nữa, trong cách chạy của nó có điều gì kỳ quái lôi cuốn toàn bộ sự chú ý của Joseph. Lăn vải quần áo bên ngoài của nó tự nhiên trương phồng lên, u một cục, như có một cục gì phình ra mé dưới hông. Và trong khi chạy, hai tay nó ép cứng một bên hông, giữ cho cục u đó nằm yên.

Nhớ lại bản tin đăng trên tờ Journal de Saigon sáng nay, Joseph hốt hoảng hét lên cảnh giác. Anh bắt đầu chạy theo nhưng các đám đông bên ngoài khách sạn không tức thời nhận ra như anh, rằng thiếu niên ấy là một phần tử thiện chiến của biệt đội cảm tử Việt Minh thuộc Trung đoàn 905.

Lúc này, cậu thiếu niên ấy chạy nhanh hơn để thực hiện cuộc ám sát đầu tiên và tiêu biểu nhằm cân đo phản ứng của quần chúng, lấy khí thế cho nghị quyết phát động phong trào cải cách ruộng đất vừa được ban hành. Và Trần VănHiếu, một kẻ hợp tác lâu đời, một địa chủ không ở tại chỗ và là chủ nhân những đồng ruộng mênh mông vùng châu thổ sông Cửu Long, chợt ngược mắt nhìn cậu đội viên cảm tử đứng khoanh khắc nó vung cánh tay định mệnh lên vòng qua cổ ông.

Trong chớp mắt phù du, Joseph thoáng hy vọng là mình làm - rằng cậu thiếu niên ấy chỉ bày tỏ lòng cảm tạ một ơn huệ nào đó mà Trần VănHiếu đã làm cho gia đình nó nơi đồng ruộng. Kể đó, Lan tránh qua một bên. Joseph thấy nụ cười khưng lại trên khuôn mặt nàng khi cậu thiếu niên nhà quê bỗng kẹp cứng cần cổ của Trần VănHiếu và cho bàn tay còn lại lòn vào vạt áo của nó rồi hung hãn giật một cái thật mạnh. Trong chốc lát, cậu bé nông dân ăn mặc tồi tàn và một trong những nhà quý tộc giàu có bậc nhất Việt Nam làm thành một cặp không cân xứng. Cùng vùng vẫy quấy lộn như điên trên hè phố, cả hai đang nhảy múa điệu khiêu vũ của thần chết. Cánh tay người trẻ kẹp chặt cổ họng người già.

Đám đông kinh hãi bắt đầu dạt ra xa. Joseph thấy Lan đang cố lôi cậu thiếu niên ra khỏi cha nàng. Nhưng cậu bé kẹp cứng cổ họng Trần VănHiếu trong khuỷu tay cảm tử của nó, như cậu từng kẹp nhiều "nạn nhân" như thế trong những buổi thực tập tại trại huấn luyện trong rừng. Hai con mắt của người già bắt đầu tròn tròn khiếp đảm. Joseph cố lao mình về phía cả hai nhưng một người đàn bà bán hàng rong cũng hiểu ra sự thật, thất kinh quay lưng bỏ chạy. Đôi quang gánh xoay tròn quất vào anh làm anh té sổng soài xuống rãnh nước.

Quả lựu đạn miêng buộc nơi bắp đùi cậu bé phát nổ chát chúa. Nó hất tung toàn thân Trần VănHiếu và cậu bé lên khỏi mặt đất, rồi cả hai cùng rớt xuống thành một đồng nhầy nhụa. Nhiều người đi ngang cũng gục xuống chung quanh cả hai, dưới con mắt kinh hoàng của đám tây thuộc địa đang ngồi uống cà phê bên trong tầng trệt khách sạn Continental. Máu của người đi ngang trộn với máu của kẻ sát nhân và nạn nhân thành một vũng lênh láng trên vỉa hè.

Nhờ té ngựa người dưới đất khi lựu đạn nổ nên Joseph thoát nạn. Nhưng khi đứng lên và đi loạng choạng tới vị trí vừa xảy ra cuộc ám sát, anh nhìn thấy Lan. Thân thể nàng nằm cách cha nàng khoảng nửa thước, co quắp và rạn vỡ. Anh không thấy được mặt Lan vì nàng nằm sấp trên vỉa hè nhưng chiếc áo lụa trắng nàng mặc biến lệ làng thành màu đỏ thẫm trong ánh nắng chói lọi. Và từ trên đầu chít chiếc khăn xanh kỷ niệm tới khắp chân tay mảnh mai của nàng không có một dấu hiệu động đậy nào.

- 14 -

Đi bên Joseph trong bóng nắng lốm đốm dưới hàng me thẳng tắp hai bên đường Catinat, Tuyết nói giọng rất nhỏ:

- Hẳn cha nghĩ con là người lạnh lùng và vô cảm vì cha chưa bao giờ thấy con khóc. Có lẽ cha nghĩ rằng con bất cần mọi sự, có đúng vậy không?

Xốn xang dưới tia nhìn chăm chú và thách thức của con gái, Joseph trả lời:

- Không, cha không nghĩ như vậy. Cha nghĩ có thể có rất nhiều lý do khiến con muốn giữ kín cảm xúc cho riêng mình.

Joseph nhìn xuống, thấy Tuyết đang ngó lên anh không chớp mắt, và anh nhận ra mình không chận nổi tia mắt ấy.

Tuyết mặc áo dài lụa trắng, loại dày gần như vải bông và hoa văn rất mờ, đầu chít khăn tang trắng với hai đuôi khăn thả dài xuống lưng. Dù Tuyết trong bộ y phục cổ truyền Việt Nam dành cho người vừa mất thân nhân với kiểu thức có ý bày tỏ rằng trong thời gian thương khó, kẻ chịu tang cố tình không để ý tới việc điểm trang, Joseph vẫn thấy vẻ mặt đẹp tự nhiên của con gái làm anh hầu như càng nhìn càng thêm đau đớn.

Suốt buổi lễ mở cửa mộ Lan và thân phụ nàng, Joseph không dám đưa mắt nhìn về hướng con gái. Nhưng sau đó anh yêu cầu nó chiều nay tới gặp anh bên ngoài khách sạn. Lập tức Tuyết tới đúng y giờ đã định.

- Có lẽ cha cần nhớ rằng con đã tự luyện tập thật nhiều để giữ cho mình không khóc mỗi khi cảm thấy tủi thân hoặc gặp điều bất hạnh. Đó là cái có thể trở thành thói quen.

Joseph trả lời một cách khốn khổ:

- Cha có nhận ra cái đó. Và dĩ nhiên nếu con không cảm thấy cực kỳ choáng váng trước sự tử nạn của mẹ con giống hệt như cha cảm thấy, điều đó hoàn toàn chẳng có gì lạ. Nhưng trong lần cuối cùng cha nói chuyện riêng với mẹ, bà ấy có nói với cha rằng thật bất hạnh cho bà vì con phải lớn lên trong hoàn cảnh không hiểu rõ mẹ mình.

Thay cho câu trả lời, Tuyết hất đầu lên, quay nhìn thật lẹ bên kia đại lộ. Nhưng Joseph kịp thấy ánh đau đớn trong mắt con. Anh tiếp tục nói thật êm và nhẹ:

- Nhưng cha yêu cầu con tới đây không phải để nói tới quá khứ và những bất hạnh mà cả cha và mẹ cũng như con đã chịu. Cha muốn bàn với con chuyện tương lai.

- Cha nói như vậy làm con ngạc nhiên. Con cứ tưởng sau tất cả những gì vừa xảy ra, cha sẽ không bao giờ muốn quay lại Sài Gòn.

- Chừng nào con còn ở đây chừng đó cha không bao giờ đi luôn.

Joseph nói câu đó với giọng cực kỳ kích động làm Tuyết kinh ngạc ngược mắt nhìn cha. Anh tiếp:

- Đó là cái cha muốn thảo luận với con. Con có nhớ trong lần gặp gỡ cách đây khoảng bốn tháng, cha có hỏi con một điều. Nhưng lúc nghe, con vội vã quá.

Tuyết lắc đầu bướng bỉnh:

- Không, con không nhớ.

Hít một hơi nhẹ và thật sâu, Joseph nói rất chậm:

- Lúc đó cha đã cố... cha đã tính hỏi con có thích rời Sài Gòn, sống chung một nhà với cha không.

Joseph nói xong, hồi hộp quan sát phản ứng của con. Nhưng Tuyết vẫn nhìn chằm chặp xuống đất, không trả lời. Anh nói thêm thật gấp:

- Cha không có ý nói là ở Hoa Kỳ. Chúng ta có thể sống ở á đông - có thể Singapore, Hồng Kông hay ngay cả Tokyo. Cha có thể thuyết phục tờ báo sắp xếp cho cha lấy bất cứ chỗ nào trong ba chỗ đó làm nơi thường trú. Cha muốn có một nơi nào đó cho con được sống hạnh phúc.

- Tại sao lúc này cha muốn sống với con trong khi suốt chín năm qua cha không bao giờ muốn rước rắc rối vào người? Có phải vì vụ nổ kinh khiếp đó làm cha không thể sống một mình với một lương tâm đắc tội?

Câu hỏi ấy được Tuyết phóng ra với vẻ mặt không thù nghịch. Joseph choáng váng sâu xa vì nội dung và tác động của nó. Anh nghĩ thà mình bị Tuyết gào lớn bên tai cũng còn cảm thấy dễ chịu hơn.

- Tuyết ạ, cha lúc nào cũng lo lắng cho con - ngay từ giây phút cha biết ra con có mặt trên đời này. Kể từ lúc đó, cha luôn luôn gởi tiền cho con. Cha nghĩ con đã biết việc đó.

Tuyết mỉm cười, giọng thách thức:

- Tiền! Có phải hết thấy người Mỹ đều nghĩ cứ dùng tiền là có thể giải quyết mọi sự trên thế gian? Tiền trong trương mục ngân hàng có nghĩa lý gì khi con cái không được ở với cha mẹ, không được cha mẹ nuôi dưỡng!

Nhìn từng đoàn xe xích lô nối nhau đạp qua, Joseph cảm thấy lòng trào lên cảm giác thất vọng:

- Tuyết ạ, cha ân hận kinh khủng vì trước đây mọi việc diễn ra sai lạc như thế. Trong đời mình, cha đã có vô số quyết định lầm lạc nhưng lúc này cha muốn làm một việc chính đáng cho con.

- Cha có thảo luận việc này với mẹ trước khi bà ấy qua đời không?

Tuyết đặt câu hỏi đó với giọng lưỡng lự nhưng nó lại xem xét nét mặt cha với vẻ chăm chú khác thường.

- Có, cha có thảo luận. Cha và mẹ có nói tới việc này trên Đà Lạt. Cha muốn hai mẹ con tới sống hẳn với cha - cả hai mẹ con, con hiểu không? Cha muốn cả ba chúng ta sống chung với nhau vì đúng ra chúng ta phải sống như vậy ngay từ đầu. Cha muốn chúng ta cùng đi với nhau, thật sự đặc biệt hiểu biết nhau...

- Và ý kiến của mẹ ra sao?

Joseph nhìn qua chỗ khác:

- Mẹ con nói chúng ta phải chờ... cho tới khi chúng ta biết được chuyện Điện Biên Phủ kết thúc như thế nào.

- Nhưng chuyện đó đã kết thúc cách đây hai tháng.

- Cha biết. Nhưng con nên nhớ là chồng của mẹ con lúc ấy đang chiến đấu ở đó.

- Và mẹ không bao giờ cho cha biết câu trả lời của mẹ?

Nhìn vẻ mặt Tuyết, Joseph hiểu rằng đối với nó câu hỏi ấy quan trọng biết bao. Lòng anh bắt đầu chùng xuống:

- Cha nghĩ chắc chắn mẹ của con đã đồng ý.

- Nhưng mẹ không bao giờ nói với cha rằng mẹ đồng ý. Thực tế, cha thật sự không biết chắc chắn bà ấy muốn như thế nào.

Joseph lắc đầu bất lực:

- Không. Mẹ của con hứa sẽ cho cha biết lúc gặp cha hôm mẹ bị tử nạn - và rồi mẹ của con không bao giờ có cơ hội nói ra.

Hai cha con im lặng bước trong đôi ba phút. Joseph khốn quẫn lục lọi trong tâm trí, tìm cho ra những lập luận mới hầu có thể làm cho con gái tin nhiệm mình. Anh thấy sát bên anh, Tuyết đang cắn môi dưới, lộ vẻ bối rối. Rồi đột nhiên nó mở miệng nói một hơi, với giọng ngờ vực:

- Lúc này, ngay cả con cũng không biết mình có thể tin vào cha hay không. Con không biết cha quả thật là ai và đang làm công tác gì. Con cũng không biết chút gì về lối sống của cha. Cha thuộc dân Mỹ tư bản, con dù có mang trong mình chút máu huyết của cha nhưng thực tế đời sống, con chỉ là một người Việt tằm thường. Con sống theo lối Việt. Bên cạnh đó, ở đây có người đang thật sự yêu thương con.

Joseph mất tinh thần, nhìn con chăm chăm:

- Cha biết cậu mợ Tâm rất tử tế, nhưng hình như con không hiểu...

Mắt Tuyết chột sáng lên:

- Con không có ý nói tới cậu mợ Tâm!

Joseph đứng lại, nhìn con gái với vẻ thắc mắc:

- Thế con có ý nói gì?

Trong một chốc, Tuyết xoay xoay chiếc mũ đi nắng đang cầm trong tay. Rồi nó cẩn thận đội mũ lên đầu ngay ngắn và thắt gút hai dải lụa vào dưới cằm. Khi ngược mắt nhìn Joseph, khuôn mặt con gái trong bóng mát vành mũ làm anh nhớ tới Lan hơn bao giờ hết. Tuyết nói với giọng hơi rạn vỡ:

- Con có một người bạn. Anh ấy không yêu thương cả người Pháp thực dân lẫn người Mỹ tư bản - nhưng anh ấy yêu thương con. Có thể anh ấy là người đầu tiên trên đời này thật sự yêu thương con, sẽ mang lại hạnh phúc thật sự cho con và sẵn sàng hy sinh vì con.

Đột nhiên Tuyết quay đi. Joseph bắt lực nhìn xuống khuôn mặt của con gái, nhận ra nó sắp khóc.

- Con đi bây giờ. Đừng tính chuyện liên lạc với con nữa. Vĩnh biệt...Cha!

Tuyết quay mình và chạy thật lẹ dọc theo đại lộ, một tay giữ yên chiếc mũ trên đầu. Nó vẫn tiếp tục chạy cho tới khi khuất tầm mắt cha. Joseph đứng đăm đăm nhìn theo vóc dáng mảnh mai của con gái. Anh ngóng cổ theo cho tới khi cuối cùng, hình bóng nó chìm hẳn trong các đám đông đang đi lại trước Nhà Hát Lớn giữa lúc xế chiều. Nhưng Tuyết không dừng chân hoặc ngoái đầu nhìn lui.